

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn

TẬP MỘT

6



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

<http://tieulun.hopto.org>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KHẮC PHI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN ĐÌNH CHÚ (Chủ biên phần Văn)
NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên phần Tiếng Việt) – TRẦN ĐÌNH SỬ (Chủ biên
phần Tập làm văn) – BÙI MẠNH NHỊ – NGUYỄN QUANG NINH – ĐỖ NGỌC THỐNG

Ngữ văn 6

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ chín)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01 – 2011/CXB/44 – 1235/GD

Mã số : 2H608T1

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách giáo khoa *Ngữ văn* bậc Trung học cơ sở được biên soạn theo Chương trình Trung học cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 03/2002/QĐ-BGD & ĐT, ngày 24 tháng 1 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh những hướng cải tiến chung của bộ Chương trình như *giảm tải, tăng thực hành, gắn đời sống*, nét cải tiến nổi bật nhất của Chương trình và sách giáo khoa môn *Ngữ văn* là hướng *tích hợp*. Biểu hiện rõ nhất của hướng đó là việc sáp nhập ba phần lâu nay vẫn thường được gọi là ba phân môn (Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn) vào một chỉnh thể là *Ngữ văn* và do đó, từ chỗ có ba bộ sách *Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn*, nay chỉ còn có một bộ sách duy nhất là *Ngữ văn*. Việc thay đổi cấu tạo và tên gọi môn học ảnh hưởng không nhỏ đến cấu trúc sách giáo khoa, tổ chức bài học cũng như nhiều mặt của nội dung và phương pháp học tập, giảng dạy. Mỗi bài học, đơn vị của sách giáo khoa, nói chung đều gồm đủ ba phần : Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. Mục *Kết quả cần đạt* đặt ở đầu nêu mục tiêu mà học sinh cần đạt tới ở mỗi bài, nói chung cũng gồm đủ ba phần ứng với ba phân môn. Trừ phần *Văn bản* và *Chú thích* dùng chung cho cả ba phần, các mục còn lại đều thống nhất sắp xếp theo trình tự Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. Các văn bản được bố trí theo hệ thống thể loại và phần nào theo tiến trình văn học sử. Trong phần *Chú thích*, các yếu tố Hán Việt khi được giải thích riêng đều in nghiêng ; phần lớn những yếu tố này sẽ được tập hợp lại một cách có hệ thống ở cuối sách giáo khoa tập hai của mỗi lớp. Ngoài số lớn văn bản được hướng dẫn tìm hiểu tại lớp, còn một số văn bản "tự học có hướng dẫn" mang tính chất bắt buộc nhằm hình thành, phát triển thói quen và khả năng tự học, tìm tòi nghiên cứu ; số lượng loại văn bản này sẽ được nâng dần lên ở những lớp trên. Ở từng phân môn, còn một số văn bản phụ và văn bản "đọc thêm" có tính chất tư liệu nhằm giúp học sinh hiểu rõ hơn một vài phương diện của văn bản chính, nắm vững hơn các vấn đề lí thuyết hay có thêm chất liệu để làm tốt hơn các bài tập.

Để học tốt môn Ngữ văn theo tinh thần mới, điều mà học sinh cần lưu ý nhất trong phương pháp học tập là kết hợp chặt chẽ việc học tập, rèn luyện các kiến thức, kĩ năng của ba phân môn. Dĩ nhiên, mỗi phân môn đều có một số yêu cầu riêng cần nắm vững. Để đạt được điều đó, cần chú ý các bài *Tổng kết, Ôn tập* và riêng ở phần Văn, cần đọc kĩ những chú thích dấu sao (★) nói về đặc trưng các thể loại văn học.

Sách giáo khoa là công cụ để thầy (cô) giáo tổ chức hoạt động học tập của học sinh trên lớp cũng như ở nhà. Bởi vậy, điều quyết định kết quả học tập là sự quán triệt mục tiêu, yêu cầu của môn học, của từng bài học cụ thể cũng như quyết tâm thực hiện các yêu cầu đó của mỗi người.

Rất mong và tin rằng tất cả các em học sinh đều có đầy đủ nhận thức và quyết tâm ấy.

TM. Nhóm biên soạn

Tổng Chủ biên

NGUYỄN KHẮC PHI

BÀI 1

Kết quả cần đạt

- Bước đầu nắm được định nghĩa **truyện thuyết**. Hiểu nội dung, ý nghĩa và những chi tiết tưởng tượng kì ảo của truyện **Con Rồng cháu Tiên** và **Bánh chưng, bánh giầy**. Kể được hai truyện này.
- Nắm được định nghĩa về từ và ôn lại các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt đã học ở bậc Tiểu học.
- Hiểu được thế nào là **mục đích giao tiếp** và các dạng thức của **văn bản**.

VĂN BẢN

CON RỒNG CHÁU TIÊN

(Truyện thuyết (★))

Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mọc Tinh⁽¹⁾ – những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thuỷ cung⁽²⁾ với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông⁽³⁾, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô⁽⁴⁾, khoẻ mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và dân con để trở về thủy cung. Âu Cơ ở lại một mình nuôi con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở :

- Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con ?

Lạc Long Quân nói :

- Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình, tập quán⁽⁵⁾ khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi chia tay nhau lên đường.

Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô⁽⁶⁾ ở đất Phong Châu⁽⁷⁾, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ ; con trai vua gọi là lang, con gái vua gọi là mị nương ; khi cha chết



thì ngôi được truyền cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy hiệu là Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta – con cháu vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Chú thích

(★) *Truyện thuyết*: loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyện thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

Trong năm truyện thuyết ở sách này, bốn truyện đầu là những truyện thuyết về thời đại Hùng Vương – thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Những truyện thuyết này gắn với nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời các vua Hùng. Truyện thứ năm – *Sự tích Hồ Gươm* – là truyện thuyết về thời Hậu Lê. So với những truyện thuyết về thời kì đầu dựng nước, những truyện thuyết về thời sau ít yếu tố hoang đường hơn và theo sát lịch sử hơn.

Truyện thuyết Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ với thần thoại. Nhiều truyện thuyết, đặc biệt truyện thuyết về thời các vua Hùng, là những thần thoại đã được lịch sử hoá.

(1) *Ngư Tinh*: con cá sống lâu năm thành yêu quái; *Hổ Tinh*: con cáo sống lâu năm thành yêu quái; *Mộc Tinh*: cây sống lâu năm thành yêu quái (*ngư*: cá; *tinh*: yêu quái, như trong "cáo thành tinh" hoặc thần linh, như trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*).

(2) *Thủy cung*: cung điện dưới nước (*thủy*: nước; *cung*: nơi ở của vua hoặc toà nhà, công trình kiến trúc lớn).

(3) *Thần Nông*: nhân vật trong thần thoại và truyện thuyết đã dạy loài người trồng trọt và cấy cấy.

(4) *Khôi ngô*: (vẻ mặt) sáng sủa, thông minh.

(5) *Tập quán*: thói quen của một cộng đồng (địa phương, dân tộc, v.v...) hình thành từ lâu trong đời sống, được mọi người làm theo.

(6) *Đóng đồ* : lập kinh đồ.

(7) *Phong Châu* : tên gọi một vùng đất cổ, nay chủ yếu thuộc địa bàn tỉnh Phú Thọ, mà Việt Trì và Bạch Hạc là trung tâm.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hãy tìm những chi tiết trong truyện thể hiện tính chất kì lạ, cao quý về nguồn gốc và hình dạng của Lạc Long Quân và Âu Cơ.

2. Việc kết duyên của Lạc Long Quân cùng Âu Cơ và chuyện Âu Cơ sinh nở có gì kì lạ ? Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con như thế nào và để làm gì ? Theo truyện này thì người Việt là con cháu của ai ?

3. Em hiểu thế nào là chi tiết *tưởng tượng kì ảo* ? Hãy nói rõ vai trò của các chi tiết này trong truyện.

4. Thảo luận ở lớp : Ý nghĩa của truyện *Con Rồng cháu Tiên*. Hãy đọc phần *Đọc thêm* để hiểu đầy đủ hơn ý nghĩa đó.

Ghi nhớ

- Định nghĩa *truyền thuyết* (như chú thích (★) trang 7).
- Truyện *Con Rồng cháu Tiên* có nhiều chi tiết *tưởng tượng kì ảo* (như hình tượng các nhân vật thần có nhiều phép lạ và hình tượng bọc trăm trứng, v.v...) nhằm giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng của người Việt.

LUYỆN TẬP

1*. Em biết những truyện nào của các dân tộc khác ở Việt Nam cũng giải thích nguồn gốc dân tộc tương tự như truyện *Con Rồng cháu Tiên* ? Sự giống nhau ấy khẳng định điều gì ?

2. Hãy kể diễn cảm truyện *Con Rồng cháu Tiên*.

ĐỌC THÊM

– Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba^(a).

(a) Ngày mùng mười tháng ba âm lịch hằng năm là ngày giỗ Tổ Hùng Vương, tức là ngày tưởng nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước.

– Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

(Ca dao)

– Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi Chìm vết
Nước là nơi Rồng ở
Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng
Nhưng ai đã khuất
Nhưng ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ.

(Nguyễn Khoa Điềm, *Mặt đường khát vọng*)

VĂN BẢN

BÁNH CHUNG, BÁNH GIẤY

(Truyện thuyết)

(Tự học có hướng dẫn)

Hùng Vương lúc về già, muốn truyền ngôi, nhưng nhà vua có những hai mươi người con trai, không biết chọn ai cho xứng đáng. Giặc ngoài đã dẹp yên, nhưng dân có ấm no, ngai vàng mới vững. Nhà vua bèn gọi các con lại và nói :

– Tổ tiên⁽¹⁾ ta từ khi dựng nước, đã truyền được sáu đời. Giặc Ân⁽²⁾ nhiều lần xâm lấn bờ cõi, nhờ phúc ăm⁽³⁾ Tiên vương⁽⁴⁾ ta đều đánh đuổi được, thiên hạ được hưởng thái bình. Nhưng ta già rồi, không sống mãi ở đời, người nối ngôi ta phải nối được chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng. Năm nay, nhân lễ Tiên vương, ai làm vừa ý ta, ta sẽ truyền ngôi cho, có Tiên vương chứng giám⁽⁵⁾.

Các lang ai cũng muốn ngôi bầu về mình, nên cố làm vừa ý vua cha. Nhưng ý vua cha như thế nào, không ai đoán được. Họ chỉ biết đua nhau làm cỗ thật hậu⁽⁶⁾, thật ngon đem về lễ Tiên vương.

Người buồn nhất là Lang Liêu. Chàng là con thứ mười tám ; mẹ chàng trước kia bị vua cha ghé lạnh⁽⁷⁾, ốm rồi chết. So với anh em, chàng thiệt thòi nhất. Những anh em của chàng sai người đi tìm của quý trên rừng, dưới biển. Còn chàng, từ khi lớn lên, ra ở riêng chỉ chăm lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai ; bây giờ nhìn quanh trong nhà cũng chỉ có khoai, lúa là nhiều. Nhưng khoai, lúa tầm thường quá !

Một đêm, chàng nằm mộng thấy thần đến bảo :

- Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo. Chỉ có gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Các thứ khác tuy ngon, nhưng hiếm, mà người không làm ra được. Còn lúa gạo thì mình trồng lấy, trồng nhiều được nhiều. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương.



Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng ngắm nghĩ, chàng càng thấy lời thần nói đúng. Chàng bèn chọn thứ gạo nếp thơm lòng, trắng tinh, hạt nào hạt nấy tròn mẩy, đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạo nếp ấy, chàng đồ⁽⁸⁾ lên, già nhuyễn, nặn hình tròn.

Đến ngày lễ Tiên vương, các lang mang sơn hào hải vị⁽⁹⁾, nem công chả phượng⁽¹⁰⁾ tới, chẳng thiếu thứ gì. Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chõng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại. Vua cha ngắm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế⁽¹¹⁾ Trời, Đất cùng Tiên vương.

Lễ xong, vua cho đem bánh ra ăn cùng với quần thần⁽¹²⁾. Ai cũng tấm tắc khen ngon.

Vua họp mọi người lại nói :

– Bánh hình tròn là tượng Trời⁽¹³⁾ ta đặt tên là bánh giầy. Bánh hình vuông là tượng Đất⁽¹⁴⁾, các thứ thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cảm thú, cây cỏ muôn loài, ta đặt tên là bánh chưng. Lá bọc ngoài, mỡ vị⁽¹⁵⁾ để trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Lang Liêu đã dâng lễ vật hợp với ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, xin Tiên vương chứng giám.

Từ đấy, nước ta chăm nghề trồng trọt, chăn nuôi và có tục ngày Tết làm bánh chưng, bánh giầy. Thiếu bánh chưng, bánh giầy là thiếu hẳn hương vị ngày Tết.

(Theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập I –
Văn học dân gian, NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chú thích

(1) *Tổ tiên* : các thế hệ cha ông, cụ kị, ... đã qua đời.

(2) *Giặc Ân* : chỉ giặc phương Bắc xâm lược nước ta thời đó.

(3) *Phúc ẩm* : phúc của tổ tiên để lại cho con cháu.

(4) *Tiên vương* : từ tôn xưng vua đời trước đã mất (thường cùng một triều đại) (*tiên* : trước, trái nghĩa với *hậu* : sau).

(5) *Chứng giám* : soi xét và làm chứng.

(6) *Hậu* : ở đây muốn nói cỡ to hơn mức bình thường (*hậu* : dày).

(7) *Ghế lạnh* : thờ ơ, nhạt nhẽo, xa lánh đối với người lẽ ra phải gần gũi, thân thiết.

(8) *Đồ* : ở đây là nấu chín bằng hơi nước trong nồi hai tầng, tầng trên có lỗ ở đáy (chõ).

(9) *Sơn hào hải vị* : những món ăn ngon, quý hiếm được chế biến từ những sản vật ở núi và biển ; những món ăn quý, lạ nói chung (*sơn* : núi, *hào* : thức ăn động vật ; *hải* : biển ; *vị* : món ăn).

(10) *Nem công chả phượng* : những món ăn ngon, sang trọng và quý hiếm, ví như những thức ăn được chế biến công phu từ thịt các loại chim quý như công và phượng.

(11) *Tế* : cúng lễ.

(12) *Quần thần* : các quan trong triều (xét trong quan hệ với vua).

(13), (14) *Tượng Trời, tượng Đất* : ở đây có nghĩa là gợi hình Trời và Đất. Ngày xưa, người ta quan niệm Trời có hình tròn như cái vung, Đất có hình vuông.

(15) *Mĩ vị* : ở đây chỉ những vật liệu quý để làm bánh chưng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Vua Hùng chọn người nối ngôi trong hoàn cảnh nào, với ý định ra sao và bằng hình thức gì ?

2. Vì sao trong các con vua, chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ ?

3. Vì sao hai thứ bánh của Lang Liêu được vua cha chọn để tế Trời, Đất, Tiên vương và Lang Liêu được chọn nối ngôi vua ?

4. Hãy nêu ý nghĩa của truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*.

Ghi nhớ

Truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy* vừa giải thích nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy, vừa phản ánh thành tựu văn minh nông nghiệp ở buổi đầu dựng nước với thái độ đề cao lao động, đề cao nghề nông và thể hiện sự thờ kính Trời, Đất, tổ tiên của nhân dân ta. Truyện có nhiều chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho truyện dân gian (nhân vật chính – Lang Liêu – trải qua cuộc thi tài, được thần giúp đỡ và được nối ngôi vua, v.v...).

LUYỆN TẬP

1. Trao đổi ý kiến ở lớp : Ý nghĩa của phong tục ngày Tết nhân dân ta làm bánh chưng, bánh giầy.

2*. Đọc truyện này, em thích nhất chi tiết nào ? Vì sao ?

TỪ VÀ CẤU TẠO CỦA TỪ TIẾNG VIỆT

I – TỪ LÀ GÌ ?

1. Lập danh sách các tiếng và danh sách các từ trong câu sau, biết rằng mỗi từ đã được phân cách với từ khác bằng dấu gạch chéo :

Thần / dạy / dân / cách / trồng trọt, / chăn nuôi / và / cách / ăn ở.

(Con Rồng cháu Tiên)

2. Các đơn vị được gọi là *tiếng* và *từ* có gì khác nhau ?

Gợi ý :

- Mỗi loại đơn vị được dùng làm gì ?
- Khi nào một tiếng được coi là một từ ?

Ghi nhớ

Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.

II – TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

1. Dựa vào những kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy điền các từ trong câu dưới đây vào bảng phân loại :

Từ / đây, / nước / ta / chăm / nghề / trồng trọt, / chăn nuôi / và / có / tục / ngày / Tết / làm / bánh chưng, / bánh giầy.

(Bánh chưng, bánh giầy)

Bảng phân loại

Kiểu cấu tạo từ		Ví dụ
Từ đơn		
Từ phức	Từ ghép	
	Từ láy	

2. Cấu tạo của từ ghép và từ láy có gì giống nhau và có gì khác nhau ?

Ghi nhớ

- **Tiếng** là đơn vị cấu tạo nên từ.
- Từ chỉ gồm một tiếng là **từ đơn**. Từ gồm hai hoặc nhiều tiếng là **từ phức**.
- Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là **từ ghép**. Còn những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là **từ láy**.

III – LUYỆN TẬP

1. Đọc câu sau và thực hiện các nhiệm vụ nêu bên dưới :

[...] Người Việt Nam ta – con cháu vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên.

(Con Rồng cháu Tiên)

- a) Các từ *nguồn gốc*, *con cháu* thuộc kiểu cấu tạo từ nào ?
- b) Tìm những từ đồng nghĩa với từ *nguồn gốc* trong câu trên.
- c) Tìm thêm các từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc theo kiểu : *con cháu*, *anh chị*, *ông bà*, ...

2. Hãy nêu quy tắc sắp xếp các tiếng trong từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc.

Gợi ý về các khả năng sắp xếp :

- Theo giới tính (nam, nữ) : *anh chị*, ...
- Theo bậc (bậc trên, bậc dưới) : *cha anh*, ...

3. Tên các loại bánh đều được cấu tạo theo công thức "**bánh + x**" : *bánh rán*, *bánh nếp*, *bánh dẻo*, *bánh nướng*, *bánh gối*, *bánh tôm*, *bánh tẻ*, *bánh gai*, *bánh xốp*, *bánh khúc*, *bánh khoai*, ... Theo em, các tiếng đứng sau (kí hiệu **x**) trong những từ ghép trên có thể nêu những đặc điểm gì để phân biệt các thứ bánh với nhau ? Hãy nêu ý kiến của em bằng cách điền những tiếng thích hợp vào các chỗ trống trong bảng sau :

Nêu cách chế biến bánh	(bánh) rán, ...
Nêu tên chất liệu của bánh	(bánh) nếp, ...
Nêu tính chất của bánh	(bánh) dẻo, ...
Nêu hình dáng của bánh	(bánh) gối, ...

4. Từ láy được in đậm trong câu sau miêu tả cái gì ?

Nghĩ tủi thân, công chúa Út ngồi khóc thút thít.

(*Nàng Út làm bánh ót*)

Hãy tìm những từ láy khác có cùng tác dụng ấy.

5. Thi tìm nhanh các từ láy :

a) Tả tiếng cười, ví dụ : *khanh khách*

b) Tả tiếng nói, ví dụ : *ôm ôm*

c) Tả dáng điệu, ví dụ : *lom khom*

ĐỌC THÊM

Một số từ ghép có tiếng **ăn** :

ăn học, ăn nói, ăn mặc, ăn ở, ăn chơi, ăn bám, ăn bớt, ăn cắp, ăn cắp, ăn chay, ăn chặn, ăn chực, ăn đong, ăn gian, ăn hàng, ăn hớt, ăn hại, ăn khách, ăn không, ăn khóp, ăn nhập, ăn theo, ăn trộm, ăn xối, ăn ý, ...

GAO TIẾP, VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

I – TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

1. Văn bản và mục đích giao tiếp

a) Trong đời sống, khi có một tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng (ví dụ : muốn khuyên nhủ người khác một điều gì, có lòng yêu mến bạn, muốn tham gia một hoạt động do nhà trường tổ chức, v.v...) mà cần biểu đạt cho mọi người hay ai đó biết, thì em làm thế nào ?

b) Khi muốn biểu đạt tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng ấy một cách đầy đủ, trọn vẹn cho người khác hiểu, thì em phải làm như thế nào ?

c) Đọc câu ca dao sau và trả lời câu hỏi :

*Ai ơi giữ chí cho bền
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.*

Em hãy nhận xét : Câu ca dao này được sáng tác ra để làm gì ? Nó muốn nói lên vấn đề (chủ đề) gì ? Hai câu 6 và 8 liên kết với nhau như thế nào (về luật thơ và về ý) ? Như thế đã biểu đạt trọn vẹn một ý chưa ? Theo em, câu ca dao đó đã có thể coi là một văn bản chưa ?

d) Lời phát biểu của thầy (cô) hiệu trưởng trong lễ khai giảng năm học có phải là một văn bản không ? Vì sao ?

d) Bức thư em viết cho bạn bè hay người thân có phải là một văn bản không ?

e) Những đơn xin học, bài thơ, truyện cổ tích (kể miệng hay được chép lại), câu đối, thiệp mời dự đám cưới, ... có phải đều là văn bản không ? Hãy kể thêm những văn bản mà em biết.

2. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản

Tùy theo mục đích giao tiếp cụ thể mà người ta sử dụng các kiểu văn bản với các phương thức biểu đạt phù hợp. Có thể chia ra các phương thức biểu đạt sau :

TT	Kiểu văn bản, phương thức biểu đạt	Mục đích giao tiếp	Ví dụ
1	Tự sự	Trình bày diễn biến sự việc	
2	Miêu tả	Tái hiện trạng thái sự vật, con người	
3	Biểu cảm	Bày tỏ tình cảm, cảm xúc	
4	Nghị luận	Nêu ý kiến đánh giá, bàn luận	
5	Thuyết minh	Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp	
6	Hành chính - công vụ	Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người và người	

Bài tập

Cho các tình huống giao tiếp sau, hãy lựa chọn kiểu văn bản và phương thức biểu đạt phù hợp :

- Hai đội bóng đá muốn xin phép sử dụng sân vận động của thành phố ;
- Tường thuật diễn biến trận đấu bóng đá ;
- Tả lại những pha bóng đẹp trong trận đấu ;
- Giới thiệu quá trình thành lập và thành tích thi đấu của hai đội ;
- Bày tỏ lòng mến yêu môn bóng đá ;
- Bác bỏ ý kiến cho rằng bóng đá là môn thể thao tốn kém, làm ảnh hưởng không tốt tới việc học tập và công tác của nhiều người.

Ghi nhớ

- **Giao tiếp** là hoạt động truyền đạt, tiếp nhận tư tưởng, tình cảm bằng phương tiện ngôn từ.
- **Văn bản** là chuỗi lời nói miệng hay bài viết có chủ đề thống nhất, có liên kết, mạch lạc, vận dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện mục đích giao tiếp.
- Có sáu kiểu văn bản thường gặp với các phương thức biểu đạt tương ứng : tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính – công vụ. Mỗi kiểu văn bản có mục đích giao tiếp riêng.

II – LUYỆN TẬP

1. Các đoạn văn, thơ dưới đây thuộc phương thức biểu đạt nào ?

a) Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi đứa một cái giỏ, sai đi bắt tôm, bắt tép và húa, đứa nào bắt được đầy giỏ sẽ thưởng cho một cái yếm đỏ. Tấm vốn chăm chỉ, lại sợ đi mắng nên mãi miết suốt buổi bắt đầy một giỏ cả tôm lẫn tép. Còn Cám quen được nuông chiều, chỉ ham chơi nên mãi đến chiều chẳng bắt được gì. Thấy Tấm bắt được đầy giỏ, Cám bảo chị :

Chị Tám ơi, chị Tám !

Đầu chị lấm

Chị hụp cho sâu

Kéo về dì mắng.

Tám tưởng thật, hụp xuống thì Cám trút hết giỏ tôm tép của Tám vào giỏ mình, rồi chạy về nhà trước.

(Tám Cám)

b) Trăng đang lên. Mặt sông lấp loáng ánh vàng. Núi Trùm Cát đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím thâm uy nghi, trầm mặc. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

(Khuất Quang Thụy, Trong cơn gió lốc)

c) Muốn xây dựng một đất nước giàu mạnh thì phải có nhiều người tài giỏi. Muốn có nhiều người tài giỏi thì học sinh phải ra sức học tập văn hoá và rèn luyện thân thể, bởi vì chỉ có học tập và rèn luyện thì các em mới có thể trở thành những người tài giỏi trong tương lai.

(Trích Tài liệu hướng dẫn đội viên)

d) Trúc xinh trúc mọc đầu đình

Em xinh em đứng một mình cũng xinh.

(Ca dao)

đ) Nếu ta đẩy quả địa cầu quay quanh trục theo hướng từ tay trái sang tay phải mà chúng ta gọi là hướng từ tây sang đông thì hầu hết các điểm trên bề mặt quả địa cầu đều chuyển động, đều thay đổi vị trí và vẽ thành những đường tròn.

(Theo Địa lí 6)

2. Truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên thuộc kiểu văn bản nào ? Vì sao em biết như vậy ?

BÀI 2

Kết quả cần đạt

- *Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số nét nghệ thuật tiêu biểu của truyện Thánh Gióng. Kể lại được truyện này.*
- *Hiểu được thế nào là từ mượn (đặc biệt là từ Hán Việt) và bước đầu biết cách sử dụng từ mượn.*
- *Nắm được những hiểu biết chung về văn tự sự.*

VĂN BẢN

THÁNH GIÓNG⁽¹⁾

(Truyện thuyết)

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng⁽²⁾ có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai⁽³⁾ và mười hai tháng⁽⁴⁾ sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay ! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

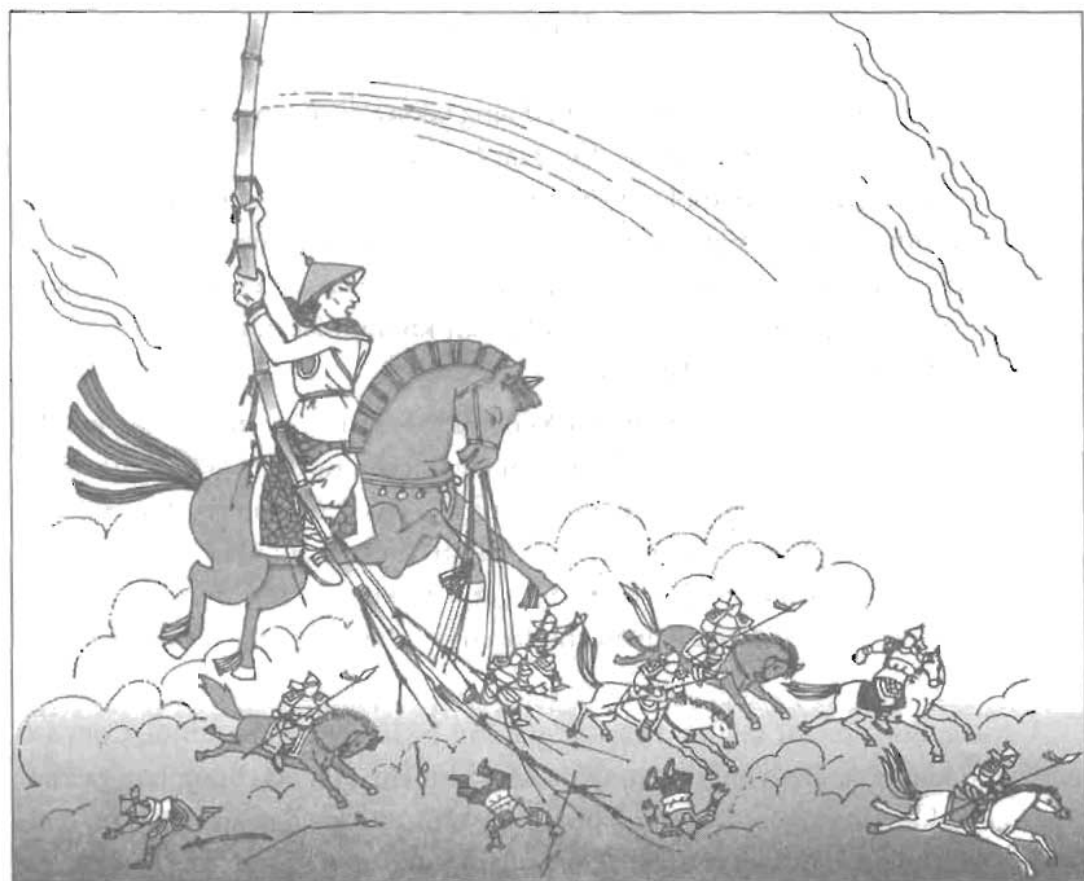
Bấy giờ có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ, bèn sai sứ giả⁽⁵⁾ đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói : "Mẹ ra mời sứ giả vào đây". Sứ giả vào, đứa bé bảo : "Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp⁽⁶⁾ sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này". Sứ giả vừa kinh ngạc⁽⁷⁾, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn.

Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước.

Giặc đã đến chân núi Trâu⁽⁸⁾. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt⁽⁹⁾. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ⁽¹⁰⁾ mình cao hơn trượng⁽¹¹⁾, oai phong,凛冽⁽¹²⁾. Tráng sĩ bước lên võ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi⁽¹³⁾ thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân⁽¹⁴⁾ giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn)⁽¹⁵⁾. Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

Vua nhớ công ơn phong⁽¹⁶⁾ là Phù Đổng Thiên Vương⁽¹⁷⁾ và lập đền thờ ngay ở quê nhà.

Hiện nay vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng. Mỗi năm đến tháng tư, làng mở hội to lắm. Người ta kể rằng, những bụi tre đằng ngà⁽¹⁸⁾





Tranh của họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm

ở huyện Gia Bình vì ngựa phun lửa bị cháy mới ngả màu vàng óng như thế, còn những vết chân ngựa nay thành những ao hồ liên tiếp. Người ta còn nói khi ngựa thét ra lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng đó về sau gọi là làng Cháy⁽¹⁹⁾.

(Theo Lê Trí Viễn)

Chú thích

(1) *Thánh Gióng* : đức thánh làng Gióng (*thánh* : bậc anh minh, tài đức phi thường, có khi được coi như có phép mầu nhiệm, thường được thờ ở các đền như đức thánh Tản Viên, đức thánh Trần – Trần Hưng Đạo, ...).

(2) *Làng Gióng* : trước đây thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(3) *Thụ thai* : bắt đầu có thai (có chữa, mang bầu, ...).

(4) *Mười hai tháng* : đây là sự mang thai khác thường (người bình thường chỉ mang thai chín tháng mười ngày thì sinh con). Trong truyện cổ dân gian, chi tiết này biểu hiện "sự ra đời thần kì".

(5) *Sứ giả* : người vâng mệnh trên (ở đây là vua) đi làm một việc gì ở các địa phương trong nước hoặc nước ngoài (*sứ* : người được vua hay nhà nước phái đi đại diện ; *giả* : kẻ, người).

(6) *Áo giáp* : áo được làm bằng chất liệu đặc biệt (da thú hoặc sắt, ...) nhằm chống đỡ binh khí, bảo vệ cơ thể.

(7) *Kinh ngạc* : thái độ rất ngạc nhiên trước hiện tượng kì lạ và bất ngờ.

(8) *Núi Trâu* : xưa thuộc đất Vũ Ninh, nay thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

(9) *Hoảng hốt* : chỉ tình trạng sợ sệt, vội vã, cuống quýt.

(10) *Tráng sĩ* : người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn (*tráng* : khoẻ mạnh, to lớn, cường tráng ; *sĩ* : người trí thức thời xưa và những người được tôn trọng nói chung).

(11) *Trượng* : đơn vị đo bằng 10 thước Trung Quốc cổ (tức 3,33 mét) ; ở đây hiểu là rất cao.

(12) *Lẫm liệt* : hùng dũng, oai nghiêm.

(13) *Phi* : ở đây là thúc ngựa chạy nhanh như bay (*phi* : bay).

(14) *Tàn quân* : quân bại trận còn sống sót.

(15) *Núi Sóc* : nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

(16) *Phong* : ban cho, tặng thưởng (chức tước, đất đai, học vị, ...).

(17) *Phù Đổng Thiên Vương* : vị thiên vương ở làng Phù Đổng (*thiên vương* : ở đây hiểu là vị tướng nhà trời ; *phù* : giúp đỡ ; *đổng* : chính đốn, trông coi).

(18) *Tre đằng ngà* : giống tre có lớp cật ngoài trơn, bóng, màu vàng.

(19) *Làng Cháy* : một làng ở cạnh làng Phù Đổng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Trong truyện *Thánh Gióng* có những nhân vật nào ? Ai là nhân vật chính ? Nhân vật chính này được xây dựng bằng rất nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo và giàu ý nghĩa. Em hãy tìm và liệt kê ra những chi tiết đó.

2. Theo em, các chi tiết sau đây có ý nghĩa như thế nào ?

a) Tiếng nói đầu tiên của chú bé lên ba là tiếng nói đòi đánh giặc.

b) Gióng đòi ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt để đánh giặc.



- c) Bà con làng xóm vui lòng góp gạo nuôi cậu bé.
- d) Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.
- d) Gậy sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc.
- e) Gióng đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng về trời.

3. Hãy nêu ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng.

4*. Truyền thuyết thường liên quan đến sự thật lịch sử. Theo em, truyện Thánh Gióng có liên quan đến sự thật lịch sử nào ?

Ghi nhớ

Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì là biểu tượng^(a) rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, đồng thời là sự thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống ngoại xâm.

(a) Biểu tượng: hình ảnh được rất nhiều người cùng thừa nhận là tiêu biểu cho một đặc điểm hay phẩm chất nào đó của một sự vật, một nhân vật hoặc một cộng đồng.

LUYỆN TẬP

1. Hình ảnh nào của Gióng là hình ảnh đẹp nhất trong tâm trí em ?

2. Theo em, tại sao hội thi thể thao trong nhà trường phổ thông lại mang tên *Hội khoẻ Phù Đổng* ?

ĐỌC THÊM

*Ôi sức trẻ ! Xưa trai Phù Đổng
Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân
Cười lưng ngựa sắt bay phun lửa
Nhớ bụi tre làng, đuổi giặc Ân !*

(Tố Hữu, Theo chân Bác)

TỪ MƯỢN

I – TỪ THUẦN VIỆT VÀ TỪ MƯỢN

1. Dựa vào chú thích ở bài *Thánh Gióng*, hãy giải thích các từ *trượng*, *tráng sĩ* trong câu sau :

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng [...].

(*Thánh Gióng*)

2. Theo em, các từ được chú thích có nguồn gốc từ đâu ?

3. Trong số các từ dưới đây, những từ nào được mượn từ tiếng Hán ? Những từ nào được mượn từ các ngôn ngữ khác ?

sứ giả, tí vi, xà phòng, bướm, mít tinh, ra-đi-ô, gan, điện, ga, bơm, xô viết, giang sơn, in-tơ-nét.

4. Nêu nhận xét về cách viết các từ mượn nói trên.

Ghi nhớ

- Ngoài từ **thuần Việt** là những từ do nhân dân ta tự sáng tạo ra, chúng ta còn vay mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm, ... mà tiếng Việt chưa có từ thật thích hợp để biểu thị. Đó là các từ mượn.
 - Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán (gồm từ gốc Hán và từ Hán Việt).
- Bên cạnh đó, tiếng Việt còn mượn từ của một số ngôn ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga, ...
- Các từ mượn đã được Việt hoá thì viết như từ thuần Việt. Đối với những từ mượn chưa được Việt hoá hoàn toàn, nhất là những từ gồm trên hai tiếng, ta nên dùng gạch nối để nối các tiếng với nhau.

II – NGUYÊN TẮC MƯỢN TỪ

Em hiểu ý kiến sau của Chủ tịch Hồ Chí Minh như thế nào ?

Đời sống xã hội ngày càng phát triển và đổi mới. Có những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng, thì cần phải mượn chữ nước ngoài. Ví dụ : "độc lập", "tự do", "giai cấp", "cộng sản", v.v... Còn những chữ tiếng ta có, vì sao không dùng, mà cũng mượn chữ nước ngoài ? Ví dụ :

Không gọi xe lửa mà gọi "hoả xa" ; máy bay thì gọi là "phi cơ" [...].

Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao ?

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10,
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 615)

Ghi nhớ

Mượn từ là một cách làm giàu tiếng Việt. Tuy vậy, để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc, không nên mượn từ nước ngoài một cách tùy tiện.

III – LUYỆN TẬP

1. Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng (ngôn ngữ) nào.

a) *Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sinh lễ.*

(Sọ Dừa)

b) *Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập.*

(Sọ Dừa)

c) *Ông vua nhạc pốp Mai-cơn Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-tơ-nét với việc mở một trang chủ riêng.*

2. Hãy xác định nghĩa của từng tiếng tạo thành các từ Hán Việt dưới đây :

a) *khán giả* : người xem ; *thính giả* : người nghe ; *độc giả* : người đọc.

b) *yếu điểm* : điểm quan trọng ; *yếu lược* : tóm tắt những điều quan trọng ; *yếu nhân* : người quan trọng.

3. Hãy kể một số từ mượn :

a) Là tên các đơn vị đo lường, ví dụ : *mét*

b) Là tên một số bộ phận của chiếc xe đạp, ví dụ : *ghi đông*

c) Là tên một số đồ vật, ví dụ : *ra-di-ô*

4. Những từ nào trong các cặp từ dưới đây là từ mượn ? Có thể dùng chúng trong những hoàn cảnh nào, với những đối tượng giao tiếp nào ?

a) *Bạn bè tới tấp phôn / gọi điện đến.*

b) *Ngọc Linh là một fan / người say mê bóng đá cuồng nhiệt.*

c) *Anh đã hạ nốc ao / đo ván võ sĩ nước chủ nhà.*

5. Chính tả (nghe – viết) : *Thánh Gióng (từ Tráng sĩ mặc áo giáp đến lập đền thờ ngay ở quê nhà).*

ĐỌC THÊM

BÁC HỒ NÓI VỀ VIỆC DÙNG TỪ MƯỢN

"[...] Những từ không dịch được thì phải mượn của tiếng các nước. Nhưng chỉ nên mượn khi thật cần thiết, và đã mượn thì phải mượn cho đúng.

Tại sao thường vay mượn khi không cần thiết hoặc vay mượn không đúng ?
Vì :

1. Không quý báu tiếng của dân tộc, tự ti ;
2. Học tập không đến nơi đến chốn.

Vay mượn là cần, nhưng phải chống lạm dụng, chống lười biếng. Cần có một cuộc vận động chống việc lạm dụng tiếng nước ngoài [...]."

(Dẫn theo Tạp chí Ngôn ngữ, số 3 – 1970, tr. 3)

"Chúng ta không chống mượn tiếng nước ngoài để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu."

(X. Y. Z., *Sửa đổi lối làm việc*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1959)

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN TỰ SỰ

I – Ý NGHĨA VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA PHƯƠNG THỨC TỰ SỰ

1. Trong đời sống hằng ngày ta thường nghe những yêu cầu và câu hỏi như sau :

- Bà ơi, bà kể chuyện cổ tích cho cháu nghe đi !
- Cậu kể cho mình nghe, Lan là người như thế nào.
- Bạn An gặp chuyện gì mà lại thôi học nhỉ ?
- Thơm ơi, lại đây tớ kể cho nghe câu chuyện này hay lắm.

a) Gặp trường hợp như thế, theo em, người nghe muốn biết điều gì và người kể phải làm gì ?

b) Trong những trường hợp trên, câu chuyện phải có một ý nghĩa nào đó. Ví dụ, nếu muốn cho bạn biết Lan là một người bạn tốt, người được hỏi phải kể những việc như thế nào về Lan ? Vì sao ? Nếu người trả lời kể một câu chuyện về

An mà không liên quan tới việc thôi học của An thì có thể coi là câu chuyện có ý nghĩa được không ? Vì sao ?

2. Truyện *Thánh Gióng* mà em đã học là một văn bản tự sự. Văn bản tự sự này cho ta biết những điều gì ? (Truyện kể về ai, ở thời nào, làm việc gì, diễn biến của sự việc, kết quả ra sao, ý nghĩa của sự việc như thế nào ?) Vì sao có thể nói truyện *Thánh Gióng* là truyện ngợi ca công đức của vị anh hùng làng Gióng ?

– Hãy liệt kê các sự việc theo thứ tự trước sau của truyện. Truyện bắt đầu từ đâu, diễn biến như thế nào, kết thúc ra sao ? Từ thứ tự các sự việc đó, em hãy suy ra đặc điểm của phương thức (cách thức) tự sự.

Ghi nhớ

- *Tự sự (kể chuyện) là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.*
- *Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen, chê.*

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc mẩu chuyện sau và trả lời câu hỏi :

ÔNG GIÀ VÀ THẦN CHẾT

Một lần ông già dẫn xong củi và mang về. Phải mang đi xa ông già kiệt sức, đặt bó củi xuống rồi nói :

– Chà, giá Thần Chết đến mang ta đi có phải hơn không !

Thần Chết đến và bảo :

– Ta đây, lão cần gì nào ?

Ông già sợ hãi bảo :

– Lão muốn ngài nhắc hộ bó củi lên cho lão.

(Lép Tôn-xtôi, *Kiến và chim bồ câu*)

Câu hỏi :

Hãy cho biết : Trong truyện này, phương thức tự sự thể hiện như thế nào ? Câu chuyện thể hiện ý nghĩa gì ?

2. Bài thơ sau đây có phải tự sự không, vì sao ? Hãy kể lại câu chuyện bằng miệng :

SA BẦY

Bé Mây rủ mèo con
Đánh bầy bầy chuột nhất
Mồi thơm : cá nướng ngon
Lũng lơ trong cạm sắt.

Lũ chuột tham hoá ngốc
Chẳng nhin thềm được đâu !
Bé Mây cười tít mắt
Mèo gật gù, rung râu.

Đêm ấy Mây nằm ngủ
Mơ đầy lông chuột sa
Cùng mèo con đem xử
Chúng khóc ròng, xin tha !

Sáng mai vùng xuống bếp :
Bầy sập tự bao giờ
Chuột không, cá cũng hết
Giữa lông mèo nằm... mơ !

(Nguyễn Hoàng Sơn, Đất mùa thu vào phố)

3. Hai văn bản sau đây có nội dung tự sự không ? Vì sao ? Tự sự ở đây có vai trò gì ?

HUẾ : KHAI MẠC TRẠI ĐIỀU KHẮC QUỐC TẾ LẦN THỨ BA

Chiều ngày 3 – 4 – 2002, trại điêu khắc quốc tế lần thứ ba với chủ đề "Ấn tượng Huế – Việt Nam 2002" đã khai mạc tại Công viên 3 – 2, mở đầu các hoạt động nghệ thuật của Festival Huế 2002. Tham gia trại lần này có 27 tác giả quốc tế từ 18 nước của 4 châu lục và 11 tác giả Việt Nam. Giúp việc cho các nhà điêu khắc có gần 100 thợ đá, gò, hàn lạnh nghề và 15 sinh viên khoa điêu khắc của

Trường Đại học Nghệ thuật Huế. Trại bế mạc vào ngày 11 – 5 – 2002. Tất cả tác phẩm sẽ được tặng cho địa phương để xây dựng một vườn tượng tại Huế.

(Báo Thanh niên, ngày 4 – 4 – 2002)

NGƯỜI ÂU LẠC ĐÁNH TAN QUÂN TÂN XÂM LƯỢC

Bấy giờ, ở Trung Quốc, nhà Tần vừa thành lập (năm 221 tr. CN). [...] Năm 218 tr. CN, Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đem 50 vạn quân chia làm năm mũi xâm lược đất Bách Việt ở phía nam. Quân Tần tràn đến đâu, lập thêm quận huyện mới đến đấy. [...] Quân xâm lược tàn bạo càng hung hăng tiến sâu vào đất của người Âu Việt, người Lạc Việt.

Trước nạn xâm lược của quân Tần, người Âu Việt và Lạc Việt đã tập hợp nhau lại để tự vệ. Quân Tần đông, tấn công ồ ạt. Không thể dàn quân, mặt đối mặt mà đánh địch, họ phải bảo nhau tính chuyện kháng cự lâu dài. Bỏ cửa, bỏ nhà, bỏ cả ruộng vườn, nương rẫy, họ kéo nhau vào rừng sâu, lên núi cao, ... Lương thực, vũ khí, gia súc, ... chuyển đi theo người. Già, trẻ, gái, trai cùng nhau lập mưu bàn kế, cử người tài giỏi làm tướng chỉ huy. Thục Phán, thủ lĩnh của người Âu Việt bấy giờ, là một người trẻ tuổi, rất gan dạ và thông minh. Ông được cử ra chỉ huy chiến đấu. Ban ngày, họ tìm nơi lẩn tránh, đêm đến mới bất thần xông ra đánh địch. Quân Tần đóng ở những làng xóm không người ở, không cướp được lương ăn, thường xuyên bị mai phục, đánh tã.

[...]

Cuộc kháng chiến của người Việt chống quân Tần cứ thế tiếp diễn qua nhiều năm. Hàng vạn quân xâm lược bị tiêu diệt. Chủ tướng Đồ Thư phải bỏ mạng. Đến khi Tần Thủy Hoàng chết, nông dân Trung Quốc nổi lên khởi nghĩa ở khắp nơi, nhà Tần phải rút quân xâm lược (năm 208 tr. CN).

(Lịch sử 6, 2000)

4. Em hãy kể câu chuyện để giải thích vì sao người Việt Nam tự xưng là con Rồng cháu Tiên.

5. Trong cuộc họp lớp đầu năm Giang đề nghị bầu Minh làm lớp trưởng, vì bạn Minh đã chăm học, học giỏi, lại thường giúp đỡ bạn bè. Theo em, Giang có nên kể vắn tắt một vài thành tích của Minh để thuyết phục các bạn cùng lớp hay không ?

BÀI 3

Kết quả cần đạt

- **Hiểu được nội dung, ý nghĩa, một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. Kể lại được câu chuyện.**
- **Hiểu thế nào là *nghĩa của từ* và nắm được một số cách *giải thích nghĩa của từ*.**
- **Nắm được vai trò và ý nghĩa của các yếu tố *sự việc và nhân vật trong văn tự sự*, chỉ ra và vận dụng các yếu tố trên khi đọc hay kể một câu chuyện.**

VĂN BẢN

SƠN TINH, THỦY TINH⁽¹⁾

(Truyền thuyết)

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn⁽²⁾. Một người ở vùng núi Tản Viên⁽³⁾ có tài lạ : vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi ; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém : gọi gió, gió đến ; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho mời các Lạc hầu⁽⁴⁾ vào bàn bạc. Xong, vua phán⁽⁵⁾ :

– Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào ? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ⁽⁶⁾ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.



Hai chàng tâu⁽⁷⁾ hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, vua bảo : "Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao⁽⁸⁾, mỗi thứ một đôi".

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.

Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước.

Sơn Tinh không hề nao núng⁽⁹⁾. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thuỷ Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

(Theo Huyền Lý)

Chú thích

(1) *Sơn Tinh* : Thần Núi ; *Thuỷ Tinh* : Thần Nước (*sơn* : núi ; *thuỷ* : nước). Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* bắt nguồn từ thần thoại cổ về núi Tản Viên nhưng đã được lịch sử hoá thành truyền thuyết. Truyện được gắn vào một thời đại lịch sử, trở thành một truyện quan trọng trong chuỗi truyền thuyết về thời các vua Hùng. Nhiều chi tiết tưởng tượng, hoang đường trong truyện liên quan đến công cuộc dựng nước thời cổ đại, thể hiện thái độ của người Việt cổ trước thực tế đó. Sơn Tinh đã trở thành người anh hùng văn hoá trong nhận thức dân gian. Ở Hà Tây (nay là Hà Nội), Vĩnh Phúc vẫn còn nhiều đền thờ Sơn Tinh. Xu hướng lịch sử hoá thần thoại là đặc trưng nổi bật của chuỗi truyền thuyết về thời đại các vua Hùng.

(2) *Cầu hôn* : xin được lấy làm vợ (*cầu* : tìm, kiếm, xin ; *hôn* : lấy vợ, lấy chồng).

(3) *Tản Viên* : núi cao ở huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội), cũng gọi là núi Ba Vì. Núi có ba đỉnh, đỉnh cao nhất 1281 mét, ngọn giữa có hình thắt cổ bông, trên toả ra như cái tán nên gọi là Tản Viên. Thần núi Tản Viên (Sơn Tinh) được coi là vị thần linh thiêng nhất của nước ta xưa.

(4) *Lạc hầu* : chức danh chỉ các vị quan cao nhất giúp vua Hùng trông coi việc nước.

(5) *Phán* : truyền bảo (từ được dùng khi người truyền bảo là vua chúa, thần linh, cũng có thể là người bề trên nói chung).

(6) *Sính lễ* : lễ vật nhà trai đem đến nhà gái để xin cưới.

(7) *Tâu* : thưa trình (từ dùng khi quan, dân nói với vua chúa, thần linh).

(8) *Hồng mao* : ở đây chỉ bờm ngựa màu hồng.

(9) *Nao núng* : lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* gồm mấy đoạn ? Mỗi đoạn thể hiện nội dung gì ? Truyện được gắn với thời đại nào trong lịch sử Việt Nam ?

2. Trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, nhân vật chính là ai ? Các nhân vật chính được miêu tả bằng những chi tiết nghệ thuật tưởng tượng, kì ảo như thế nào ? Ý nghĩa tượng trưng của các nhân vật đó ?

3. Hãy nêu ý nghĩa của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

Ghi nhớ

Sơn Tinh, Thủy Tinh là câu chuyện tưởng tượng kì ảo, giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.

LUYỆN TẬP

1. Hãy kể diễn cảm truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (có thể kể trước gương hoặc kể cho ai đó trong gia đình nghe).

2. Từ truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, em nghĩ gì về chủ trương xây dựng, củng cố đê điều, nghiêm cấm nạn phá rừng, đồng thời trồng thêm hàng triệu héc-ta rừng của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay ?

3*. Hãy viết tên một số truyện kể dân gian liên quan đến thời đại các vua Hùng mà em biết.

ĐỌC THÊM

*Hay đâu thần tiên đi lấy vợ
Sơn Tinh, Thủy Tinh lòng tơ vương
Không quản rừng cao, sông cách trở
Cùng đến Phong Châu xin Mị Nương
Sơn Tinh có một mắt ở trán
Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì
Một thần phi bạch hổ^(a) trên cạn
Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi*

(Nguyễn Nhược Pháp, *Sơn Tinh, Thủy Tinh*)

(a) Bạch hổ: con hổ trắng. Phi bạch hổ: cưỡi hổ trắng đi như bay.

NGHĨA CỦA TỪ

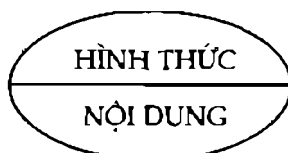
I – NGHĨA CỦA TỪ LÀ GÌ ?

Dưới đây là một số chú thích trong những bài văn các em đã học :

- **tập quán** : thói quen của một cộng đồng (địa phương, dân tộc, v.v...) được hình thành từ lâu trong đời sống, được mọi người làm theo.
- **lẫm liệt** : hùng dũng, oai nghiêm.
- **nao núng** : lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

Em hãy cho biết :

1. Mỗi chú thích trên gồm mấy bộ phận ?
2. Bộ phận nào trong chú thích nêu lên nghĩa của từ ?
3. Nghĩa của từ ứng với phần nào trong mô hình dưới đây ?



Ghi nhớ

Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ, ...) mà từ biểu thị.

II – CÁCH GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ

1. Đọc lại các chú thích đã dẫn ở phần I.
2. Trong mỗi chú thích trên, nghĩa của từ đã được giải thích bằng cách nào ?

Ghi nhớ

Có thể giải thích nghĩa của từ bằng hai cách chính như sau :

- *Trình bày khái niệm mà từ biểu thị ;*
- *Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.*

III – LUYỆN TẬP

1. Đọc lại một vài chú thích ở sau các văn bản đã học. Cho biết mỗi chú thích giải nghĩa từ theo cách nào.

2. Hãy điền các từ *học hỏi, học tập, học hành, học lỏm* vào chỗ trống trong những câu dưới đây sao cho phù hợp :

- ... : học và luyện tập để có hiểu biết, có kĩ năng.
- ... : nghe hoặc thấy người ta làm rồi làm theo, chứ không được ai trực tiếp dạy bảo.
- ... : tìm tòi, hỏi han để học tập.
- ... : học văn hoá có thầy, có chương trình, có hướng dẫn (nói một cách khái quát).

3. Điền các từ *trung gian, trung niên, trung bình* vào chỗ trống cho phù hợp :

- ... : ở vào khoảng giữa trong bậc thang đánh giá, không khá cũng không kém, không cao cũng không thấp.
- ... : ở vị trí chuyển tiếp hoặc nối liền giữa hai bộ phận, hai giai đoạn, hai sự vật,...
- ... : đã quá tuổi thanh niên nhưng chưa đến tuổi già.

4. Giải thích các từ sau theo những cách đã biết :

- *giếng*
- *rung rinh*
- *hèn nhát*

5*. Đọc truyện sau đây và cho biết giải nghĩa từ *mất* như nhân vật Nụ có đúng không.

THẾ THÌ KHÔNG MẤT

Cô Chiêu đi đồ với cái Nụ. Cái Nụ ăn trầu, lỡ tay đánh rơi ống vôi bạc của cô Chiêu xuống sông. Để cô Chiêu khỏi mắng mình, nó rón rén hỏi :

– Thưa cô, cái gì mà mình biết nó ở đâu rồi thì có thể gọi là *mất* được không, cô nhỉ ?

Cô Chiêu cười bảo :

– Cái con bé này hỏi đến lăm cẩm. Đã biết là ở đâu rồi thì sao gọi là *mất* được nữa !

Cái Nụ nhanh nhẩu tiếp luôn :

– Thế thì cái ống vôi của cô không mất rồi. Con biết nó nằm ở dưới đáy sông đàng kia. Con vừa đánh rơi xuống đấy.

(Theo *Truyện tiêu lâm Việt Nam*)

SỰ VIỆC VÀ NHÂN VẬT TRONG VĂN TỰ SỰ

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ VIỆC VÀ NHÂN VẬT TRONG VĂN TỰ SỰ

1. Sự việc trong văn tự sự

a) Xem các sự việc trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* :

- (1) Vua Hùng kén rể.
- (2) Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn.
- (3) Vua Hùng ra điều kiện chọn rể.
- (4) Sơn Tinh đến trước, được vợ.
- (5) Thủy Tinh đến sau, tức giận, dâng nước đánh Sơn Tinh.
- (6) Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua, rút về.
- (7) Hằng năm Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh, nhưng đều thua.

Em hãy chỉ ra sự việc khởi đầu, sự việc phát triển, sự việc cao trào và sự việc kết thúc trong các sự việc trên và cho biết mối quan hệ nhân quả của chúng.

b) Sự việc trong văn tự sự phải được kể cụ thể : do ai làm, việc xảy ra ở đâu, lúc nào, nguyên nhân, diễn biến, kết quả. Có sáu yếu tố đó thì truyện mới cụ thể, sáng tỏ. Em hãy chỉ ra sáu yếu tố trên trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. Theo em có thể xoá bỏ yếu tố thời gian và địa điểm trong truyện này được không, vì sao ? Việc giới thiệu Sơn Tinh có tài có cần thiết không ? Nếu bỏ sự việc vua Hùng ra điều kiện kén rể đi có được không ? Việc Thủy Tinh nổi giận có lí hay không ? Li ấy ở những sự việc nào ?

c) Sự việc và chi tiết trong văn tự sự được lựa chọn cho phù hợp với chủ đề, tư tưởng muốn biểu đạt. Em hãy cho biết sự việc nào thể hiện mối thiện cảm của người kể đối với Sơn Tinh và vua Hùng ? Việc Sơn Tinh thắng Thủy Tinh nhiều lần (em hãy tính cụ thể mấy lần) có ý nghĩa gì ? Có thể để cho Thủy Tinh thắng Sơn Tinh được không ? Vì sao ? Có thể xoá bỏ sự việc "Hằng năm Thủy Tinh lại dâng nước ..." được không ? Vì sao ?

2. Nhân vật trong văn tự sự

a) Nhân vật trong văn tự sự vừa là kẻ thực hiện các sự việc, vừa là kẻ được nói tới, được biểu dương hay bị lên án. Em hãy kể tên các nhân vật trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* và cho biết :

- Ai là nhân vật chính, có vai trò quan trọng nhất ?
- Ai là kẻ được nói tới nhiều nhất ?
- Ai là nhân vật phụ ? Nhân vật phụ có cần thiết không ? Có thể bỏ được không ?

b) Nhân vật trong văn tự sự được kể như thế nào ?

- Được gọi tên, đặt tên ;
- Được giới thiệu lai lịch, tính tình, tài năng ;
- Được kể các việc làm, hành động, ý nghĩ, lời nói ;
- Được miêu tả chân dung, trang phục, trang bị, dáng điệu, ...

Hãy cho biết các nhân vật trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* được kể như thế nào.

Ghi nhớ

- **Sự việc trong văn tự sự** được trình bày một cách cụ thể : sự việc xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể, do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ... Sự việc trong văn tự sự được sắp xếp theo một trật tự, diễn biến sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.
- **Nhân vật trong văn tự sự** là kẻ thực hiện các sự việc và là kẻ được thể hiện trong văn bản. Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện tư tưởng của văn bản. Nhân vật phụ chỉ giúp nhân vật chính hoạt động. Nhân vật được thể hiện qua các mặt : tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm, ...

II – LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra những việc mà các nhân vật trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* đã làm :

- Vua Hùng : ...
- Mị Nương : ...

– Sơn Tinh : ...

– Thủy Tinh : ...

a) Nhận xét vai trò, ý nghĩa của các nhân vật.

b) Tóm tắt truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* theo sự việc gắn với các nhân vật chính.

c) Tại sao truyện lại gọi là *Sơn Tinh, Thủy Tinh* ? Nếu đổi bằng các tên sau có được không ?

– *Vua Hùng kén rể*

– *Truyện Vua Hùng, Mị Nương, Sơn Tinh và Thủy Tinh*

– *Bài ca chiến công của Sơn Tinh*

2. Cho nhan đề truyện : *Một lần không vâng lời*. Em hãy tưởng tượng để kể một câu chuyện theo nhan đề ấy. Em dự định sẽ kể sự việc gì, diễn biến ra sao, nhân vật của em là ai ?

BÀI 4

Kết quả cần đạt

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện *Sự tích Hồ Gươm*, vẻ đẹp của một số hình ảnh chính trong truyện và kể được truyện này.
- Nắm được thế nào là chủ đề của bài văn tự sự, bố cục và yêu cầu của các phần trong bài văn tự sự.

VĂN BẢN

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM (Truyện thuyết)

Vào thời giặc Minh⁽¹⁾ đặt ách đô hộ⁽²⁾ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn⁽³⁾, nghĩa quân nổi dậy chống lại chúng, nhưng trong buổi đầu

thế lực còn non yếu nên nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đức Long Quân⁽⁴⁾ quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy, ở Thanh Hoá có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ. Khi kéo lưới lên, thấy nặng nằng, Lê Thận chắc mẩm được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt. Chàng vớt luôn thanh sắt xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay, Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném xuống sông. Lần thứ ba, vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm lạ, Thận đưa thanh sắt lại cạnh mỗi lửa nhìn xem. Bỗng chàng reo lên :

– Ha ha ! Một lưỡi gươm !

Về sau Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng hăng hái, gan dạ, không nề nguy hiểm. Một hôm chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng⁽⁵⁾ đến nhà Thận. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng rực lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi cầm lên xem và thấy có hai chữ “Thuận Thiên”⁽⁶⁾ khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng rút lui mỗi người một ngã. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy có ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc⁽⁷⁾. Nhớ đến lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại mọi người, trong đó có Lê Thận. Lê Lợi mới đem chuyện bắt được chuôi gươm kể lại cho họ nghe. Khi đem tra gươm vào chuôi thì vừa như in.

Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với Lê Lợi :

– Đây là Trời có ý phó thác⁽⁸⁾ cho mình công⁽⁹⁾ làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo mình công, cùng với thanh gươm thần này để báo đền Tổ quốc !

Từ đó nhuệ khí⁽¹⁰⁾ của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành⁽¹¹⁾ khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía. Uy thế của nghĩa quân vang khắp nơi. Họ không phải trốn tránh như trước mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương mới chiếm được của giặc tiếp tế cho họ. Gươm thần mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc nào trên đất nước.



Một năm sau khi đuổi giặc Minh, một hôm Lê Lợi – bấy giờ đã làm vua – cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi thuyền rồng tiến ra giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy. Con Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói : "Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!".

Vua nâng gươm hướng về phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, rùa há miệng đón lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Gươm và rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hồ xanh.

Từ đó, hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm⁽¹²⁾.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Chú thích

- (1) *Giặc Minh* : giặc phương Bắc triều đại nhà Minh (giặc Minh xâm lược nước ta từ năm 1407 đến năm 1427).
- (2) *Đặt ách* : đặt ách thống trị lên một nước khác.
- (3) *Lam Sơn* : nơi Lê Lợi khởi nghĩa, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
- (4) *Đức Long Quân* : Lạc Long Quân (*đức* : tiếng tôn xưng vua chúa, thần thánh, ...).
- (5) *Tuỳ tùng* : đi theo để giúp việc (*tuỳ* : theo ; *tùng* : theo, phụ thuộc).
- (6) *Thuận Thiên* : thuận theo ý Trời ; đây là tên thanh gươm. Sau chiến thắng quân Minh, Lê Lợi lấy hiệu là "Thuận Thiên".
- (7) *Nạm ngọc* : gắn ngọc vào (*nạm* : gắn, dát, đặt kim loại hoặc đá quý vào một đồ vật để trang trí).
- (8) *Phó thác* : tin cậy mà giao cho.
- (9) *Minh công* : từ ngày xưa thường dùng để tôn xưng người có danh vị (*minh* : sáng ; *công* : ông).
- (10) *Nhuệ khí* : khí thế hăng hái, quả quyết.
- (11) *Tung hoành* : thoải chí hoạt động, không gì cản trở được (*tung* : dọc ; *hoành* : ngang).
- (12) *Hoàn Kiếm* : trả lại gươm (*hoàn* : trả ; *kiếm* : gươm).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Vì sao đức Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần ?
2. Lê Lợi đã nhận được gươm thần như thế nào ? Cách Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi mượn gươm có ý nghĩa gì ?
3. Hãy chỉ ra sức mạnh của gươm thần đối với nghĩa quân Lam Sơn.
4. Khi nào Long Quân cho đòi gươm ? Cảnh đòi gươm và trả gươm đã diễn ra như thế nào ?
5. Thảo luận ở lớp : Ý nghĩa của truyện *Sự tích Hồ Gươm*.
- 6*. Em biết còn truyền thuyết nào của nước ta cũng có hình ảnh Rùa Vàng ? Theo em, hình tượng Rùa Vàng trong truyền thuyết Việt Nam tượng trưng cho ai và cho cái gì ?

Ghi nhớ

*Bằng những chi tiết tưởng tượng kì ảo, giàu ý nghĩa (như Rùa Vàng, gươm thần), truyện **Sự tích Hồ Gươm** ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo ở đầu thế kỉ XV. Truyện cũng nhằm giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm, đồng thời thể hiện khát vọng hoà bình của dân tộc.*

LUYỆN TẬP

1. Hãy đọc phần *Đọc thêm* để thấy rõ hơn tính lặp lại và ý nghĩa của chi tiết trao gươm thần trong các truyền thuyết Việt Nam.

2. Vì sao tác giả dân gian không để Lê Lợi được trực tiếp nhận cả chuôi gươm và lưỡi gươm cùng một lúc ?

3*. Lê Lợi nhận gươm ở Thanh Hoá nhưng lại trả gươm ở Hồ Gươm – Thăng Long. Nếu Lê Lợi trả gươm ở Thanh Hoá thì ý nghĩa của truyền thuyết sẽ khác đi như thế nào ?

4. Hãy nhắc lại định nghĩa *truyền thuyết* và kể tên những truyền thuyết đã học.

ĐỌC THÊM

ẤN, KIẾM TÂY SƠN

Đồng bào An Khê (Bình Định) kể :

Sau khi làm lễ khởi binh ở chân núi Ông Bình, Nguyễn Huệ dẫn quân xuống núi trấn Tây Sơn Hạ. Trên đường đi, nghĩa quân gặp hai Ông Xà (nhân dân gọi những con rắn lớn là Ông Xà). Một ông cấp ngang thanh bào kiếm chuôi đỏ, vỏ vàng, dây đeo có nạm ngọc óng ánh. Một ông cấp hộp màu son đựng ấn^(a) ngọc. Cả hai bò tới ngẩng đầu dâng ấn, kiếm trước mặt Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ biết đây là hai sứ giả của Ngọc Hoàng xuống ban ấn, kiếm nên ông nâng bảo vật lên, cung kính cảm tạ trời đất, cảm tạ lương xà^(b).

(Theo Nguyễn Xuân Nhân)

(a) Ấn : con dấu của vua, quan.

(b) Lương xà : hai con rắn (lương : hai ; xà : rắn).

CHỦ ĐỀ VÀ DÀN BÀI CỦA BÀI VĂN TỰ SỰ

I – TÌM HIỂU CHỦ ĐỀ VÀ DÀN BÀI CỦA BÀI VĂN TỰ SỰ

1. Đọc bài văn sau đây để trả lời câu hỏi

a) Mở bài

Tuệ Tĩnh là nhà danh y lỗi lạc đời Trần. Ông chẳng những là người mở mang ngành Y dược dân tộc, mà còn là người hết lòng thương yêu, cứu giúp người bệnh.

b) Thân bài

Một hôm, có nhà quý tộc trong vùng cho con đến mời Tuệ Tĩnh vào tư dinh để xem bệnh đau lưng cho mình. Ông sắp đi thì bất ngờ có hai vợ chồng người nông dân khiêng đứa con bị ngã gãy đùi đến, méo mếu xin ông chạy chữa. Tuệ Tĩnh liền xem mạch cho cậu bé, rồi bảo anh con nhà quý tộc :

– Anh về thưa với cụ rằng ta sẵn sàng đi, nhưng bây giờ thì phải chữa cho chú bé này trước, vì chú nguy hơn.

Anh con nhà quý tộc sửng sốt :

– Xin ngài đến đăng dinh tôi trước. Bọn gia nô^(a) đã đem võng đợi sẵn cả rồi.

– Không ! – Tuệ Tĩnh dứt khoát trả lời – Ta phải chữa gấp cho chú bé này, để chậm tất có hại.

Tuệ Tĩnh bắt tay ngay vào việc chữa trị, không chú ý gì đến thái độ hậm hực của anh con nhà quý tộc. Qua gần trọn buổi, chú bé nhà nông đã được bó nẹp nằm yên trên giường bệnh. Tuệ Tĩnh yên tâm thở phào nhẹ nhõm. Vợ chồng người nông dân lạy tạ :

– A Di Đà Phật^(b)! Không có ngài thì tính mạng con tôi nguy rồi, chúng tôi biết lấy gì đền đáp cho xứng ?

Tuệ Tĩnh trả lời :

– Con người ta cứu giúp nhau lúc hoạn nạn, sao ông bà lại nói chuyện ơn huệ. Ông bà cứ yên tâm, sau một tuần trăng chú bé sẽ đi lại được !

(a) Gia nô : người giúp việc trong nhà thời xưa.

(b) A Di Đà Phật : tên một vị Phật, người theo đạo Phật dùng để niệm Phật hoặc để chào nhau. Tuệ Tĩnh Thiên Sư quê ở Cẩm Giàng, Hải Dương, từ nhỏ mồ côi, được nuôi dạy ở chùa, sau tu ở chùa Hộ Xá, Nam Định, cho nên vợ chồng người nông dân niệm "A Di Đà Phật !" trước khi nói với Tuệ Tĩnh.

c) *Kết bài*

Trời đã sập tối, chợt nhớ tới nhà quý tộc, ông vội vã ra đi không kịp nghỉ ngơi.

(Theo Quỳnh Cư, *Những vì sao đất nước*, tập 2, NXB Thanh niên)

2. Câu hỏi

a) Việc Tuệ Tĩnh ưu tiên chữa trị trước cho chủ bé con nhà nông dân bị gãy đùi đã nói lên phẩm chất gì của người thầy thuốc ?

b) Chủ đề là vấn đề chủ yếu, là ý chính mà người kể muốn thể hiện trong văn bản. Vậy chủ đề của câu chuyện trên đây có phải là ca ngợi lòng thương người của Tuệ Tĩnh không ? Em hãy tìm xem chủ đề của bài văn được thể hiện trực tiếp trong những câu văn nào ? Hãy gạch dưới những câu văn đó.

c) Tên (nhan đề) của bài văn thể hiện chủ đề của bài văn. Cho các nhan đề sau, em hãy chọn nhan đề nào thích hợp và nêu lí do :

– *Tuệ Tĩnh và hai người bệnh*

– *Tấm lòng thương người của thầy Tuệ Tĩnh*

– *Y đức của Tuệ Tĩnh*

Em có thể đặt tên khác cho bài văn trên không ?

d) Các phần *Mở bài*, *Thân bài*, *Kết bài* trên đây thực hiện những yêu cầu gì của bài văn tự sự ?

Ghi nhớ

- ***Chủ đề*** là vấn đề chủ yếu mà người viết muốn đặt ra trong văn bản.

- ***Dàn bài*** bài văn tự sự thường gồm có ba phần :

- *Phần Mở bài* giới thiệu chung về nhân vật và sự việc ;

- *Phần Thân bài* kể diễn biến của sự việc ;

- *Phần Kết bài* kể kết cục của sự việc.

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc truyện sau đây và trả lời câu hỏi :

PHẦN THƯỜNG

Một người nông dân tìm được một viên ngọc quý liền muốn đem dâng tiến nhà vua.

Ông ta tìm đến cung điện và nhờ các quan trong triều bảo làm cách nào gặp được nhà vua. Một trong các quan hỏi ông ta cần gặp vua để làm gì. Người nông dân bèn kể lại chuyện muốn dâng vua viên ngọc quý.

Vị quan nọ bảo :

– Được, tôi sẽ đưa anh vào gặp nhà vua với điều kiện anh phải chia cho tôi một nửa phần thưởng của nhà vua. Nếu không thì thôi !

Người nông dân đồng ý, và viên quan nọ liền dẫn ông ta vào cung vua. Vua cầm lấy viên ngọc và bảo :

– Thế anh muốn ta thưởng cho anh cái gì bây giờ ?

Người nông dân bèn thưa :

– Xin bệ hạ hãy thưởng cho hạ thần năm mươi roi, hạ thần không muốn gì hơn cả. Chỉ có điều là hạ thần đã đồng ý chia cho viên quan đã đưa thần vào đây một nửa số phần thưởng của bệ hạ. Vậy xin bệ hạ hãy thưởng cho mỗi người hai mươi nhăm roi.

Nhà vua bật cười, đuổi tên cận thần ra và thưởng cho người nông dân một nghìn rúp^(a).

(Lép Tôn-xtôi, Vũ Văn Tôn dịch)

Câu hỏi :

a) Chủ đề của truyện này nhằm biểu dương và chế giễu điều gì ? Sự việc nào thể hiện tập trung cho chủ đề ? Hãy gạch dưới câu văn thể hiện sự việc đó.

b) Hãy chỉ ra ba phần : *Mở bài*, *Thân bài*, *Kết bài*.

c) Truyện này với truyện về Tuệ Tĩnh có gì giống nhau về bố cục và khác nhau về chủ đề ?

d) Sự việc trong *Thân bài* thú vị ở chỗ nào ?

2. Đọc lại các bài *Sơn Tinh*, *Thủy Tinh* và *Sự tích Hồ Gươm* xem cách mở bài đã giới thiệu rõ câu chuyện sắp xảy ra chưa và kết bài đã kết thúc câu chuyện như thế nào ?

(a) Rúp : đơn vị tiền tệ của nước Nga.

ĐỌC THÊM

NHỮNG CÁCH MỞ BÀI TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN

Có nhiều cách mở bài :

- Hoặc chỉ ra một thời gian xa xôi, ví dụ : *Ngày xưa, ngày xưa...* ;
- Hoặc giới thiệu hành động của nhân vật, ví dụ : *Ông Khổng Tử ra chơi ngoài đồng, thấy một người đàn bà đứng khóc...* ;
- Hoặc mở bài bằng tả cảnh như : *Trăng sáng quá, cô giáo An đang ngồi ở đầu sân bóng nhớ đến...* ;
- Hoặc mở bài bằng một ý nghĩ, ví dụ : *Từ nay mình sẽ sống ra sao...* ;
- Hoặc bằng một cảm giác của nhân vật, ví dụ : *Lan cảm thấy gió như đang thì thầm điều gì với mình...* ;
- Hoặc bằng một tiếng kêu của nhân vật : *Trời ơi...* ;
- Hoặc bằng những âm thanh như : *Tùng..., tùng..., tùng...* (tiếng trống).

(Theo Phạm Hồ, *Văn miêu tả và kể chuyện*,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996)

TÌM HIỂU ĐỀ VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN TỰ SỰ

I – ĐỀ, TÌM HIỂU ĐỀ VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN TỰ SỰ

1. Đề văn tự sự

Đọc các đề sau và trả lời câu hỏi :

- (1) Kể một câu chuyện em thích bằng lời văn của em
- (2) Kể chuyện về một người bạn tốt
- (3) Kỷ niệm ngày thơ ấu
- (4) Ngày sinh nhật của em
- (5) Quê em đổi mới
- (6) Em đã lớn rồi

Câu hỏi :

- Lời văn đề (1) nêu ra những yêu cầu gì ? Những chữ nào trong đề cho em biết điều đó ?

– Các đề (3), (4), (5), (6) không có từ *kể*, có phải là đề tự sự không ?

– Từ trọng tâm trong mỗi đề trên là từ nào, hãy gạch dưới và cho biết đề yêu cầu làm nổi bật điều gì.

– Có đề tự sự nghiêng về kể người, có đề nghiêng về kể việc, có đề nghiêng về tường thuật lại sự việc. Trong các đề trên, đề nào nghiêng về kể việc, đề nào nghiêng về kể người, đề nào nghiêng về tường thuật ?

2. Cách làm bài văn tự sự

Cho đề văn : "Kể một câu chuyện em thích bằng lời văn của em."

Hãy tìm hiểu đề, lập ý và lập dàn bài theo các bước sau :

a) *Tìm hiểu đề* : Đề đã nêu ra những yêu cầu nào buộc em phải thực hiện ? Em hiểu yêu cầu ấy như thế nào ?

b) *Lập ý* là xác định nội dung sẽ viết trong bài làm theo yêu cầu của đề. Em sẽ chọn chuyện nào, em thích nhân vật, sự việc nào ? Em chọn chuyện đó nhằm biểu hiện chủ đề gì ?

c) *Lập dàn ý* : Em dự định mở đầu như thế nào, kể chuyện như thế nào và kết thúc ra sao ?

d) Em hiểu thế nào là viết "bằng lời văn của em" ?

đ) Từ các câu hỏi trên, em có thể rút ra cách làm bài văn tự sự như thế nào ?

Ghi nhớ

- *Khi tìm hiểu đề văn tự sự thì phải tìm hiểu kĩ lời văn của đề để nắm vững yêu cầu của đề bài.*
- *Lập ý là xác định nội dung sẽ viết theo yêu cầu của đề, cụ thể là xác định : nhân vật, sự việc, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của câu chuyện.*
- *Lập dàn ý là sắp xếp việc gì kể trước, việc gì kể sau để người đọc theo dõi được câu chuyện và hiểu được ý định của người viết.*
- *Cuối cùng phải viết thành văn theo bố cục ba phần : Mở bài, Thân bài, Kết bài.*

II – LUYỆN TẬP

Hãy ghi vào giấy dàn ý em sẽ viết theo yêu cầu của đề tập làm văn trên.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 – VĂN KỂ CHUYỆN (làm ở nhà)

Có thể tham khảo kiểu đề sau :

"Kể lại một truyện đã biết (truyền thuyết, cổ tích) bằng lời văn của em."

BÀI 5

Kết quả cần đạt

- Bước đầu nắm được định nghĩa **truyện cổ tích**. Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện **Sọ Dừa** và một số đặc điểm tiêu biểu của nhân vật **Sọ Dừa**. Kể lại được truyện này.
- Nhận biết được **hiện tượng nhiều nghĩa** của từ và nguyên nhân của hiện tượng đó.
- Nắm được **đặc điểm của lời văn tự sự**, biết viết các câu văn tự sự cơ bản.

VĂN BẢN

SỌ DỪA

(Truyện cổ tích^(★))

Ngày xưa, có hai vợ chồng nghèo đi ở cho một nhà phú ông⁽¹⁾. Họ hiền lành, chịu khó nhưng đã ngoài năm mươi mà vẫn chưa có con.

Một hôm, trời nắng to, người vợ vào rừng hái củi cho chủ, khát nước quá mà không tìm thấy suối. Thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bà bưng lên uống. Thế rồi bà có mang.

Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan vứt đi thì đứa con bảo :

– Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp.

Nghĩ lại, thấy thương con, bà đành để con lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lẩn lộn lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm, bà mẹ than phiền :

- Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự⁽²⁾ gì.

Sọ Dừa nói :

- Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò.

Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao ? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng là bao, hơn nuôi đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem !

Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lẩn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lẩn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.



Ngày mùa, tòi tở ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa ; còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.

Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo vèo vòn. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lẩn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sọ Dừa không phải người phạm trần⁽³⁾. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

Cuối mùa ở, Sọ Dừa về giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ. Bà mẹ hết sức mừng rỡ, nhưng thấy con năn nỉ cũng chiều lòng, đành kiếm buồng cau mang đến nhà phú ông. Phú ông cười mỉa :

– Ủ, được ! Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm⁽⁴⁾, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm⁽⁵⁾ đem sang đây.

Bà mẹ về nói với Sọ Dừa, nghĩ là con thôi hẳn việc đòi lấy vợ. Không ngờ Sọ Dừa bảo với mẹ rằng sẽ có đủ những thứ ấy.

Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sinh lễ. Lại có cả chục gia nhân⁽⁶⁾ ở dưới nhà chạy lên kiêng lễ vật sang nhà phú ông. Phú ông hoa cả mắt. Lão lúng túng nói với bà cụ :

– Để ta hỏi con gái ta, xem có đứa nào ưng lấy thằng Sọ Dừa không đã.

Lão gọi ba con gái ra, hỏi lần lượt từng người một. Hai cô chị bĩu môi, chê bai. Còn cô út e lệ, cúi mặt xuống, tỏ ý bằng lòng. Phú ông đành phải nhận lễ và gả cô con gái út cho Sọ Dừa.

Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập. Đúng lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả. Bỗng một chàng trai khôi ngô tuấn tú⁽⁷⁾ cùng cô út của phú ông từ phòng cô dâu đi ra. Mọi người đều mừng rỡ, mừng rỡ. Còn hai cô chị vợ của Sọ Dừa thì vừa tiếc, vừa ghen tức.

Hai vợ chồng Sọ Dừa ở với nhau rất hạnh phúc. Không những thế, Sọ Dừa còn tỏ ra thông minh khác thường, ngày đêm miệt mài đèn sách, chờ khoa thi. Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên⁽⁸⁾. Chẳng bao lâu, có chiếu⁽⁹⁾ nhà vua sai quan trạng đi sứ⁽¹⁰⁾. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn trong người phòng khi dùng đến.

Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng,

buông không cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khắp khởi mừng thầm, chắc hẳn chuyện này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai người chị xấu hổ quá, lên ra về lúc nào không ai hay và từ đó bỏ đi biệt xứ.

(Theo Nguyễn Đồng Chi và Trương Chính)

Chú thích

(★) *Truyện cổ tích* : loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc :

- Nhân vật bất hạnh (như : người mồ côi, người con riêng, người em út, người có hình dạng xấu xí, ...) ;
- Nhân vật dũng sĩ và nhân vật có tài năng kì lạ ;
- Nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch ;
- Nhân vật là động vật (con vật biết nói năng, hoạt động, tính cách như con người).

Truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

(1) *Phú ông* : người giàu có (*phú* : giàu, trái nghĩa với *bần* : nghèo).

(2) *Tích sự* : ở đây có nghĩa là việc làm có ích lợi, kết quả.

(3) *Phàm trần* : cõi trần tục, cõi đời trên thế gian.

(4) *Chĩnh vàng cốm* : cái hũ lớn bằng gốm (*chĩnh*) đựng đầy vàng vụn, mòng (vàng cốm).

(5) *Rượu tầm* : rượu có nồng độ cao, ngon, khi rót ra thường sủi tăm.

(6) *Gia nhân* : người giúp việc trong nhà (*gia* : nhà ; *nhân* : người).

(7) *Tuấn tú* : người con trai có vẻ mặt đẹp và sáng sủa, thông minh (*tuấn* : tài giỏi nổi trội hơn ; *tú* : đẹp, tốt).

(8) *Trạng nguyên* : học vị cao nhất trong hệ thống thi cử chữ Hán ngày trước (riêng triều Nguyễn không lấy đỗ trạng nguyên).

(9) *Chiếu* : điều vua công bố (bằng văn bản) cho dân biết.

(10) *Đi sứ*: đi giao thiệp với nước ngoài theo lệnh của vua.

(11) *Cá kình*: tức cá voi – động vật có vú ở biển, rất lớn (có con dài tới hơn 30 mét), thân hình giống cá, có vây ngực, vây đuôi rõ ràng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Sự ra đời của Sọ Dừa có gì khác thường? Kể về sự ra đời của Sọ Dừa như vậy, nhân dân muốn thể hiện điều gì và muốn chú ý đến những con người như thế nào trong xã hội xưa?

2. Sự tài giỏi của Sọ Dừa thể hiện qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về quan hệ giữa hình dạng bên ngoài và phẩm chất bên trong của nhân vật?

3. Tại sao cô út lại bằng lòng lấy Sọ Dừa? Em có nhận xét gì về nhân vật cô út?

4. Trong truyện, Sọ Dừa có hình dạng xấu xí nhưng cuối cùng đã được trút bỏ lột, cùng cô út hưởng hạnh phúc, còn hai cô chị thì phải bỏ nhà trốn đi. Qua kết cục này, em thấy người lao động mơ ước điều gì?

5. Hãy nêu những ý nghĩa chính của truyện *Sọ Dừa*.

Ghi nhớ

- Định nghĩa **truyện cổ tích** (như chú thích (★) trang 53).
- *Sọ Dừa* là truyện cổ tích về **người mang lột vật**, kiểu nhân vật khá phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới. Nhân vật chính của loại truyện cổ tích này có hình hài dị dạng, thường mang lột vật, bị mọi người xem thường, coi là "vô tích sự". Nhưng đây là nhân vật có phẩm chất, tài năng đặc biệt. Cuối cùng, nhân vật trút bỏ lột vật, kết hôn cùng người đẹp, sống cuộc đời hạnh phúc. Truyện *Sọ Dừa* đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.

LUYỆN TẬP

1. Trong truyện cổ tích Việt Nam và nước ngoài có nhiều truyện kể về các nhân vật giống Sọ Dừa (người ban đầu mang hình dạng xấu xí, có nhiều tài năng, cuối cùng trút bỏ lột thành người đẹp và được hưởng hạnh phúc). Em hãy đọc phần *Đọc thêm* và tìm đọc một số truyện giống truyện *Sọ Dừa* để biết rõ hơn điều này.

2. Kể diễn cảm truyện *Sọ Dừa*.

ĐỌC THÊM

Truyện kể về nhân vật xấu xí, dị dạng mà tài ba có tính chất phổ biến ở nhiều dân tộc Việt Nam ; đồng thời có thể tìm thấy nhiều dị bản (bản kể khác) ở các nước Đông Nam Á và thế giới như : *Sọ Dừa* (Cam-pu-chia) ; *Chàng Ta* – *hoàng tử Rắn* (Mi-an-ma) ; *Chàng Kô Kho* (Thái Lan) ; *Cô gái lấy chồng Chim*, *Hoàng tử Cua*, *Vua Cá Sấu*, *Chàng Rắn*, *Vua Éch* (Ấn Độ) ; *Chàng kị sĩ Nhái*, *Thần Éch* (Trung Quốc) ; *Chàng Nhái kị mã* (Mông Cổ) ; *I-xum-bô-xi* – *Chú bé ngón tay* (Nhật Bản) ; *Lấy chồng Dê*, *Chàng Éch*, *Nàng Rùa* (Ả Rập) ; *Nàng công chúa Éch* (Nga) ; *Con Nhái*, *Con Sói Trắng* (Pháp) ; *Chàng Gấu* (Thụy Điển), ...

(Theo Nguyễn Thị Huệ,

Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam)

TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

I – TỪ NHIỀU NGHĨA

1. Đọc bài thơ sau :

NHỮNG CÁI CHÂN

Cái gậy có một chân
Biết giúp bà khỏi ngã.
Chiếc com-pa bố vẽ
Có chân đứng, chân quay.
Cái kiềng đun hằng ngày
Ba chân xòe trong lửa.
Chẳng bao giờ đi cả
Là chiếc bàn bốn chân.
Riêng cái võng Trường Sơn
Không chân, đi khắp nước.

(Vũ Quần Phương)

2. Tra từ điển để biết các nghĩa của từ *chân*.

3. Tìm thêm một số từ khác cũng có nhiều nghĩa như từ *chân*.

4. Tìm một số từ chỉ có một nghĩa, ví dụ : *com-pa, kiếng, ...*

Ghi nhớ

Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa.

II – HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

1. Tìm mối liên hệ giữa các nghĩa của từ *chân*.

2. Trong một câu cụ thể, một từ thường được dùng với mấy nghĩa ?

3*. Trong bài thơ *Những cái chân*, từ *chân* được dùng với những nghĩa nào ?

Ghi nhớ

- *Chuyển nghĩa* là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa.

- Trong từ nhiều nghĩa có :

- *Nghĩa gốc* là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.

- *Nghĩa chuyển* là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.

- Thông thường, trong câu, từ chỉ có một nghĩa nhất định. Tuy nhiên trong một số trường hợp, từ có thể được hiểu đồng thời theo cả nghĩa gốc lẫn nghĩa chuyển.

III – LUYỆN TẬP

1. Hãy tìm ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng. Ví dụ :

chân : *chân bàn, chân giường, chân núi, chân đê, chân trời, ...*

2. Trong tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.

3. Dưới đây là một số hiện tượng chuyển nghĩa của từ tiếng Việt. Hãy tìm thêm cho mỗi hiện tượng chuyển nghĩa đó ba ví dụ minh họa :

a) Chỉ sự vật chuyển thành chỉ hành động : *cái cửa* → *cửa gỗ*.

b) Chỉ hành động chuyển thành chỉ đơn vị : *gánh củi đi* → *một gánh củi*.

4*. Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi :

NGHĨA CỦA TỪ "BỤNG"

Thông thường, khi nói đến ăn uống hoặc những cảm giác về việc ăn uống, ta nghĩ đến *bụng*. Ta vẫn thường nói : *đói bụng*, *no bụng*, *ăn cho chắc bụng*, *con mắt to hơn cái bụng*, ... *Bụng* được dùng với nghĩa "bộ phận cơ thể người hoặc động vật chứa ruột, dạ dày".

Nhưng các cụm từ *ngři bụng*, *trong bụng mừng thầm*, *bụng bảo dạ*, *định bụng*, ... thì sao ? Và hàng loạt cụm từ như thế nữa : *suy bụng ta ra bụng người*, *đi guốc trong bụng*, *sống để bụng chết mang đi*, ... Trong những trường hợp này, từ *bụng* được hiểu theo cách khác : *bụng* là "biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ ra, đối với người, với việc nói chung".

(Theo Hoàng Dĩ Đình)

a) Tác giả đoạn trích nêu lên mấy nghĩa của từ *bụng* ? Đó là những nghĩa nào ? Em có đồng ý với tác giả không ?

b) Trong các trường hợp sau đây, từ *bụng* có nghĩa gì :

– Ăn cho *ấm bụng*.

– Anh ấy *tốt bụng*.

– Chạy nhiều, *bụng chân* rất *săn chắc*.

5. Chính tả (nghe – viết) : *Sọ Dừa* (từ *Một hôm*, cô út vừa mang cơm đến giấu đem cho chàng).

ĐỌC THÊM

VỀ TỪ "NGỌT"

Ngọt biểu thị một khái niệm không sao thiếu được trong đời sống vật chất cũng như tình cảm của con người. Vừa mới ra đời, ta đã cần đến vị *ngọt* của dòng sữa mẹ. Lớn lên, ta càng cần hiểu thêm thế nào là *lời nói ngọt*. [...]

Đầu tiên, hãy nói đến cái nghĩa cơ bản, hoàn toàn vật chất của từ *ngọt*. [...]

Ngọt của mía, của đường phèn, mật ong hoặc của trái cây chín khác với cái ngọt của bát canh cua, của nước dùng nấu bằng thịt, xương. [...]

Trong đây chuyển phát triển nghĩa của *ngọt*, ta khó lòng mà bỏ qua được một nhận xét : khái niệm *ngọt* đã được con người lần lượt nhận thức qua năm giác quan. Từ cái *ngọt* nếm được bằng lưỡi, ta có cái *ngọt* ngửi thấy được nhờ mũi, do hai giác quan này rất gần nhau : *thoảng qua một mùi gì ngọt ngọt, mùi thơm ngọt của dứa* ; Rồi cơ hồ *ngọt* có thể nhìn thấy bằng mắt *giữa ngày xuân ngọt nắng, cái nắng vàng ngọt như mật [...]*, hay phối hợp cảm giác để thấy *dao Bén ngọt, cắt cho ngọt tay liềm, [...]*. Từ đây, *ngọt* đã từ bỏ khá xa cái vị đường cụ thể ban đầu, và *ngọt* nghe được nhờ tai như *đàn ngọt hát hay, ngọt giọng* đã mang một ý nghĩa khá trừu tượng, tuy rằng *lời nói ngọt* chẳng qua cũng là *lời đường mật* mà ra, và trong lối so sánh ta vẫn dùng *nói ngọt như mía lùi* cứ y như là giữa hai cái *ngọt* này chưa bao giờ có sự chia tách về nghĩa vậy [...].

(Đào Thản, *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 16 – 18)

LỜI VĂN, ĐOẠN VĂN TỰ SỰ

I – LỜI VĂN, ĐOẠN VĂN TỰ SỰ

1. Lời văn giới thiệu nhân vật

Đọc từng câu trong các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

(1) *Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.*

(2) *Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ [...]. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém [...]. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. [...], cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng.*

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Câu hỏi :

Các câu văn đã giới thiệu nhân vật như thế nào ? Câu văn giới thiệu trên đây thường dùng những từ, cụm từ gì ? (cách dùng câu văn với từ *là*, từ *có*, câu văn kể ngôi thứ ba : *Người ta gọi chàng là...*)

2. Lời văn kể sự việc

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

(3) *Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước.*

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Câu hỏi :

Đoạn văn trên đã dùng những từ gì để kể những hành động của nhân vật ? Gạch dưới những từ chỉ hành động đó. Các hành động được kể theo thứ tự nào ? Hành động ấy đem lại kết quả gì ? Lời kể trùng điệp (*nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...*) gây được ấn tượng gì cho người đọc ?

3. Đoạn văn

Đọc lại các đoạn văn (1), (2), (3) ở trên và trả lời các câu hỏi sau :

– Hãy cho biết mỗi đoạn văn biểu đạt ý chính nào. Gạch dưới câu biểu đạt ý chính ấy. Tại sao người ta gọi đó là *câu chủ đề* ?

– Để dẫn đến ý chính ấy, người kể đã dẫn dắt từng bước bằng cách kể các ý phụ như thế nào ? Chỉ ra các ý phụ và mối quan hệ của chúng với ý chính.

Em hãy kể (hoặc viết) đoạn văn nêu ý chính : Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt phun lửa giết chết hết giặc Ân ; hoặc viết đoạn văn nêu ý chính : Tuệ Tĩnh thấy ai có bệnh nặng thì lo chữa trước cho người đó, không kể người bệnh đó có địa vị như thế nào, giàu hay nghèo.

Ghi nhớ

- **Văn tự sự** chủ yếu là văn kể người và kể việc. Khi kể người thì có thể giới thiệu tên, họ, lai lịch, quan hệ, tính tình, tài năng, ý nghĩa của nhân vật. Khi kể việc thì kể các hành động, việc làm, kết quả và sự đổi thay do các hành động ấy đem lại.
- Mỗi đoạn văn thường có một ý chính, diễn đạt thành một câu gọi là **câu chủ đề**. Các câu khác diễn đạt những ý phụ dẫn đến ý chính đó, hoặc giải thích cho ý chính, làm cho ý chính nổi lên.

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi :

a) *Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lặn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lặn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.*

b) *Ngày mùa, tối tới ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa ; còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.*

(Sọ Dừa)

c) *Cô không đẹp, chỉ xinh thôi. Và tính cô cũng như tuổi cô còn trẻ con lắm. Thấy khách hàng nói một câu bông đùa, cô đã tưởng người ta chòng ghẹo mình, dúi đôi lông mày lại và ngoe nguẩy cái mình. Khách trông thấy chỉ cười. Nhưng cô cũng không giận ai lâu, chỉ một lát cô lại vui tính ngay !*

(Thạch Lam, *Hàng nước cỏ Dâu*)

Câu hỏi :

Mỗi đoạn văn trên kể về điều gì ? Hãy gạch dưới câu chủ đề có ý quan trọng nhất của mỗi đoạn văn. Các câu văn triển khai chủ đề ấy theo thứ tự nào ? (Cái gì xảy ra trước thì kể trước, cái gì xảy ra sau, kể sau. Nếu câu trước nói chung thì câu sau giải thích, cụ thể hoá, làm cho người nghe hiểu được, cảm nhận được.)

2. Đọc hai câu văn sau, theo em, câu nào đúng câu nào sai, vì sao ?

a) *Người gác rừng cười ngựa, lao vào bóng chiều, nhảy lên lưng ngựa, đóng chắc chiếc yên ngựa.*

b) *Người gác rừng đóng chắc chiếc yên ngựa, nhảy lên lưng ngựa, rồi lao vào bóng chiều.*

3. Hãy viết câu giới thiệu các nhân vật : Thánh Gióng, Lạc Long Quân, Âu Cơ, Tuệ Tĩnh.

4. Viết đoạn kể chuyện Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt xông trận, ngựa phun lửa giết giặc Ân và đoạn kể chuyện Thánh Gióng khi roi sắt gãy, đã nhổ tre đằng ngà tiếp tục đánh đuổi quân giặc.

BÀI 6

Kết quả cần đạt

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện **Thạch Sanh** và một số đặc điểm tiêu biểu của nhân vật **người dũng sĩ** trong truyện. Kể được truyện.
- Có ý thức **tránh mắc lỗi** và **biết chữa các lỗi** : lặp từ, lẫn lộn các từ gần âm.

VĂN BẢN

THẠCH SANH

(Truyện cổ tích)

Ngày xưa ở quận Cao Bình⁽¹⁾ có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con. Tuy nhà nghèo, hằng ngày phải lên rừng chặt củi về đổi lấy gạo nuôi thân, họ vẫn thường giúp mọi người. Thấy họ tốt bụng, Ngọc Hoàng⁽²⁾ bèn sai thái tử⁽³⁾ xuống đầu thai⁽⁴⁾ làm con. Từ đó người vợ có mang, nhưng đã qua mấy năm mà không sinh nở. Rồi người chồng lâm bệnh, chết. Mãi về sau người vợ mới sinh được một cậu con trai.

Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài⁽⁵⁾ chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần⁽⁶⁾ xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

Một hôm, có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng : "Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu". Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân⁽⁷⁾, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ già gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.

Bấy giờ trong vùng có con chần tinh⁽⁸⁾ có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Quan quân đã nhiều lần đến bắt vây định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân phải lập cho nó miếu thờ, hằng năm nộp một mạng người cho chần tinh ăn thịt để nó đỡ phá phách.

Năm ấy, đến lượt Lí Thông nộp mình. Mẹ con hấn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lí Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo :

– Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.

Thạch Sanh thật thà nhận lời đi ngay.

Nửa đêm, Thạch Sanh đang lim dim mắt thì chần tinh sau miếu hiện ra, nhe nanh, giơ vuốt định vồ lấy chàng. Thạch Sanh với lấy búa đánh lại. Chần tinh hoá phép, thoát biến thoát hiện. Thạch Sanh không núng, dùng nhiều võ thuật đánh con quái vật. Chỉ một lúc, lưỡi búa của chàng đã xả xác nó làm hai. Chần tinh hiện nguyên hình là một con trăn⁽⁹⁾ khổng lồ, nó chết để lại bên mình bộ cung tên bằng vàng. Thạch Sanh chặt đầu quái vật và nhặt bộ cung tên xách về. Mẹ con Lí Thông đang ngủ, bỗng nghe tiếng gọi cửa. Ngỡ là hồn oan của Thạch Sanh hiện về, mẹ con hấn hoảng sợ, van lạy rồi rít. Khi Thạch Sanh vào nhà kể cho nghe chuyện giết chần tinh, chúng mới hoàn hồn. Nhưng Lí Thông bỗng nảy ra kế khác. Hấn nói :

– Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu.

Thạch Sanh lại thật thà tin ngay. Chàng vội vã từ giả mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc đa, kiếm củi nuôi thân. Còn Lí Thông hí hửng đem đầu con yêu quái vào kinh đô nộp cho nhà vua. Hấn được vua khen, phong cho làm Quận công⁽¹⁰⁾.

Vua có cô công chúa vừa đến tuổi lấy chồng. Hoàng tử nhiều nước sai sứ đến hỏi công chúa làm vợ nhưng không ai vừa ý nàng. Nhà vua phải mở một hội lớn cho hoàng tử các nước và con trai trong thiên hạ tới dự, để công chúa trên lầu cao ném quả cầu may : hễ quả cầu rơi trúng người nào, công chúa sẽ lấy người ấy làm chồng. Khi công chúa sắp sửa ném quả cầu, bỗng nàng bị một con đại bàng⁽¹¹⁾



khổng lồ quắp đi. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh. Thấy nó, Thạch Sanh liền dùng cung tên vàng bắn theo. Mũi tên trúng vào cánh đại bàng. Nó bị thương nhưng gắng sức bay về hang trong núi sâu. Thạch Sanh lần theo vết máu, tìm được chỗ nó ở.

Từ ngày công chúa bị mất tích, nhà vua vô cùng đau đớn. Vua sai Lí Thông đi tìm, hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho. Vừa mừng vừa sợ, Lí Thông không biết làm thế nào. Cuối cùng, hắn truyền cho

dân mở hội hát xướng mười ngày để nghe ngóng. Tám, chín ngày trôi qua, hắn vẫn chẳng biết tin gì. Đến ngày thứ mười, hắn bỗng gặp Thạch Sanh đi xem hội.

Nghe Lí Thông nói việc tìm công chúa, Thạch Sanh thật thà kể chuyện đã bắn đại bàng bị thương và biết hang ổ của đại bàng. Lí Thông mừng rỡ, liền nhờ chàng dẫn đường đến hang quái vật.

Đến nơi, Thạch Sanh xin xuống hang cứu công chúa. Quân sĩ lấy dây dài buộc vào lưng chàng rồi đồng xuống hang.

Đại bàng nguyên là một con yêu tinh ở trên núi, có nhiều phép lạ. Tuy bị thương nặng nhưng khi thấy Thạch Sanh, nó vùng ngay dậy, vùng cánh, chìa



vuốt lao đến. Thạch Sanh dùng cung tên vàng bắn mù hai mắt, vung búa chặt đứt vuốt sắc, bỏ vỡ đôi đầu con quái vật. Rồi chàng lấy dây buộc vào người công chúa, ra hiệu cho quân Lí Thông kéo lên. Chàng đang chờ dây dòn xuống, không ngờ, sau khi đưa được công chúa lên, Lí Thông liền ra lệnh cho quân sĩ vắn những tảng đá lớn lấp kín cửa hang lại.

Biết Lí Thông hại mình, Thạch Sanh cố tìm lối lên. Đến cuối hang, chàng thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú bị nhốt trong chiếc cũi sắt ; đó chính là thái tử, con vua Thuỷ Tề⁽¹²⁾. Thạch Sanh dùng cung vàng bắn tan cũi sắt, cứu thái tử ra. Thái tử thoát nạn, hết lời cảm tạ chàng, mời chàng xuống chơi thuỷ phủ. Vua Thuỷ Tề sung sướng được gặp lại con, đãi Thạch Sanh rất hậu. Khi chàng về, vua biếu nhiều vàng bạc nhưng Thạch Sanh không nhận, chỉ xin một cây đàn. Chàng lại trở về gốc đa.

Hồn chần tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới giấu ở góc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.

Lại nói nàng công chúa bất hạnh, từ khi được cứu thoát về cung thì bị cầm. Suốt ngày nàng chẳng nói, chẳng cười, mặt buồn rười rượi. Vua đành hoãn việc cưới xin, sai Lí Thông mời thầy thuốc về chữa. Bao nhiêu thầy thuốc giỏi được mời đến nhưng không ai chữa cho công chúa khỏi được.

Một hôm, Thạch Sanh ngồi trong ngục tối, đem đàn của vua Thuỷ Tề cho ra gảy. Tiếng đàn vẳng đến hoàng cung, lọt vào tai công chúa. Vừa nghe tiếng đàn, công chúa bỗng cười nói vui vẻ. Nàng xin vua cha cho gọi người đánh đàn vào cung.

Nhà vua lấy làm lạ, cho đưa Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lí Thông đến chuyện chém chằn tinh, giết đại bàng, cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang và cuối cùng bị bắt oan vào ngục thất. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra mọi sự. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lí Thông, lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng không giết mà cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết, rồi bị hoá kiếp thành bọ hung.

Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bừng như thế. Thấy vậy hoàng tử các nước chư hầu⁽¹³⁾ trước kia bị công chúa từ hôn⁽¹⁴⁾ lấy làm tức giận. Họ hội binh lính cả mười tám nước kéo sang đánh. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động



bình⁽¹⁾. Chẳng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cúi gập xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẻn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đổ họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước.

Về sau, vua không có con trai, đã nhường ngôi cho Thạch Sanh.

(Theo Nguyễn Đồng Chi và Vũ Ngọc Phan)

Chú thích

(1) Cao Bình : xưa thuộc huyện Thạch Lâm, nay thuộc huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

(2) Ngọc Hoàng : trong truyền dân gian là vị thần cao nhất ngự trị trên trời.

(3) *Thái tử* : con trai vua, người được chọn sẵn để sau nối ngôi vua.

(4) *Đầu thai* : linh hồn nhập vào một cái thai để sinh ra thành kiếp khác (theo quan niệm tôn giáo).

(5) *Gia tài* : của cải riêng của một người, một gia đình (*gia* : nhà ; *tài* : của cải).

(6) *Thiên thần* : thần trên trời (*thiên* : trời, ngược với *địa* : đất).

(7) *Tứ cố vô thân* (thành ngữ) : không có ai là người thân thích (*tứ* : bốn ; *cố* : ngoài nhìn ; *vô* : không ; *thân* : người thân, họ hàng) ; nghĩa gốc : ngoài nhìn bốn phía không có người thân.

(8) *Chăn tinh* : một loại yêu quái trong thần thoại, truyện cổ tích.

(9) *Trăn* : rắn lớn sống ở rừng nhiệt đới, không có nọc độc, còn dấu vết chân sau, có thể bắt ăn thịt cả những con thú khá lớn.

(10) *Quận công* : tước công (tước được nhà vua phong), bậc thứ hai sau Quốc công.

(11) *Đại bàng* : chim ăn thịt, cỡ lớn, cánh dài và rộng, chân cổ lông đến tận ngón, sống ở núi cao.

(12) *Vua Thủy Tề* : vua ở dưới nước (còn gọi là Long Vương), theo tín ngưỡng dân gian.

(13) *Nước chư hầu* : nước bị phụ thuộc, phải phục tùng nước khác (mạnh hơn).

(14) *Từ hôn* : từ chối không kết duyên hoặc huỷ bỏ một cuộc hôn nhân đã đính ước.

(15) *Động binh* : huy động quân đội chuẩn bị chiến tranh.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh có gì khác thường ? Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh như vậy, theo em, nhân dân muốn thể hiện điều gì ?

2. Trước khi được kết hôn với công chúa, Thạch Sanh đã phải trải qua những thử thách như thế nào ? Thạch Sanh bộc lộ phẩm chất gì qua những lần thử thách ấy ?

3. Trong truyện, hai nhân vật Thạch Sanh và Lí Thông luôn đối lập nhau về tính cách và hành động. Hãy chỉ ra sự đối lập này.

4*. Truyện *Thạch Sanh* có nhiều chi tiết thần kì, trong đó đặc sắc nhất là chi tiết tiếng đàn và niêu cơm đãi quân sĩ mười tám nước chư hầu. Em hãy nêu ý nghĩa của những chi tiết đó.

5. Thảo luận : Trong phần kết thúc truyện, mẹ con Lí Thông phải chết, còn Thạch Sanh thì được kết hôn cùng công chúa và lên ngôi vua. Qua cách kết thúc này, nhân dân ta muốn thể hiện điều gì ? Kết thúc ấy có phổ biến trong truyện cổ tích không ? Hãy nêu một số ví dụ.

Ghi nhớ

Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta. Truyện có nhiều chi tiết tưởng tượng thần kì độc đáo và giàu ý nghĩa (như sự ra đời và lớn lên kì lạ của Thạch Sanh, cung tên vàng, cây đàn thần, niêu cơm thần, v.v...).

LUYỆN TẬP

1*. Nếu vẽ một tranh minh hoạ cho truyện *Thạch Sanh*, em chọn chi tiết nào trong truyện để vẽ ? Vì sao ? Em sẽ đặt cho bức tranh minh hoạ ấy tên gọi như thế nào ?

2. Hãy kể diễn cảm truyện *Thạch Sanh*.

ĐỌC THÊM

Đàn kêu : Ai chém chằn tinh
Cho mây^(a) vinh hiển dự mình quyền sang ?
Đàn kêu : Ai chém xà vương
Đem nàng công chúa triều đường về đây ?
Đàn kêu : Hỡi Lí Thông mây
Cớ sao phụ nghĩa lại rày vong ân ?
Đàn kêu : Sao ở bất nhân
Biết ăn quả lại quên ân người trồng ?

(Truyện thơ Nôm *Thạch Sanh*)

(a) Mây : chỉ Lí Thông.

CHỮA LỖI DÙNG TỪ

I – LẶP TỪ

1. Gạch dưới những từ ngữ giống nhau trong các câu dưới đây :

a) *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !*

(Thép Mới)

b) *Truyện dân gian thường có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo nên em rất thích đọc truyện dân gian.*

2. Việc lặp đi lặp lại từ *tre* ở ví dụ a có gì khác việc lặp từ ở ví dụ b ?

3. Chữa lại câu mắc lỗi lặp từ.

II – LẶN LỘN CÁC TỪ GẦN ÂM

1. Trong các câu sau, những từ nào dùng không đúng ?

a) *Ngày mai, chúng em sẽ đi thăm quan Viện bảo tàng của tỉnh.*

b) *Ông họa sĩ già nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc.*

2. Nguyên nhân mắc các lỗi trên là gì ?

3. Hãy viết lại các từ bị dùng sai cho đúng.

III – LUYỆN TẬP

1. Hãy lược bỏ những từ ngữ trùng lặp trong các câu sau :

a) *Bạn Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp ai cũng đều rất lấy làm quý mến bạn Lan.*

b) *Sau khi nghe cô giáo kể câu chuyện ấy, chúng tôi ai cũng thích những nhân vật trong câu chuyện này vì những nhân vật ấy đều là những nhân vật có phẩm chất đạo đức tốt đẹp.*

c) *Quá trình vượt núi cao cũng là quá trình con người trưởng thành, lớn lên.*

2. Hãy thay từ dùng sai trong các câu dưới đây bằng những từ khác. Theo em, nguyên nhân chủ yếu của việc dùng sai đó là gì ?

a) *Tiếng Việt có khả năng diễn tả linh động mọi trạng thái tình cảm của con người.*

b) *Có một số bạn còn bàng quang với lớp.*

c) *Vùng này còn khá nhiều thủ tục như : ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình ; ốm không đi bệnh viện mà ở nhà cúng bái...*

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

Em hãy xem lại bài tập làm văn theo các yêu cầu sau :

1. Em đã kể chuyện về ai (nhân vật nào) ? Ai là nhân vật chính ? Nhân vật đã được giới thiệu đủ rõ chưa ?

2. Sự việc được kể là sự việc gì ? Nguyên nhân, diễn biến và kết quả của sự việc đó đã được kể ra chưa ?

3. Em kể sự việc đó nhằm mục đích gì ? Mục đích đó đã đạt chưa ?

4. Sửa lỗi chính tả và lỗi dùng từ trong bài làm (chú ý cả yêu cầu về cách đặt câu, dùng từ và cách sắp xếp ý trong đoạn văn tự sự).

BÀI 7

Kết quả cần đạt

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện *Em bé thông minh* và một số đặc điểm tiêu biểu của nhân vật thông minh trong truyện. Kể lại được câu chuyện.
- Có ý thức tránh mắc lỗi và biết chữa lỗi về nghĩa của từ.
- Hiểu được ngôi kể và vai trò của ngôi kể trong văn tự sự. Biết cách diễn đạt miệng một câu chuyện đời thường.

EM BÉ THÔNG MINH

(Truyện cổ tích)

Ngày xưa có ông vua nọ sai một viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm⁽¹⁾ để hỏi mọi người. Đã mất nhiều công tìm kiếm nhưng viên quan vẫn chưa thấy có người nào thật lỗi lạc⁽²⁾.

Một hôm, viên quan đi qua một cánh đồng làng kia, chợt thấy bên vệ đường có hai cha con nhà nọ đang làm ruộng : cha đánh trâu cấy, con đập đất. Quan bèn dừng ngựa lại hỏi :

– Này, lão kia ! Trâu của lão cấy một ngày được mấy đường ?

Người cha đứng gần ra chưa biết trả lời thế nào thì đứa con chừng bảy, tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan rằng :

– Thế xin hỏi ông câu này đã. Nếu ông trả lời đúng ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, tôi sẽ cho ông biết trâu của cha tôi cấy một ngày được mấy đường.



Viên quan nghe cậu bé hỏi lại như thế thì há hốc mồm sửng sốt, không biết đáp sao cho ổn. Quan trầm nghĩ, nhất định nhân tài ở đây rồi, chẳng phải tìm đâu mất công. Quan bèn hỏi tên họ, làng xã quê quán của hai cha con rồi phi ngựa một mạch về tàu vua.

Nghe chuyện, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng, để biết chính xác hơn nữa, vua cho thử lại. Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.

Khi dân làng nhận được lệnh vua thì ai nấy đều tung hứng⁽³⁾ và lo lắng, không hiểu thế là thế nào. Bao nhiêu cuộc họp làng, bao nhiêu lời bàn, vẫn không có cách gì giải quyết cả. Từ trên xuống dưới, mọi người đều coi đây là một tai họa. Việc đến tai em bé con nhà thợ cày, em liền báo cha :

– Chẳng mấy khi được lộc vua ban, cha cứ thưa với làng giết thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một bữa cho sướng miệng. Còn một trâu và một thúng gạo, ta sẽ xin làng làm phí tổn cho cha con ta trải kinh⁽⁴⁾ lo liệu việc đó.

– Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào ? Mày đừng có làm đại mà bay mất đầu, con ạ !
Nhưng đứa con quả quyết :

– Cha cứ mặc con lo liệu, thế nào cũng xong xuôi mọi việc.

Người cha vội ra đình trình bày câu chuyện với dân làng. Mọi người nghe nói vẫn còn ngờ vực, bắt cha con phải làm giấy cam đoan⁽⁵⁾, mới dám ngả trâu⁽⁶⁾ đánh chén.

Sau đó mấy hôm, hai cha con khăn gói tìm đường vào kinh. Đến hoàng cung⁽⁷⁾, con báo cha đứng đợi ở ngoài, còn mình thì nhè lúc mấy tên lính canh vô ý, lén vào sân rồng⁽⁸⁾ khóc um lên. Vua sai lính điệu em bé vào, phán hỏi :

– Thằng bé kia, mày có việc gì ? Sao lại đến đây mà khóc ?

– Tàu đức vua – em bé vờ vĩnh đáp – mẹ con chết sớm mà cha con thì không chịu đẻ em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ.

Nghe nói, vua và các triều thần⁽⁹⁾ đều bật cười. Vua lại phán :

– Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho cha mày, chứ cha mày là giống đực, làm sao mà đẻ được !

Em bé bỗng tươi tỉnh :

– Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuôi ba con trâu đực cho để thành chín con để nộp đức vua ? Giống đực thì làm sao mà đẻ được ạ !

Vua cười, bảo :

– Ta thử đấy thôi mà ! Thế làng chúng mày không biết đem trâu ấy ra thịt mà ăn với nhau à ?

– Tâu đức vua, làng chúng con sau khi nhận được trâu và gạo nếp, biết là lộc của đức vua, cho nên đã làm cỗ ăn mừng với nhau rồi.

Vua và đình thần⁽¹⁰⁾ chịu thẳng bé là thông minh lỗi lạc. Nhưng vua vẫn còn muốn thử một lần nữa. Qua hôm sau, khi hai cha con đang ăn cơm ở công quán⁽¹¹⁾, bỗng có sứ nhà vua mang tới một con chim sẻ, với lệnh bắt họ phải dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé nhờ cha lấy cho mình một cái kim may rồi đưa cho sứ giả, bảo :

– Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.

Vua nghe nói, từ đó mới phục hân.

Lập tức, vua cho gọi cả hai cha con vào, ban thưởng rất hậu.

Hồi đó, có một nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi nước ta. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đổ làm sao xâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái oăm ấy tức là tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vô đầu suy nghĩ. Có người dùng miệng hút. Có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ xâu, v.v... Nhưng, tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu ông trạng⁽¹²⁾ và các nhà thông thái⁽¹³⁾ được triệu vào⁽¹⁴⁾ đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành mời sứ thần ra ở công quán để có thời gian đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.

Khi viên quan mang dụ chỉ⁽¹⁵⁾ của vua đến thì em còn đùa nghịch ở sau nhà. Nghe nói việc xâu chỉ vào vỏ ốc, em bé hát lên một câu :

*Tang tình tang ! Tình tình tang
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng
Bên thời lấy giấy mà bung
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang
Tang tình tang ...*

rồi bảo :

- Cứ theo cách đó là xấu được ngay !

Viên quan sung sướng, vội vàng trở về tàu vua. Vua và các triều thần nghe nói mừng như mở cờ trong bụng. Quả nhiên con kiến càng đã xấu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ giả nước láng giềng.

Liên đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua lại sai xây dinh thự⁽¹⁶⁾ ở một bên hoàng cung cho em ở, để tiện hỏi han.

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Chú thích

- (1) *Oai oăm* : trái hẵn bình thường đến mức không ngờ tới được.
- (2) *Lối lạc* : tài giỏi khác thường, vượt trội mọi người.
- (3) *Tung hứng* : ngăn ra vì bị mất hứng thú đột ngột khi sự việc xảy ra trái với điều mình mong muốn và tin chắc.
- (4) *Trẩy kinh* : đi đến kinh đô (*trẩy* : đi đến ; *kinh* : kinh đô).
- (5) *Cam đoan* : khẳng định điều mình trình bày là đúng và hứa chịu trách nhiệm để người khác tin.
- (6) *Ngả trâu* : mổ trâu để lấy thịt.
- (7) *Hoàng cung* : nơi vua ở (*hoàng* : vua ; *cung* : cung điện).
- (8) *Sân rồng* : sân chầu trước cung điện nhà vua.
- (9), (10) *Triều thần, đình thần* : các quan lại trong triều đình.
- (11) *Công quán* : nhà dành để tiếp các quan phương xa về kinh.
- (12) *Trạng* : ở đây chỉ nhân vật có tài đặc biệt trong truyện kể dân gian.
- (13) *Nhà thông thái* : người có kiến thức rộng và sâu.
- (14) *Triệu vào* : ra lệnh gọi vào (*triệu* : ra lệnh gọi).
- (15) *Dụ chỉ* : lời vua truyền bảo.
- (16) *Dinh thự* : nhà to, đẹp, dành riêng cho những người có chức tước cao.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1*. Hình thức dùng câu đố để thử tài nhân vật có phổ biến trong truyện cổ tích không ? Tác dụng của hình thức này ?

2. Sự mưu trí, thông minh của em bé được thử thách qua mấy lần ? Lần sau có khó hơn lần trước không ? Vì sao ?

3. Trong mỗi lần thử thách, em bé đã dùng những cách gì để giải những câu đố oái oăm ? Theo em, những cách ấy lí thú ở chỗ nào ?

4. Hãy nêu ý nghĩa của truyện cổ tích *Em bé thông minh*.

Ghi nhớ

Đây là truyện cổ tích về nhân vật thông minh – kiểu nhân vật rất phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới. Truyện đề cao sự thông minh và trí khôn dân gian (qua hình thức giải những câu đố, vượt những thách đố oái oăm, ...), từ đó tạo nên tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên trong đời sống hằng ngày.

LUYỆN TẬP

1. Kể diễn cảm truyện này.

2*. Hãy kể một câu chuyện "Em bé thông minh" mà em biết.

ĐỌC THÊM

CHUYỆN LƯƠNG THẾ VINH

Hồi nhỏ, Lương Thế Vinh thường trèo bưởi trong vườn. Có lần quả bưởi rơi tòm xuống ao, Vinh hốt hoảng tưởng mất. Không ngờ bưởi lại nổi lên mặt nước và cậu dùng sào khêu vào bờ, lấy được.

Một lần khác, Vinh cùng các bạn chăn trâu trong làng chơi trò đá bưởi ngoài đồng. Chẳng dè quả bóng bằng bưởi lăn xa rồi rơi tuột xuống một cái hố vừa sâu, vừa hẹp, khiến bọn trẻ lúng túng, chưa biết làm cách nào để lấy. Vừa lúc có một ông khách đi qua, thấy vậy bèn đỡ:

– Đứa nào lấy được bưởi lên ta sẽ thưởng !

Trong khi chúng bạn đang loay hoay, đứa thì lấy thùng trâu thả thông lọng thả xuống hố để buộc quả bưởi, nhưng bưởi tròn nên cứ tuột hoài, đứa thì chạy

về nhà lấy sào để chọc, ... còn Lương Thế Vinh lấy nón chạy đến vũng nước cách đây không xa, mức nước đổ xuống hố. Vừa làm, cậu vừa vui miệng đọc :

*Bước ơi nghe ta gọi
Đừng làm cao
Đừng trốn tránh
Lên với tao
Vui tiếp nào... !*

Chẳng mấy chốc quả bưởi từ từ nổi lên và nằm gọn trong tay Lương Thế Vinh. Ông khách tấm tắc khen ngợi Vinh thông minh, sáng dạ và thương cho cậu tiên. Còn chúng bạn, đứa nào đứa nấy đều phục Vinh sát đất và thấy Vinh vừa làm vừa đọc làm râm, nên đã đồn đại rằng Vinh biết dùng phép "thần chú" gọi được quả bưởi từ dưới hố sâu lên (!).

(Theo Quốc Chấn, Thần đồng xưa của nước ta)

CHỮA LỖI DÙNG TỪ (tiếp theo)

I – DÙNG TỪ KHÔNG ĐÚNG NGHĨA

1. Chỉ ra các lỗi dùng từ trong những câu sau :

- a) Mặc dù còn một số yếu điểm, nhưng so với năm học cũ, lớp 6B đã tiến bộ vượt bậc.
- b) Trong cuộc họp lớp, Lan đã được các bạn nhất trí để bạt làm lớp trưởng.
- c) Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã được tận mắt chứng thực cảnh nhà tan cửa nát của những người nông dân.

2. Hãy thay các từ đã dùng sai bằng những từ khác.

II – LUYỆN TẬP

1. Gạch một gạch dưới các kết hợp từ đúng :

- bản (tuyên ngôn) – bản (tuyên ngôn) ;
- (tương lai) sáng lạng – (tương lai) xán lạn ;
- bốn ba (hải ngoại) – buồn ba (hải ngoại) ;
- (bức tranh) thủy mặc – (bức tranh) thủy mặc ;
- (nói năng) tùy tiện – (nói năng) tự tiện.

2. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống :

a) *khinh khỉnh, khinh bạc*

... : tỏ ra kiêu ngạo và lạnh nhạt, ra vẻ không thèm để ý đến người đang tiếp xúc với mình.

b) *khẩn thiết, khẩn trương*

... : nhanh, gấp và có phần căng thẳng.

c) *bằng khuâng, bồn khoăn*

... : không yên lòng vì có những điều phải suy nghĩ, lo liệu.

3. Chữa lỗi dùng từ trong các câu sau :

a) *Hắn quát lên một tiếng rồi tống một cú đá vào bụng ông Hoạt.*

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

b) *Làm sai thì cần thực thà nhận lỗi, không nên bao biện.*

c) *Chúng ta có nhiệm vụ giữ gìn những cái tinh tú của văn hoá dân tộc.*

4. Chính tả (nghe – viết) : *Em bé thông minh* (từ *Một hôm*, viên quan đi qua đến *một ngày được mấy đường*).

ĐỌC THÊM

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VIỆC DÙNG TỪ

Cái tật "nói chữ" không chỉ có hại ở chỗ nó gây khó hiểu cho người nghe, người đọc, làm cho tiếng ta vốn là trong sáng, hoá ra đục và tối ; tật xấu đó còn đưa đến một thói quen khá nguy hiểm là dùng chữ sẵn, câu sẵn, điệu nói sẵn để lấp vào bất cứ trường hợp nào, nghĩa là dùng cái "sáo" thường khi chẳng có ý nghĩa gì, để thay thế sự suy nghĩ, những ý và tình chân thật, xuất phát từ đáy lòng và diễn tả bằng tiếng nói thông thường, mộc mạc, hồn nhiên và có ý vị, ... Trong đời sống bình thường cũng như trong đời sống chính trị của chúng ta hiện nay, cái bệnh "sáo" này đáng phải coi chừng !

(Phạm Văn Đồng)

... Cứ viết đến chỗ hơi thì *nhể nhại*, tinh thần thì *hăng say*, đàn ông *cười phá lên*, người *thanh tú*, *thon thả*, nét mặt *xúc động*, mắt *ánh lên*. Những chữ ấy không phải công phu mình nghĩ ra, chỉ vì đã vơ lấy dùng đi dùng lại.

(Tô Hoài)

LUYỆN NÓI KỂ CHUYỆN

I – CHUẨN BỊ

1. Lập dàn bài theo một trong những đề bài sau

- a) Tự giới thiệu về bản thân
- b) Giới thiệu người bạn mà em quý mến
- c) Kể về gia đình mình
- d) Kể về một ngày hoạt động của mình

2. Dàn bài tham khảo

- a) Tự giới thiệu về bản thân

– *Mở bài* : Lời chào và lí do tự giới thiệu.

– *Thân bài* : + Tên, tuổi ;
 + Gia đình gồm những ai ;
 + Công việc hằng ngày ;
 + Sở thích và nguyện vọng.

– *Kết bài* : Cảm ơn mọi người chú ý nghe.

- b) Kể về gia đình mình

– *Mở bài* : Lời chào và lí do kể.

– *Thân bài* : + Giới thiệu chung về gia đình ;
 + Kể về bố ;
 + Kể về mẹ ;
 + Kể về anh, chị, em.

– *Kết bài* : Tình cảm của mình đối với gia đình.

II – LUYỆN NÓI TRÊN LỚP

1. Chia tổ luyện nói theo dàn bài.

2. Chọn một số học sinh nói trước lớp.

Khi nói, học sinh chú ý :

- Nói to, rõ để mọi người đều nghe ;
- Tự tin, tự nhiên, dáng hoàng, mắt nhìn vào mọi người.

III – BÀI NÓI THAM KHẢO

1. Tự giới thiệu về mình

Thưa các bạn,

Tôi tên là Trịnh Xuân Minh, học sinh lớp 6A, Trường THCS Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nhà tôi ở số ..., tổ ..., phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy. Gia đình tôi có bố, mẹ, em gái và tôi.

Tôi rất thích học Toán, Lí, Hoá và xem phim hoạt hình. Tôi muốn sau này lớn lên trở thành một chú công an để truy lùng bọn tội phạm, bảo đảm yên vui cho khu phố. Hằng ngày tôi thường đạp xe đến trường và đi đón em gái học lớp 2. Tôi rất yêu em gái tôi. Em có hai bím tóc rất xinh, khi nói chuyện hai cái bím hay lúc lắc. Tôi thích ngăn nắp, trật tự. Bố tôi thường dạy thế. Tôi không thích các bạn gái hay ăn ô mai ở trong lớp. Tuy vậy, lúc nào tôi cũng muốn trở thành bạn tốt của các bạn.

Cảm ơn các bạn đã lắng nghe.

2. Giới thiệu về mình và gia đình

Chào các bạn,

Xin giới thiệu với các bạn, tôi tên là Tạ Ngọc Ánh, nhà ở ... học lớp 6A, Trường THCS Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tôi thích hát, vẽ, làm toán và xem phim hoạt hình. Tôi thích loại phim như *Hãy đợi đấy*, *Pô-kê-mon*. Tôi thích được giống như Pi-ca-chu vì Pi-ca-chu xinh đẹp và giỏi. Tôi thích sô-cô-la, ô mai và không thích ổi. Công việc ở nhà của tôi là : quét nhà, rửa bát, rửa ấm chén và chăm sóc cây. Bố tôi trồng nhiều cây đẹp và quý. Tôi thích chơi với các bạn gái, nhất là những bạn mập. Tôi thích mặc đồng phục, thích ngày chủ nhật, vì chủ nhật được chơi thoải mái, không phải học bài. Tôi muốn sau này trở thành cô giáo dạy vẽ, dạy các em nhỏ vẽ tranh. Em gái tôi là Tạ Thu Hằng, đang học mẫu giáo.

Bố mẹ tôi làm ở công ti sữa E-lin. Bố mẹ tôi rất yêu hai chị em tôi. Ngày nghỉ bố tôi thường đưa hai chị em đi ăn kem tươi.

(Ghi theo lời của hai học sinh lớp 6,
Trường THCS Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội)

ĐỌC THÊM

TRÒ CHƠI TẬP NÓI

Tập nói cũng như tập lội : mới đầu lội xa được ba thước, rồi tới bảy thước, sau cùng mới qua rạch, qua sông.

Sác-li Sa-po-lin mà bạn thường thấy vẽ ngây ngô tức cười trên màn bạc, hồi đã nổi tiếng khắp thế giới, còn quyết chí tập nói. Ông và một người bạn đặt ra trò chơi sau này : Mỗi khi gặp nhau, một người chỉ bất kì một vật gì ở xung quanh, hoặc đưa ra bất kì một vấn đề nào, bảo người kia phải ứng khẩu nói liền về vật hoặc vấn đề ấy trong một phút mà không được ngừng. Họ thấy trò ấy rất hứng thú và luyện cho họ suy nghĩ mau lẹ, nói năng dễ dàng.

Bạn nên theo gương họ. Nếu bạn quá nhút nhát, hãy tập nói một mình đã, khi nào quen rồi hãy tập trước người lạ. Mới đầu hãy nói những vấn đề rất thông thường rồi lần lần sẽ nói về những cái trừu tượng như phép tu thân, đức chuyên cần, nghị lực, ...

Biết tự hỏi sáu câu này : Tại sao ? Ai đó ? Ở đâu ? Cách nào ? Cái gì đó ? Khi nào ? thì bất kì vấn đề gì bạn cũng có thể ứng khẩu nói trong 60 giây một cách rất dễ dàng được.

(Theo Nguyễn Hiến Lê)

BÀI 8

Kết quả cần đạt

- *Hiểu nội dung, ý nghĩa của truyện cổ tích **Cây bút thần** và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu, đặc sắc trong truyện.*
- *Củng cố và nâng cao một bước kiến thức về **danh từ** đã học ở bậc Tiểu học.*
- *Nắm được **ngôi kể** và vai trò của ngôi kể trong văn tự sự.*

VĂN BẢN

CÂY BÚT THẦN

(Truyện cổ tích Trung Quốc)

Người ta kể lại rằng, ngày xưa có một em bé rất thông minh tên là Mã Lương. Em thích học vẽ từ nhỏ. Cha mẹ em đều mất sớm. Em chặt củi, cắt cỏ, kiếm ăn qua ngày, nhưng vẫn nghèo đến nỗi không có tiền mua bút. [...] Em dốc lòng⁽¹⁾ học vẽ, hằng ngày chăm chỉ luyện tập. Khi kiếm củi trên núi, em lấy que củi vạch xuống đất, vẽ những con chim đang bay trên đỉnh đầu. Lúc cắt cỏ ven sông, em nhúng tay xuống nước rồi vẽ tôm cá trên đá. Khi về nhà, em vẽ các đồ đạc trong nhà lên tường, bốn bức tường dày đặc các hình vẽ.

Năm tháng trôi qua, Mã Lương không ngừng học vẽ, không bỏ phí một ngày nào và em đã tiến bộ rất mau. Em vẽ chim, cá giống như thật, người ta tưởng như sắp được nghe chim hót, được trông thấy cá bơi lội. Thế nhưng em vẫn chưa có cây bút vẽ. Em chỉ mong sao có được một chiếc.

Một đêm em nằm ngủ rất say. Trong giấc ngủ, chợt em nhìn thấy một cụ già râu tóc bạc phơ hiện ra trước mặt, đưa cho em một cây bút và nói :

– Đây là cây bút thần, nó sẽ giúp con nhiều.

Mã Lương nhìn cây bút bằng vàng sáng lấp lánh, em sung sướng reo lên :

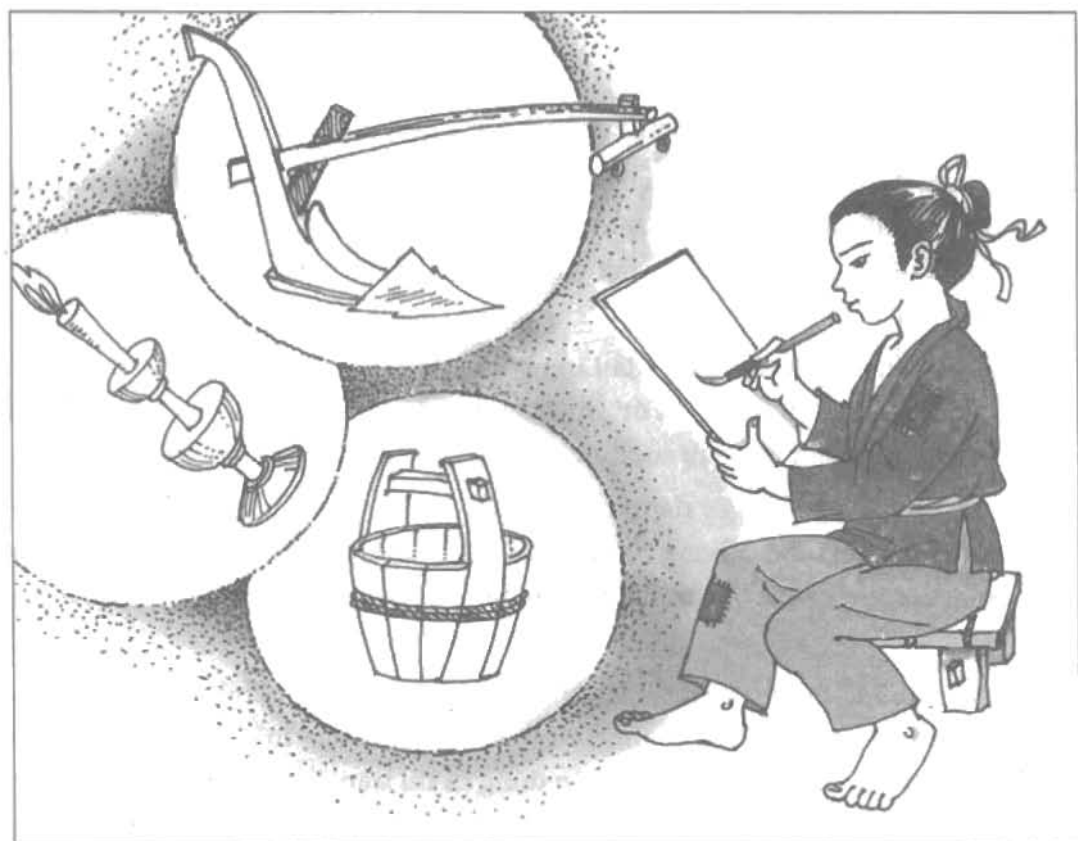
– Cây bút đẹp quá ! Cháu cảm ơn ông ! Cảm ơn ông !...

Em chưa nói dứt lời, cụ già đã biến mất. Mã Lương giật mình tỉnh dậy mới biết là mình nằm mơ. Thế nhưng, cây bút thần vẫn nằm trong tay em, em rất lấy làm lạ.

Mã Lương lấy bút ra vẽ một con chim. Chim tung cánh bay lên trời, cất tiếng hót líu lo. Em vẽ tiếp một con cá. Cá vẩy đuôi trườn xuống sông, bơi lượn trước mắt em. Mã Lương thích thú vô cùng.

Dùng cây bút thần, Mã Lương vẽ cho tất cả người nghèo trong làng. Nhà nào không có cây, em vẽ cho cây. Nhà nào không có cuốc, em vẽ cho cuốc. Nhà nào không có đèn, em vẽ cho đèn. Nhà nào không có thùng múc nước, em vẽ cho thùng, ...

Việc đó ai cũng biết. Rồi câu chuyện cây bút thần lọt tới tai một tên địa chủ giàu có trong làng. Hắn liền sai hai tên đầy tớ đến bắt Mã Lương về nhà vẽ theo ý muốn của hắn. Mã Lương tuy còn nhỏ nhưng tính tình khảng khái⁽²⁾. Em biết



bụng dạ tham lam của bọn nhà giàu, nên không vẽ bất cứ một thứ gì, mặc cho chúng hết lời dụ dỗ, dọa nạt. Tên địa chủ tức giận, nhốt em vào chuồng ngựa, không cho ăn uống gì.

Ba hôm sau, giữa đêm tuyết xuống nhiều, nhìn ra sân thấy tuyết phủ trắng xóa, tên địa chủ nghĩ thầm : "Tên Mã Lương không chết đói thì cũng chết rét, ta hãy đến chuồng ngựa xem sao !".

Gần đến chuồng ngựa, hắn thấy những tia sáng hồng lọt qua khe cửa, một mùi thơm ngào ngạt bốc ra. Hắn ghé mắt nhòm qua khe cửa thì thấy Mã Lương ngồi bên một lò lửa rực hồng đang ăn bánh nướng. Tên địa chủ kinh ngạc : Lò lửa ở đâu ra ? Bánh ở đâu ra ? Hắn nghĩ ngay rằng tất cả những thứ đó đều nhờ bút thần mà có. Tức quá, hắn sai bọn đầy tớ đến để giết Mã Lương, cướp lấy cây bút thần.

Mười mấy tên đầy tớ hung hăng xông vào chuồng ngựa, nhưng Mã Lương không còn ở đấy nữa. Em đã vượt qua tường bằng một chiếc thang vẽ trên tường.

Chiếc thang hãy còn đó. Tên địa chủ leo lên thang nhưng chưa trèo qua ba bậc đã ngã lộn xuống đất. Chiếc thang biến mất.

Thoát khỏi nhà địa chủ, Mã Lương vẽ con ngựa, rồi cưỡi lên phi nhanh.

Đi chưa được bao xa, chợt có tiếng huyền não⁽³⁾ sau lưng, Mã Lương quay lại nhìn. Trong ánh đuốc sáng rực, Mã Lương nhìn thấy tên địa chủ cưỡi trên lưng một con tuấn mã, tay vung dao sáng loáng, dẫn khoảng hai chục tên đầy tớ đang đuổi theo.

Khi bọn chúng đã đến gần, Mã Lương lặng lẽ rút cây bút thần vẽ chiếc cung và mũi tên. Em giương cung. "Vút", mũi tên lao đúng hòng tên địa chủ, hấn ngã nhào xuống đất. Mã Lương ra roi thúc ngựa, ngựa tung vó phóng như bay.

Ngựa phi suốt mấy ngày đêm rông rã không nghỉ. Sau cùng, Mã Lương dừng chân ở một thị trấn nhỏ. Không có việc làm, Mã Lương đành vẽ tranh đem bán ở phố. Sợ lộ nên em vẽ các bức tranh đều dở dang : chim thì thiếu cái mỏ hoặc thiếu một chân, ...

Một hôm, Mã Lương vẽ con cò trắng không mắt. Vì một chút sơ ý, em đánh rơi một giọt mực xuống bức tranh. Giọt mực rơi đúng chỗ mắt cò. Thế là cò mở mắt, xoè cánh, bay đi. Chuyện làm chấn động cả thị trấn. Mấy kẻ mách lẻo⁽⁴⁾ đến tố giác⁽⁵⁾ với nhà vua. Vua phái triều thần đến đón Mã Lương về kinh đô. Mã Lương không muốn đi, nhưng bọn họ tìm đủ cách dụ dỗ, dọa nạt để bắt em về hoàng cung.

Mã Lương được nghe rất nhiều điều tàn ác của nhà vua đối với dân nghèo, nên em rất căm ghét vua, không muốn vẽ. Vua bắt em vẽ một con rồng, em liền vẽ một con cóc ghẻ. Vua bắt vẽ con phượng, em lại vẽ con gà trụi lông. Hai con vật đó vờ xấu xí vừa bẩn thỉu, nhảy nhót tứ tung bên cạnh nhà vua. [...] Vua tức giận, cho quân lính đến cướp cây bút thần trong tay Mã Lương rồi nhốt em vào ngục⁽⁶⁾.

Lấy được bút thần, vua đem ra vẽ. Hấn vẽ núi vàng. Một núi vàng không thoả mãn lòng tham, hấn liền vẽ thêm hết núi này đến núi khác, không biết bao nhiêu mà kể. Vẽ xong, vua xem lại thì không phải là những núi vàng mà chỉ là những tảng đá lớn. Những tảng đá nặng đó từ trên đỉnh núi lăn xuống, suýt đè gãy chân vua.

Nhưng hấn đâu chịu bỏ lòng tham. Vẽ núi vàng không được thì vẽ thỏi⁽⁷⁾ vàng. Vua vẽ một thỏi vàng, thấy còn nhỏ quá, lại vẽ một thỏi thứ hai lớn hơn. Vẫn thấy còn nhỏ, hấn vẽ một thỏi lớn, rất dài, dài không biết bao nhiêu thước.

Vẽ xong, vua nhìn lại thì thấy trước mắt không phải là một thỏi vàng lớn mà lại là một con mãng xà⁽⁸⁾ dài, miệng há hốc, đỏ lòm, đang bố lại phía hấn. May có triều thần xó tới cứu, nếu không, mãng xà đã nuốt chửng hấn.

Biết không có Mã Lương thì không làm được trò trống gì, vua phải thả em ra, dùng vàng bạc đồ dành và hứa gả công chúa cho.

Mã Lương giả vờ đồng ý. Vua rất mừng, liền trả bút thần cho em.

Vua nghĩ: "Nếu bảo nó vẽ núi, sợ rằng trên núi có nhiều thú dữ, chi bằng bảo nó vẽ biển là hơn cả". Và vua bảo Mã Lương vẽ biển.

Hai nét bút đưa đi, biển cả đã hiện ra trước mắt. Biển rộng mênh mông, xanh biếc, không một gợn sóng, trong suốt như mặt gương soi.

Nhà vua ngắm nhìn mặt biển, rồi nói :

– Biển này sao không có cá nhỉ ?

Mã Lương chấm vài chấm, biển liền hiện ra bao nhiêu là cá, đủ các màu sắc, uốn đuôi mềm mại bơi lội tung tăng. Đàn cá bơi xa dần, xa dần. Vua rất thích, vội ra lệnh :

– Hãy vẽ ngay cho ta một chiếc thuyền ! Ta muốn ra khơi xem cá.

Mã Lương vẽ ngay một chiếc thuyền buồm lớn. Vua, hoàng hậu, công chúa, hoàng tử và các quan đại thần kéo nhau xuống thuyền. Mã Lương đưa thêm vài nét bút, gió thổi lên nhẹ nhẹ, mặt biển nổi sóng lăn tăn, thuyền từ từ ra khơi.

Thấy thuyền còn đi quá chậm, vua đứng trên mũi thuyền kêu lớn :

– Cho gió to thêm một tí ! Cho gió to thêm một tí !

Mã Lương đưa thêm mấy nét bút đậm, sóng biển liền nổi lên, buồm căng phồng, chiếc thuyền lao khỏi bờ nhanh vun vút.

Mã Lương lại tô thêm nhiều nét bút nữa, gió mạnh nổi lên, biển động, thuyền lắc lư nghiêng ngả. Vua cuống quýt kêu lên :

– Đừng cho gió thổi nữa ! Đừng cho gió thổi nữa !

Mã Lương không hề đếm xỉa đến những lời đó. Cây bút của em tiếp tục vẽ những đường cong lớn. Biển động dữ dội, sóng biển xô vào thuyền hết đợt này đến đợt khác.

Vua ướt hết cả quần áo, một tay ôm cột buồm, một tay ra hiệu, gào to bảo Mã Lương thôi không vẽ nữa.



Mã Lương vẽ như không nghe thấy, cứ tiếp tục vẽ. Gió bão càng to, mây đen kéo mù mịt, trời tối sầm. Sóng lớn nổi lên dữ dội như những trái núi đổ sập xuống thuyền. Chiếc thuyền ngã nghiêng rồi bị chôn vùi trong những lớp sóng hung dữ.

Sau khi vua chết, câu chuyện về Mã Lương và cây bút thần được truyền tụng khắp nước. Nhưng không ai biết sau đó Mã Lương đi đâu. Có người nói Mã Lương đã trở về quê cũ, sống với những người bạn ruộng đồng. Có người nói Mã Lương đi khắp đó đây, đem hết thời giờ và sức lực để vẽ cho những người nghèo khổ.

(Theo bản dịch của Thái Hoàng và Bùi Văn Nguyên)

Chú thích

(1) *Dốc lòng* : đem hết tất cả tâm trí, sức lực để làm một việc gì đó.

(2) *Khảng khái* : có tính cách cứng cỏi, kiên cường và rất hào hiệp, vô tư vì nghĩa lớn.

(3) *Huyên náo* : ồn ào.

(4) *Mách leo* : đem chuyện người này nói cho người khác, với dụng ý không tốt.

(5) *Tố giác* : báo cho cơ quan hoặc người có trách nhiệm biết việc làm của người khác mà người báo cho là phạm pháp.

(6) *Ngục* : nơi giam giữ những người bị coi là có tội.

(7) *Thỏi* : vật được đúc thành hình thanh nhỏ và ngắn (như "thỏi sắt", "thỏi vàng", "thỏi mực" để mài ra viết chữ Hán).

(8) *Mãng xà* : con rắn lớn, con trăn.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1*. Mã Lương thuộc một kiểu nhân vật rất phổ biến nào trong truyện cổ tích ? Hãy kể tên một số nhân vật tương tự trong truyện cổ tích mà em biết.

2. Những điều gì đã giúp cho Mã Lương vẽ giỏi như vậy ? Những điều ấy có quan hệ với nhau ra sao ?

3. Mã Lương đã vẽ gì cho những người nghèo khổ và cho những kẻ tham lam ? Hãy đánh giá ngòi bút thần của Mã Lương qua những gì mà Mã Lương đã vẽ.

4. Truyện kể này được xây dựng theo trí tưởng tượng rất phong phú và độc đáo của nhân dân. Theo em, những chi tiết nào trong truyện là lí thú và gợi cảm hơn cả ?

5. Hãy nêu ý nghĩa của truyện *Cây bút thần*.

Ghi nhớ

Cây bút thần là truyện cổ tích về **nhân vật có tài năng kì lạ**. Cây bút thần với những khả năng, sức mạnh kì diệu của nó là chi tiết tưởng tượng, thần kì đặc sắc. Truyện thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội, về mục đích của tài năng nghệ thuật, đồng thời thể hiện ước mơ về những khả năng kì diệu của con người.

LUYỆN TẬP

1. Hãy kể diễn cảm truyện này.

2. Nhắc lại định nghĩa *truyện cổ tích* và kể tên những truyện cổ tích mà em đã học.

DANH TỪ

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA DANH TỪ

1. Dựa vào những kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy xác định danh từ trong cụm danh từ in đậm dưới đây :

Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy để thành chín con [...].

(Em bé thông minh)

2. Xung quanh danh từ trong cụm danh từ nói trên có những từ nào ?
3. Tìm thêm các danh từ khác trong câu đã dẫn.
4. Danh từ biểu thị những gì ?
5. Đặt câu với các danh từ em mới tìm được.

Ghi nhớ

- *Danh từ là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm, ...*
- *Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ này, ấy, đó, ... ở phía sau và một số từ ngữ khác để lập thành cụm danh từ.*
- *Chức vụ điển hình trong câu của danh từ là chủ ngữ. Khi làm vị ngữ, danh từ cần có từ là đứng trước.*

II – DANH TỪ CHỈ ĐƠN VỊ VÀ DANH TỪ CHỈ SỰ VẬT

1. Nghĩa của các danh từ in đậm dưới đây có gì khác các danh từ đứng sau ?

- *ba con trâu*
- *một viên quan*
- *ba thúng gạo*
- *sáu tạ thóc*

2. Thử thay thế các danh từ in đậm nói trên bằng những từ khác rồi rút ra nhận xét : Trường hợp nào đơn vị tính đếm, đo lường thay đổi ? Trường hợp nào đơn vị tính đếm, đo lường không thay đổi ? Vì sao ?

3. Vì sao có thể nói *Nhà có ba thúng gạo rất đầy*, nhưng không thể nói *Nhà có sáu tạ thóc rất nặng* ?

Ghi nhớ

- Danh từ tiếng Việt được chia thành hai loại lớn là danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật. Danh từ chỉ đơn vị nêu tên đơn vị dùng để tính đếm, đo lường sự vật. Danh từ chỉ sự vật nêu tên từng loại hoặc từng cá thể người, vật, hiện tượng, khái niệm, ...
- Danh từ chỉ đơn vị gồm hai nhóm là :
 - Danh từ chỉ đơn vị tự nhiên (còn gọi là loại từ) ;
 - Danh từ chỉ đơn vị quy ước. Cụ thể là :
 - + Danh từ chỉ đơn vị chính xác ;
 - + Danh từ chỉ đơn vị ước chừng.

III – LUYỆN TẬP

1. Liệt kê một số danh từ chỉ sự vật mà em biết. Đặt câu với một trong các danh từ ấy.

2. Liệt kê các loại từ :

- a) Chuyên đứng trước danh từ chỉ người, ví dụ : ông, vị, cô, ...
- b) Chuyên đứng trước danh từ chỉ đồ vật, ví dụ : cái, bức, tấm, ...

3. Liệt kê các danh từ :

- a) Chỉ đơn vị quy ước chính xác, ví dụ : mét, lít, ki-lô-gam, ...
- b) Chỉ đơn vị quy ước ước chừng, ví dụ : nắm, mớ, đàn, ...

4. Chính tả (nghe – viết) : Cây bút thần (từ đầu đến dày đặc các hình vẽ).

5. Lập danh sách các danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật trong bài chính tả trên.

NGÔI KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ

I – NGÔI KỂ VÀ VAI TRÒ CỦA NGÔI KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ

Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng khi kể chuyện. Khi người kể xưng "tôi" thì đó là kể theo ngôi thứ nhất. Khi người kể giấu mình, gọi sự vật bằng tên của chúng, kể như "người ta kể", thì gọi là kể theo ngôi thứ ba.

Đọc các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

Đoạn 1

Vua và đình thần chịu thằng bé là thông minh lỗi lạc. Nhưng vua vẫn còn muốn thử một lần nữa. Qua hôm sau, khi hai cha con đang ăn cơm ở công quán, bỗng có sứ nhà vua mang tới một con chim sẻ, với lệnh bắt họ phải dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé nhờ cha lấy cho mình một cái kim may rồi đưa cho sứ giả, bảo :

– Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.

Vua nghe nói, từ đó mới phục hấn.

(Em bé thông minh)

Đoạn 2

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giòn.

(Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu kí)

Câu hỏi :

- a) Đoạn 1 được kể theo ngôi nào ? Dựa vào dấu hiệu nào để nhận ra điều đó ?
- b) Đoạn 2 được kể theo ngôi nào ? Làm sao nhận ra điều đó ?
- c) Người xưng tôi trong đoạn 2 là nhân vật (Dế Mèn) hay là tác giả (Tô Hoài) ?
- d) Trong hai ngôi kể trên, ngôi kể nào có thể kể tự do, không bị hạn chế, còn ngôi kể nào chỉ được kể những gì mình biết và đã trải qua ?
- đ) Hãy thử đổi ngôi kể trong đoạn 2 thành ngôi kể thứ ba, thay tôi bằng Dế Mèn. Lúc đó em sẽ có một đoạn văn như thế nào ?

e) Có thể đổi ngôi kể thứ ba trong đoạn 1 thành ngôi kể thứ nhất, xưng tôi được không ? Vì sao ?

Ghi nhớ

- **Ngôi kể** là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện.
- Khi gọi các nhân vật bằng tên gọi của chúng, người kể tự giấu mình đi, tức là kể theo ngôi thứ ba, người kể có thể kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.
- Khi tự xưng là "tôi" kể theo ngôi thứ nhất, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ của mình.
- Để kể chuyện cho linh hoạt, thú vị, người kể có thể lựa chọn ngôi kể thích hợp.
- Người kể xưng "tôi" trong tác phẩm không nhất thiết là chính tác giả.

II – LUYỆN TẬP

1. Thay đổi ngôi kể trong đoạn văn sau thành ngôi thứ ba và nhận xét ngôi kể đem lại điều gì mới cho đoạn văn :

Ngày nào cũng vậy, suốt buổi tôi chui vào trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái ổ lớn làm thành một cái giường ngủ sang trọng. Rồi cũng lo xa như các cụ già trong họ hàng đế, tôi đào hang sâu sang hai ngã làm những con đường tắt, những cửa sau, những ngách thưng, phòng khi gặp việc nguy hiểm, có thể thoát thân ra lòi khác được.

(Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu kí)

2. Thay đổi ngôi kể trong đoạn văn sau thành ngôi thứ nhất và nhận xét ngôi kể đem lại điều gì khác cho đoạn văn :

Một cái bóng lẹ làng từ trong vệt ra, rơi xuống mặt bàn. Thanh định thần nhìn rõ : con mèo già của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh giương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mèo.

(Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)

3. Truyện *Cây bút thần* kể theo ngôi nào ? Vì sao như vậy ?

4. Vì sao trong các truyện cổ tích, truyền thuyết người ta hay kể chuyện theo ngôi thứ ba mà không kể theo ngôi thứ nhất ?

5. Khi viết thư, em sử dụng ngôi kể nào ?

6. Dùng ngôi thứ nhất kể miệng về cảm xúc của em khi nhận được quà tặng của người thân.

ĐỌC THÊM

"... Có nhiều cách kể chuyện. Có cách kể ở ngôi thứ ba : *Nằm mãi không ngủ được. Chị nghĩ đến mẹ mình đang bị ốm nặng.*

Có cách kể ở ngôi thứ nhất, thường là câu chuyện tự thuật, hồi ức : *Tôi sinh ra và lớn lên ở một vùng ven biển... Tôi không còn nhớ mặt bố tôi ra sao nữa vì bố tôi mất sớm... Có cách kể ở ngôi thứ ba là chủ yếu : Xuân đi dạy học đã ba năm nay, anh được các bạn đồng nghiệp và các em quý mến... Nhưng xen vào đó là những đoạn kể ở ngôi thứ nhất (tự thuật nội tâm) : Xuân đang trên đường về nhà. Sao hôm nay mình lại không tự kiểm chế được và đã mắng các em hơi quá lời như vậy..."*

(Phạm Hổ, *Văn miêu tả và kể chuyện*)

BÀI 9

Kết quả cần đạt

- *Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng. Nắm được biện pháp nghệ thuật chủ đạo và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu, đặc sắc trong truyện. Kể lại được truyện này.*
- *Nắm được các cách kể chuyện theo một thứ tự nào đó.*

VĂN BẢN

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

(Truyện cổ tích của A. Pu-skin^(★))

Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão đánh cá ở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển. Ngày ngày chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi.

Một hôm, người chồng ra biển đánh cá. Lần đầu kéo lưới chỉ thấy có bùn ; lần thứ nhì kéo lưới chỉ thấy cây rong biển⁽¹⁾ ; lần thứ ba kéo lưới thì bắt được một con cá vàng.

Con cá cất tiếng kêu van :

– Ông lão ơi ! Ông sinh phúc⁽²⁾ thả tôi trở về biển, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được.

Ông lão ngạc nhiên, nhưng rồi cũng thả con cá xuống biển và bảo :

– Trời phù hộ cho người ! Người trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.

Về nhà, ông lão đem câu chuyện kể cho vợ nghe. Mẹ vợ mắng :

– Đồ ngốc ! Sao lại không bắt con cá đền cái gì ? Đòi một cái máng⁽³⁾ cho lợn ăn không được à ? Cái máng nhà đã gần vỡ rồi !

Thế là ông lão đi ra biển. Biển gợn sóng êm ả. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi :

– Ông lão ơi ! Ông cần gì thế ?

Ông lão chào con cá và bảo :

– Cá ơi ! Giúp tôi với ! Mẹ vợ tôi nó mắng tôi và cầu nhàu mãi làm tôi không ở yên được. Mẹ ấy đòi một cái máng lợn ăn mới. Máng nhà tôi đã nứt mẻ rồi.

Con cá vàng trả lời :

– Ông lão ơi ! Đừng băn khoăn nữa. Cứ về đi. Tôi sẽ giúp ông. Ông sẽ có một cái máng mới.

Ông lão về đến nhà thì mẹ vợ đã có một cái máng mới thật. Nhưng mẹ lại quát to hơn :

– Đồ ngu ! Đòi một cái máng thật à ? Một cái máng thì thấm vào đâu ! Đi tìm lại con cá và đòi một cái nhà rộng.



Thế là ông lão lại đi ra biển. Biển xanh đã nổi sóng. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi :

– Ông lão ơi ! Ông cần gì thế ?

Ông lão chào con cá và nói :

– Giúp tôi với, cá ơi ! Mụ vợ tôi nó mắng nhiều hơn và không để tôi yên chút nào. Mụ đòi một toà nhà đẹp.

Con cá vàng lại trả lời ông :

– Ông lão ơi ! Đừng bắn khoăn quá. Thôi hãy về đi. Tôi kêu trời phù hộ cho, ông sẽ được một cái nhà rộng và đẹp.

Ông lão trở về túp lều của mình, chẳng thấy lều đâu mà chỉ thấy trước mặt một ngôi nhà đẹp, có cổng lớn bằng gỗ lim, trong ngoài sáng sủa, có lò sưởi, quét vôi trắng xoá, và mụ vợ đang ngồi bên cửa sổ. Mụ thấy ông lão về lại mắng như tát nước vào mặt :

– Đồ ngu ! Ngốc sao ngốc thế ! Đòi một cái nhà thôi à ? Trời ! Đi tìm ngay con cá và bảo nó rằng tao không muốn làm một mục nông dân quèn⁽⁴⁾, tao muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân⁽⁵⁾ kia.

Ông lão lại lóc cóc⁽⁶⁾ ra biển. Biển xanh nổi sóng dữ dội. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi lên hỏi :

– Ông lão ơi ! Ông cần gì thế ?

Ông lão chào con cá và trả lời :

– Giúp tôi với, cá ơi ! Mục vợ tôi lại phát khùng lên, nó chẳng để tôi yên chút nào. Bây giờ nó không muốn làm nông dân nữa mà muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân.

Con cá vàng lại trả lời :

– Ông lão ơi ! Đừng lo lắng quá. Trời sẽ phù hộ cho ông.

Ông lão lại trở về. Lão ngạc nhiên thấy trước mặt một toà lâu đài lớn, mục vợ đang đứng trên thềm cao, mình khoác áo lông, đầu đội mũ nhiều hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giày đỏ. Xung quanh mục kẻ hầu người hạ tấp nập, còn mục thì luôn mỉm cười mắng. Ông lão bảo mục :

– Kính chào phu nhân, chắc bây giờ bà đã thoả nguyện rồi chứ ?

Mục vợ mắng lão một thôi và bắt lão xuống quét dọn chuồng ngựa.

Được ít tuần lễ, mục lại giận dữ, bắt ông lão đi tìm con cá :

– Lão đi tìm con cá và bảo nó tao không muốn làm một bà phu nhân nữa, tao muốn làm nữ hoàng⁽⁷⁾ kia.

Ông lão hoảng sợ kêu xin :

– Mục nói gì vậy ? Mục có lẫn⁽⁸⁾ không ? Mục đi chẳng biết đường đi, nói chẳng biết đường nói mà đòi làm nữ hoàng ? Thiên hạ họ biết, họ sẽ cười cho.

Mục vợ nổi trận lôi đình⁽⁹⁾ tát vào mặt ông lão :

– Mày cãi à ? Mày dám cãi một bà nhất phẩm phu nhân à ? Đi ngay ra biển, nếu không tao sẽ cho người lôi đi.

Ông lão đành lủi thủi ra biển. Biển nổi sóng mù mịt. Ông lão gọi cá vàng. Con cá bơi đến hỏi :

– Ông lão ơi ! Ông cần gì thế ?

- (6) *Lóc cóc* : đi một mình, vẻ vất vả, đáng thương.
- (7) *Nữ hoàng* : người phụ nữ làm vua.
- (8) *Lấn* : nhầm cái nọ ra cái kia ; ở đây là nói lẩn, lú lẩn.
- (9) *Trận lôi đình* : cơn giận dữ dội như sấm sét.
- (10) *Thị vệ* : lính hầu và bảo vệ vua.
- (11) *Vệ binh* : lính canh gác.
- (12) *Chỉnh tề* : xếp đặt ngay ngắn.
- (13) *Bắt quàng làm họ* : không phải họ hàng mà cứ nhận là họ hàng.
- (14) *Cơn thịnh nộ* : cơn giận dữ lớn.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Trong truyện, mấy lần ông lão ra biển gọi cá vàng ? Việc kể lại những lần ông lão ra biển gọi cá vàng là biện pháp lặp lại có chủ ý của truyện cổ tích. Hãy nêu tác dụng của biện pháp này.

2. Mỗi lần ông lão ra biển gọi cá vàng, cảnh biển thay đổi như thế nào ? Vì sao ?

3. Em có nhận xét gì về lòng tham và sự bội bạc của nhân vật mù vợ ? Sự bội bạc của mù đối với chồng đã tăng lên như thế nào ? Khi nào sự bội bạc của mù đi tới tận cùng ? (Chú ý thái độ của mù đối với cá vàng thể hiện ở ý muốn cuối cùng.)

4. Câu chuyện đã được kết thúc như thế nào ? Ý nghĩa của cách kết thúc đó.

5. Thảo luận ở lớp : Cá vàng trừng trị mù vợ vì tội tham lam hay tội bội bạc ? Hãy nêu ý nghĩa tượng trưng của hình tượng con cá vàng.

Ghi nhớ

Ông lão đánh cá và con cá vàng là truyện cổ tích dân gian do A.Pu-skin kể lại. Truyện sử dụng những biện pháp nghệ thuật rất tiêu biểu của truyện cổ tích như : sự lặp lại tăng tiến của các tình huống cốt truyện, sự đối lập giữa các nhân vật, sự xuất hiện của các yếu tố tưởng tượng, hoang đường. Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.

LUYỆN TẬP

1*. Có người cho rằng truyện này nên đặt tên là *Mụ vợ ông lão đánh cá và con cá vàng*. Ý kiến của em thế nào ?

2. Hãy kể diễn cảm truyện cổ tích này.

ĐỌC THÊM

Thành ngữ :

– Được voi đòi tiên.

– Ăn cháo đá bát.

Tục ngữ :

– Tham thì thâm.

– Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

THỨ TỰ KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ

1 – TÌM HIỂU THỨ TỰ KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ

1. Em hãy tóm tắt các sự việc trong truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* và cho biết các sự việc trong truyện được kể theo thứ tự nào ? Kể theo thứ tự đó tạo nên hiệu quả nghệ thuật gì ?

2. Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi

Cái tin thằng Ngỗ bị chó cắn rách cả bắp chân, được băng bó ở trạm y tế xã đến chiều nay đã truyền đi khắp xóm.

Số là trưa nay, khi xóm làng đang yên tĩnh, thì vang lên tiếng kêu thất thanh, mỗi lúc một rõ : "Chó dại ! Chó dại ! Cứu tôi với !". Nhiều người nghe, nhận ra tiếng thằng Ngỗ, nên chẳng ai chạy ra ứng cứu. Bởi dân trong xóm đã một lần mắc lừa thằng Ngỗ.

Ngỗ mồ côi cha mẹ từ sớm, hiện sống với bà ngoại, một người quanh năm ốm yếu, nhà lại nghèo. Thiếu sự rèn cặp của bố mẹ, Ngỗ đi học bữa đực bữa cái, rồi cuối cùng bỏ học luôn, suốt ngày lêu lổng. Người trong xóm không ai muốn cho con cái mình chơi với Ngỗ. Một hôm, chẳng biết buồn tình thế nào, đang giữa trưa yên ắng, Ngỗ ta vun một đồng trống vừa cỏ, vừa rạ ở đầu làng, rồi đốt lên, gió từ cánh đồng làm cho lửa cháy rùng rùng. Thằng Ngỗ vừa chạy vừa la : "Cháy ! Cháy ! Cứu với !". Nhiều người tưởng thật chạy ra, có người còn xách cả xô nước,

cầm câu liêm. Ngõ thấy đánh lừa được nhiều người, cười khảnh khách rồi bỏ chạy. Mọi người tức giận lắm. Có người nói với bà lão : "Bà phải đe cháu bà, cứ thế này rồi thì không hay đâu !". Bà ngoại đã khóc nhiều lần với cháu mà Ngõ vẫn chứng nào tật ấy. Sự việc hôm nay chỉ là hậu quả của việc làm trước đây của Ngõ mà thôi. Người trong xóm còn lo, chuyện chó đại cắn đầu chỉ bằng bó mà xong, còn phải tiêm nhiều mũi vắc-xin mới yên được. Liệu thằng bé có rút được bài học này không ?

(Phóng tác theo truyện cổ)

Câu hỏi :

Thứ tự thực tế của các sự việc trong bài văn đã diễn ra như thế nào ? Bài văn đã kể lại theo thứ tự nào ? Kể theo thứ tự này có tác dụng nhấn mạnh đến điều gì ?

Ghi nhớ

- *Khi kể chuyện, có thể kể các sự việc liên tiếp nhau theo thứ tự tự nhiên, việc gì xảy ra trước kể trước, việc gì xảy ra sau kể sau, cho đến hết.*
- *Nhưng để gây bất ngờ, gây chú ý, hoặc để thể hiện tình cảm nhân vật, người ta có thể đem kết quả hoặc sự việc hiện tại kể ra trước, sau đó mới dùng cách kể bổ sung hoặc để nhân vật nhớ lại mà kể tiếp các việc đã xảy ra trước đó.*

II – LUYỆN TẬP

1. Đọc câu chuyện sau đây và trả lời câu hỏi :

Tôi và Liên là bạn thân cùng lớp, nhưng hồi Liên mới từ quê đến khu tập thể ở với bố bên cạnh nhà tôi, thì không hiểu sao tôi lại rất ghét Liên. Có thể là vì Liên mới ở quê ra mà biết ăn mặc lịch sự, lại hay giặt giũ phơi phóng, ra điếu ta đây chăm chỉ, ngoan ngoãn, làm cho tôi như bị kém cạnh !

Tôi nhớ như in lần va chạm đầu tiên với Liên. Lần ấy, ngày đầu tiên nắng to sau một tuần mưa dầm dề, mọi người ai cũng giặt giũ, phơi phóng đầy cả sân. Khi tôi giặt xong quần áo đem phơi, thì sợi dây phơi áo nhà tôi đã phơi đầy áo quần của Liên. Tôi bực mình lừa một cách thô bạo áo quần của Liên vào một đầu, rồi phơi áo quần của mình vào phần dây còn lại, xong việc tôi đi vào nhà. Liên nhìn

thấy nhưng không nói gì. Cô đi tìm sợi dây khác buộc làm dây phơi rồi phơi áo quần của mình lên đó.

Hôm ấy tôi cùng mẹ đi phố, nhân thế ghé thăm bà ngoại, đến chiều mới về. Không ngờ đến chiều thì trời đổ mưa to. Nhìn trời mưa tôi nghĩ, chắc áo quần của mình phơi đã ướt sạch rồi. Nhưng khi về nhà thì áo quần đã được ai thu dọn. Tôi đang đưa mắt nhìn quanh, thì Liên sang báo, khi trời sắp mưa, cô đã kịp rút hộ vào và đem trả lại cho tôi. Nhìn xấp quần áo khô đã gấp gọn gàng, tôi thực sự ngạc nhiên và cảm động. Tôi cảm thấy mặt mình nóng bừng lên. Thì ra tôi đã nghĩ xấu cho Liên.

Từ đó tôi và Liên trở thành đôi bạn thân trong khu tập thể, vui buồn có nhau...

(Tự thuật của một học sinh)

Câu hỏi :

Câu chuyện được kể theo thứ tự nào ? Chuyện kể theo ngôi nào ? Yếu tố hồi tưởng đóng vai trò như thế nào trong câu chuyện ?

2. Cho đề văn : "Kể câu chuyện lần đầu em được đi chơi xa".

Em hãy tìm hiểu đề và lập dàn bài.

Gợi ý :

- Lần đầu em được đi chơi xa trong trường hợp nào ? Ai đưa em đi ?
- Nơi xa ấy là đâu ? Về quê, ra thành phố, hay đi tham quan nơi nào ? v.v...
- Em đã trông thấy gì trong chuyến đi ấy ? Điều gì làm em thích thú và nhớ mãi ?
- Em ước ao những chuyến đi như thế nào ?

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2 – VĂN KỂ CHUYỆN (làm tại lớp)

Đề 1 : Kể về một việc tốt mà em đã làm.

Đề 2 : Kể về một lần em mắc lỗi (bỏ học, nói dối, không làm bài, ...).

Đề 3 : Kể về một thầy giáo hay một cô giáo mà em quý mến.

Đề 4 : Kể về một kỉ niệm hồi ấu thơ làm em nhớ mãi.

Đề 5 : Kể về một tấm gương tốt trong học tập hay trong việc giúp đỡ bạn bè mà em biết.

BÀI 10

Kết quả cần đạt

- Bước đầu nắm được định nghĩa **truyện ngụ ngôn**. Hiểu được nội dung, ý nghĩa và một số nét nghệ thuật đặc sắc của các truyện ngụ ngôn trong bài học. Biết liên hệ các truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế thích hợp.
- củng cố và nâng cao một bước kiến thức về **danh từ đã học ở bậc Tiểu học**.
- Biết cách **kể miệng** về một sự việc của bản thân.

VĂN BẢN

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

(Truyện ngụ ngôn^(★))

Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể⁽¹⁾.

Một năm nọ, trời mưa to làm nước trong giếng dâng lên⁽²⁾, tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhâng nháo⁽³⁾ đưa cặp mắt nhìn lên bầu trời, chẳng thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

(Theo Minh Hạnh và Phan Hồng Sơn)

Chú thích

(★) **Truyện ngụ ngôn** : loại truyện kể, bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.

(1) **Chúa tể** (chủ tể) : kẻ có quyền lực cao nhất, chi phối những kẻ khác.

(2) *Dênh lên* : (nước) dâng cao.

(3) *Nháng nháo* : ngông nghênh, không coi ai ra gì.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Vì sao ếch tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể ?

2. Do đâu ếch bị con trâu đi qua giẫm bẹp ?

3. Truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* nhằm nêu lên bài học gì ? Ý nghĩa của bài học ?

Ghi nhớ

- Định nghĩa *truyện ngụ ngôn* (như chú thích (★) trang 100).
- Từ câu chuyện về cách nhìn thế giới bên ngoài chỉ qua miệng giếng nhỏ hẹp của chú ếch, truyện *Ếch ngồi đáy giếng* ngụ ý phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, khuyên nhủ người ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan, kiêu ngạo.
- Thành ngữ : "Ếch ngồi đáy giếng".

LUYỆN TẬP

1. Hãy tìm và gạch chân hai câu văn trong văn bản mà em cho là quan trọng nhất trong việc thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện.

2*. Thử nêu một số hiện tượng trong cuộc sống ứng với thành ngữ "Ếch ngồi đáy giếng".

VĂN BẢN

THẦY BÓI XEM VOI (Truyện ngụ ngôn)

Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói⁽¹⁾ ngồi chuyện gẫu⁽²⁾ với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi

đứng lại để cùng xem. Thấy thì sờ vòi, thấy thì sờ ngà, thấy thì sờ tai, thấy thì sờ chân, thấy thì sờ đuôi.

Đoạn năm thầy ngồi bàn tán với nhau.

Thầy sờ vòi bảo :

– Tưởng con voi như thế nào, hoá ra nó sun sun⁽³⁾ như con đĩa.

Thầy sờ ngà bảo :

– Không phải, nó chần chần⁽⁴⁾ như cái đòn càn⁽⁵⁾.

Thầy sờ tai bảo :

– Đâu có ! Nó bè bè⁽⁶⁾ như cái quạt thóc⁽⁷⁾.

Thầy sờ chân cãi :

– Ai bảo ! Nó sừng sững như cái cột đình.

Thầy sờ đuôi lại nói :

– Các thầy nói không đúng cả. Chính nó tun tun⁽⁸⁾ như cái chổi sể⁽⁹⁾ cùn.

Năm thầy, thầy nào cũng cho là mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.

(Theo Trương Chính)



Chú thích

- (1) *Thầy bói* : người làm nghề chuyên đoán những việc lành, dữ cho người ta (theo mê tín). Thầy bói thường là người mù.
- (2) *Chuyện gẫu* : nói chuyện linh tinh cho qua thời gian.
- (3) *Sun sun* : co lại, chun lại thành các nếp.
- (4) *Chần chần* : tròn lẳn.
- (5) *Đòn càn* : đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rạ, ... mà gánh.
- (6) *Bè bè* : to ngang quá mức bình thường, làm mất cân đối, trông khó coi.
- (7) *Quạt thóc* : loại quạt lớn bằng tre phát vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.
- (8) *Tun tun* : rất ngắn.
- (9) *Chổi sể* : chổi quét sân, thường làm bằng nhánh cây thanh hao.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hãy nêu cách các thầy bói xem voi và phán về voi. Thái độ của các thầy bói khi phán như thế nào ?
2. Năm thầy bói đều đã được sờ voi thật và mỗi thầy cũng đã nói được một bộ phận của voi, nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào ?
3. Truyền ngữ ngôn *Thầy bói xem voi* cho ta bài học gì ?

Ghi nhớ

- Từ câu chuyện chế giễu cách xem và phán về voi của năm ông thầy bói, truyện *Thầy bói xem voi* khuyên người ta : muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện.
- Thành ngữ : "Thầy bói xem voi".

LUYỆN TẬP

Kể một số ví dụ của em hoặc của các bạn về những trường hợp mà em hoặc các bạn đã nhận định, đánh giá sự vật hay con người một cách sai lầm theo kiểu "Thầy bói xem voi" và hậu quả của những đánh giá sai lầm này.

ĐEO NHẠC CHO MÈO⁽¹⁾

(Truyện ngụ ngôn)

(Tự học có hướng dẫn)

Tự bao giờ đến giờ, mèo cứ xơi chuột mãi, nên chuột mới đẻ ra là đã sợ mèo rồi.

Nhưng, con giun xéo lắm cũng quăn⁽²⁾, chuột ta lấy thế làm giận. Một hôm, mới hội⁽³⁾ cả nhau lại làm một làng chuột để chống lại mèo. Thôi thì đủ mặt : nào anh Chù, mùi hôi đến nỗi thành câu ca^(a) ; nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nên câu ví^(b) ; nào lại ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chấm cho ở trên ông Đố^(c),...

Khi làng dài răng^(d) đã tề tựu⁽⁴⁾ đông đủ cả rồi, ông Cống mới lên giọng⁽⁵⁾ rằng :

– Cái giống quái kia sở dĩ nó chụp được anh em mình chỉ vì trời phú cho nó cái tài rình mò và khéo bắt lén mà thôi. Bây giờ, bà con ta nên mua một cái nhạc⁽⁶⁾ buộc vào cổ nó, để khi nào nó đến, nghe tiếng nhạc, ta biết đường chạy trước, thì nó còn làm gì nổi ta nữa.

(a) Hôi như chuột chù.

(b) Nhí nhắt như chuột nhắt (nhí nhắt hoặc nhí nhách : ăn luôn miệng).

(c) Ông Cống ... ông Đố : Tương truyền những năm có khoa thi, chuột thường hay vào lục lọi những quyển thi, gặm nát cả. Quan trường sợ bị tội, nên phải kiêng tên nó, không dám gọi, mà lại còn phong cho nó danh hiệu đồ ngoại ngạch (ý nói đồ ngoài sổ), tâng nó lên bậc ông Cống (cử nhân), trên cả ông Đố (những người học chữ nho để thi cử).

(d) Làng dài răng : Ta xưa đã biết rằng răng chuột cứ mỗi ngày một dài, nên khi trẻ đã thay răng, thường vẫn có câu: "Chuột chuột chí chí, răng cũ trả mày, răng mới trả tao".

Những chú thích đánh dấu (a), (b), (c), (d) ở bài này là của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc.

Cả làng chuột nghe nói, dẫu mồm, quật đuôi, đều lấy làm phục cái câu chí lí⁽⁷⁾ của ông Cống và đồng thanh ưng thuận.

Khi nhạc đã kiếm được rồi, hội đồng chuột lại họp. Con nào con nấy lao xao hơn hờ, bảo nhau đã sắp tới ngày thoát được cái ách ông Miu ranh mãnh rồi.

Nhưng kịp lúc hội đồng hỏi ai dám đem nhạc đeo vào cổ mèo, thì thấy cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả.

Không biết cử ai vào việc đại sự ấy, bất đắc dĩ⁽⁸⁾ làng cắt ông Cống phải đi, vì chính ông Cống đã xướng lên⁽⁹⁾ cái thuyết đeo nhạc vậy.

Ấy mới khốn ! Nhưng Cống ta trong lòng tuy nao⁽¹⁰⁾, mà ngoài mặt làm ra bộ bệ vệ kẻ cả, nói rằng :

– Tôi đây, chẳng gì nhờ tổ ấm⁽¹¹⁾ cũng được vào bậc ông Cống, ông Nghè, ăn trên ngồi trước trong làng, có đâu làng lại cắt tôi đi làm cái việc tầm thường ấy được ! Trong làng ta nào có thiếu chi người ! Tôi xin cử anh Nhất, anh ấy nhanh nhẩu chắc làm được việc.

Ấy mới hay ! Nhưng Nhất ta trở mặt láu, cãi lí rằng :

– Làng cắt⁽¹²⁾ tôi đi, tôi cũng xin vâng, không dám chối từ. Nhưng tôi, dù bé vậy, mà cũng còn ở chiếu trên, chưa đến nỗi nào. Ông Cống không đi, phải ; tôi đây không đi, cũng phải. Để xin cắt anh Chù, anh ấy tuy chậm, nhưng chắc chắn, làng không lo hỏng việc.

Ấy mới không có gì lạ ! Chù ta thật thà, không biết cãi sao, ụt ịt nói rằng :

– Tôi là đây tớ làng, làng sai tôi đi là phải lắm. Nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi đến gần mèo mà mèo thịt tôi đi, thì rồi lấy ai thay tôi mà buộc nhạc được nữa.

Chuột Cống nhanh miệng bảo :

– Mèo nó có vờn⁽¹³⁾ là vờn chúng tao, vờn cái anh Nhất kia, chớ chú mày hơi hám như thế, thì nó bắt mà thềm vào. Thôi cứ nhận đi ngay đi, không được nói lời thôi gì nữa.

Chuột Chù ì ạch phải nhận⁽¹⁴⁾, vác nhạc ra đi tìm mèo thật. Khốn chưa trông thấy mèo, mới nghe thấy tiếng, Chù đã sợ run cả mình, không dám tiến. Nhưng sợ lệ làng, sau đánh bạo, phải lại gần, thì thấy mèo quả nhiên không thềm vờn đến thật⁽¹⁵⁾. Song mèo cũng nhe nanh giương vuốt, làm cho Chù cầm đầu, vác



cái thân ì ạch chạy khốn chạy khổ về báo cho làng hay. Cả làng nghe báo cũng sợ, bỏ chạy tán loạn, chẳng ai hỏi đến cái nhạc, nó bon đi đâu, và bon tự bao giờ không biết.

Thành ra từ đó, chuột vốn sợ mèo, vẫn hoàn sợ mèo mãi.

(Theo Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc)

Chú thích

(1) Truyện này gốc là của Ê-dốp (người Hi Lạp, thế kỉ VII – thế kỉ VI tr. CN). Tác giả Nguyễn Văn Ngọc dựa vào đây phóng tác, mở rộng thêm ngụ ý của truyện.

(2) *Con giun xéo lắm cũng quằn* (tục ngữ) : ý nói những người dù sức yếu phận hèn, nếu bị đè nén quá mức, cũng sẽ có lúc vùng dậy chống trả.

(3) *Hội* : ở đây là họp.

(4) *Tề tựu* : cùng đến, đến đông đủ.

- (5) *Lên giọng* : nói giọng bẻ trên (hàm ý xấu).
- (6) *Nhạc* : (lục lạc) chuông con, khi rung phát ra tiếng.
- (7) *Chí lí* : hết sức có lí, hết sức đúng (*chí* : rất, hết sức).
- (8) *Bát đắc dĩ* : không còn cách nào khác, đành phải thế.
- (9) *Xướng lên* : nêu ra, đề ra ý kiến.
- (10) *Nao* : ở đây là lo sợ.
- (11) *Tổ ấm* : ân huệ mà con cháu được hưởng nhờ công đức quyền thế của tổ tiên.
- (12) *Cất* : ở đây là cử, phân công đi làm một việc gì đó.
- (13) *Vờn* : đùa giỡn bằng những động tác lúc thì ép vào, chụp lấy, xoay đi xoay lại, lúc thì buông ra.
- (14) *Ỉ ạch phải nhận* : nhận một cách khó khăn, nặng nề.
- (15) Trên thực tế đúng là mèo không bắt chuột chù.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hãy tóm tắt truyện, dựa vào mấy ý sau :

- Lí do cuộc họp làng chuột ;
- Cảnh họp làng chuột lúc đầu và sáng kiến "đeo nhạc cho mèo";
- Cảnh họp làng chuột lúc cử người "đeo nhạc cho mèo";
- Kết quả việc cử người và thực hiện sáng kiến.

2. Cảnh họp làng chuột lúc đầu và lúc cử người "đeo nhạc cho mèo" rất đối lập nhau. Hãy chỉ ra và nêu ý nghĩa của những chi tiết đối lập ấy.

3*. Em có nhận xét gì về việc tả các loại chuột trong truyện ? Phải chăng mỗi loại chuột ám chỉ một loại người nào đó trong xã hội cũ ?

4*. Trong cuộc họp của làng chuột, ai có quyền xướng việc và sai khiến ? Ai phải nghe theo và nhận những việc khó khăn, nguy hiểm ?

5. Mục đích chính của truyện ngụ ngôn là khuyên nhủ, răn dạy con người ta bài học nào đó trong cuộc sống. Truyện *Đeo nhạc cho mèo* đưa ra bài học gì ?

Ghi nhớ

- Truyện **Đeo nhạc cho mèo** miêu tả sinh động, sâu sắc làng chuột và từng loại chuột (thông qua cuộc họp của hội đồng chuột và tên gọi, bộ dạng, hành động, ngôn ngữ, tính cách của nhân vật). Truyện khuyên nhủ người ta luôn phải cân nhắc đến điều kiện và khả năng thực hiện khi dự định làm một công việc nào đó. Truyện còn phê phán những ý tưởng viển vông, những kẻ ham sống sợ chết, chỉ bàn mà không dám hành động, trút công việc khó khăn nguy hiểm cho những người dưới quyền.
- Thành ngữ: "Đeo nhạc cho mèo" ("Đeo chuông cho mèo", "Treo chuông cổ mèo").

LUYỆN TẬP

Phân tích, đánh giá tính cách chuột Cống.

DANH TỪ (tiếp theo)

I – DANH TỪ CHUNG VÀ DANH TỪ RIÊNG

1. Dựa vào những kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy điền các danh từ ở câu sau vào bảng phân loại :

Vua nhớ công ơn tráng sĩ, phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở làng Gióng, nay thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(Theo Thánh Gióng)

BẢNG PHÂN LOẠI

Danh từ chung	<i>vua, ...</i>
Danh từ riêng	<i>Hà Nội, ...</i>

2. Nhận xét về cách viết các danh từ riêng trong câu trên.

3. Nhắc lại các quy tắc viết hoa đã học, cho ví dụ minh họa. Cụ thể :

- Quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam ;
- Quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài ;
- Quy tắc viết hoa tên các cơ quan, tổ chức, các danh hiệu, giải thưởng, huân chương, ...

Ghi nhớ

• **Danh từ chỉ sự vật** gồm danh từ chung và danh từ riêng. *Danh từ chung là tên gọi một loại sự vật. Danh từ riêng là tên riêng của từng người, từng vật, từng địa phương, ...*

• *Khi viết danh từ riêng, ta phải viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó. Cụ thể :*

– *Đối với tên người, tên địa lí Việt Nam và tên người, tên địa lí nước ngoài phiên âm qua âm Hán Việt : viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi tiếng.*

– *Đối với tên người, tên địa lí nước ngoài phiên âm trực tiếp (không qua âm Hán Việt) : viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó ; nếu một bộ phận gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng cần có gạch nối.*

• *Tên riêng của các cơ quan, tổ chức, các giải thưởng, danh hiệu, huân chương, ... thường là một cụm từ. Chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành cụm từ này đều được viết hoa.*

II – LUYỆN TẬP

1. Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong câu sau :

Ngày xưa, / ở / miền / đất / Lạc Việt, / cứ / như / bây giờ / là / Bắc Bộ / nước / ta, / có / một / vị / thần / thuộc / nòi / rồng, / con trai / thần / Long Nữ, / tên / là / Lạc Long Quân.

(Con Rồng cháu Tiên)

2. Các từ được in đậm dưới đây có phải là danh từ riêng không? Vì sao?

a) Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của **Hoạ Mi** đã làm cho tất cả bừng tỉnh giấc.

(Võ Quảng)

b) Nàng Út bẽn lẽn dâng lên vua mâm bánh nhỏ.

(Nàng Út làm bánh ót)

c) [...] Khi ngựa thét ra lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng đó về sau gọi là làng Cháy.

(Thánh Gióng)

3. Có bạn chép đoạn thơ sau đây của nhà thơ Tố Hữu mà quên viết hoa một số danh từ riêng. Em hãy viết lại các danh từ riêng ấy cho đúng.

Ai đi Nam Bộ

Tiền giang, hậu giang

Ai vô thành phố

Hồ Chí Minh

rực rỡ tên vàng.

Ai về thăm bưng biển đồng tháp

Việt Bắc miền Nam, mồ ma giặc pháp

Nơi chôn rau cắt rốn của ta !

Ai đi Nam – Ngãi, Bình – Phú, khánh hoà

Ai vô phan rang, phan thiết

Ai lên tây nguyên, công tum, đắc lắc

Khu Năm dăng đặc khúc ruột miền trung

Ai về với quê hương ta tha thiết

Sông hương, bến hải, cửa Tùng...

Ai vô đó với đồng bào, đồng chí

Nói với Nửa – Việt nam yêu quý

Rằng : nước ta là của chúng ta

Nước việt nam dân chủ cộng hoà !

4. Chính tả (nghe – viết) : Éch ngồi đáy giếng (cả bài).

ĐỌC THÊM

NHỮNG ĐIỀU LÍ THÚ VỀ TÊN NGƯỜI

Các dân tộc trên thế giới, thậm chí các vùng trong một nước có những tục lệ rất khác nhau trong việc đặt và sử dụng tên người.

Ở nhiều dân tộc, tên người gồm họ và tên. Ngoài họ, tên, một số dân tộc còn thêm tên đệm (người Việt), phụ danh (người Nga). Ví dụ : đọc tên một người Nga là Vích-to Xéc-ghe-ê-vích Rô-ma-nốp, ta biết anh ấy tên là Vích-to, bố là Xéc-gây, thuộc dòng họ Rô-ma-nốp.

Ngược lại, người một số dân tộc khác chỉ có tên, không có họ. Người Hà Nhi ở Lai Châu, Nghĩa Lộ lấy tên cha làm họ cho con. Ở một số vùng thuộc tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội), người ta lấy tên đệm của cha làm họ cho con gái. Ví dụ : cha là Đỗ Minh Vương, con gái là Minh Thị Phúc, còn con trai vẫn mang họ bố. Người một số nước Hồi giáo ghép cả tên cha, tên ông nội bên cạnh tên riêng thành một cái tên đầy đủ. Ví dụ : tên anh A-li có thể được ghép thêm tên cha là Nát-xe, tên ông nội là Mô-ha-mét thành A-li Nát-xe Mô-ha-mét.

Thời xưa, phụ nữ ở nhiều nước không có tên riêng. Ở một bộ lạc da đỏ châu Mĩ, những người chưa trả được nợ không được gọi bằng tên riêng và không được coi là một thành viên bình đẳng trong bộ lạc.

(Tổng hợp từ báo chí trong nước và nước ngoài)

LUYỆN NÓI KỂ CHUYỆN

I – CHUẨN BỊ

Lập dàn bài kể miệng trên lớp theo một trong các đề bài sau và kể theo dàn bài :

1. Kể về một chuyến về quê.
2. Kể về một cuộc thăm hỏi gia đình liệt sĩ neo đơn.
3. Kể về một cuộc đi thăm di tích lịch sử.
4. Kể về một chuyến ra thành phố.

Dàn bài tham khảo

"Kể về một chuyến về quê."

– *Mở bài* : Lí do về thăm quê, về quê với ai.

– *Thân bài* :

- + Lòng xôn xao khi được về quê ;
- + Quang cảnh chung của quê hương ;

- + Gặp họ hàng ruột thịt ;
- + Thăm phần mộ tổ tiên, gặp bạn bè cùng lứa ;
- + Dưới mái nhà người thân.

– *Kết bài* : Chia tay – cảm xúc về quê hương.

Bài tham khảo

Em quê ở nông thôn nhưng lại sinh ra và lớn lên ở thành phố. Mười mấy tuổi đầu mà chưa một lần về quê. Nhiều lần chúng em đòi về quê, bố mẹ em đều bảo chờ dịp, vì đường xa lắm. Rồi một ngày ở quê làm giỗ Tổ, thế là cả nhà em có dịp về quê.

Nói đến quê, lòng em rất háo hức. Người ta hát "Quê hương là chùm khế ngọt", "Quê hương là con đò nhỏ". Còn em, em hình dung quê hương là những bà con thính thoảng ghé thăm cho em nào nếp, nào lạc.

Nhà em ở cách quê rất xa. Thoạt đầu cả nhà đi xe lửa, sau một đêm ngủ trên tàu thì đi xe lam, qua đò và cuối cùng đi bộ. Mẹ em bảo, về nhà chú chỉ còn khoảng một cây số thôi, đi bộ mà xem cho biết. Xung quanh làng đồng lúa trái rộ tít tắp. Nhìn về làng, rặng tre xanh um bao bọc tất cả. Qua cánh đồng đến những nương nước, máy bơm đang xả nước rào rào. Vượt qua cổng làng là những ngôi nhà ngói, có cổng và vườn bao bọc. Có những người quen đứng ở cổng cất tiếng chào bố mẹ em.

Quá giữa làng là đến nhà chú em. Bà con nhiều nơi đã về, tay bắt mặt mừng, hỏi thăm rồi rít. Chú thím hỏi bố mẹ em : "Cháu Lâm đã lớn bằng ngần này a ? Cái Lan nữa, sắp thành cô gái rồi". Bố em hỏi chuyện cúng giỗ đã chuẩn bị đến đâu, còn mẹ em đem các thứ đã chuẩn bị đưa cho thím. Mẹ em cũng đem quà cho các em con chú thím. Lũ trẻ con hàng xóm cũng đến. Mẹ em đem kẹo phân phát cho chúng.

Sáng hôm sau, bố đưa chúng em đi thăm mộ các cụ, thắp hương, rồi về thăm nhà thờ họ. Chúng em ra xem sông, xem cây cổ thụ, trưa trở về thì cả họ đang cúng ở nhà thờ. Chúng em cũng vào lạy. Trưa hôm ấy, trong bữa cỗ đông đúc, mọi người nói chuyện vui vẻ, ồn ào. Chiều hôm ấy, em và lũ trẻ mới quen rủ nhau đi chơi như những người đã quen từ lâu.

Tối hôm ấy, chúng em ăn cơm và nhìn ngắm nhà chú em. Bố em bảo : "Đây là nhà ông cố để lại cho ông, ông để lại cho bố và chú. Bố con mình ra thành phố

để lại nhà cho chú". Nhà tuy lợp ngói nhưng đã cũ, đồ đạc cũng cũ. Chỉ có cái tủ li và ti vi là mới bởi làng mới có điện và nhà chú cũng khá giả. Chú hỏi thăm em học tập thế nào, hẹn đem mấy em con chú ra thành phố chơi. Cuối cùng chú thím lại đem quà quê, nếp và lạc, gói mỗi thứ một ít cho mẹ em cầm về. Mẹ em từ chối thế nào cũng không được.

Cả nhà lên đường từ sáng sớm cho kịp tàu. Chú thím cũng ra tiễn một đoạn xa, tận cổng làng.

Thế là em hiểu được làng quê. Đó là nơi mỗ mả tổ tiên nhiều đời, là nơi thờ cúng dòng họ. Nơi những người cùng dòng máu dù xa xôi đều nhận ra nhau và có tình thân với nhau. Em thích rừng tre râm mát, thích lũ trẻ con dễ gần, thích không khí vắng lặng. Em mong làng quê giàu có hơn, đời sống khấm khá hơn và cầu chúc đời sống gia đình chú em ngày càng thịnh vượng hơn nữa.

(Bài làm của học sinh)

II – LUYỆN NÓI TRÊN LỚP

1. Chia tổ luyện nói theo dàn bài.

2. Chọn một số học sinh nói trước lớp.

Học sinh khi nói chú ý :

- Nói to, rõ, tự tin, nhìn thẳng vào người nghe ;
- Chú ý diễn cảm. Không nói như đọc thuộc lòng.

BÀI 11

Kết quả cần đạt

- ***Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng ; biết ứng dụng nội dung truyện vào thực tế đời sống.***
- ***Hiểu cụm danh từ là gì và nắm được cấu tạo của cụm danh từ.***
- ***Nắm được yêu cầu của các bước trong việc xây dựng bài văn kể chuyện đời thường.***

VĂN BẢN

CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG

(Truyện ngụ ngôn)

Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. Bỗng một hôm, cô Mắt đến than thở với cậu Chân, cậu Tay rằng :

– Bác Tai, hai anh và tôi làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão Miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không. Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không.

Cậu Chân, cậu Tay cũng nói :

– Phải đấy ! Chúng ta phải đi nói cho lão Miệng biết để lão tự lo lấy. Chúng ta vất vả nhiều rồi. Nay đã đến lúc lão phải tự mình tìm lấy thức ăn, xem lão có làm nổi không.

Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cùng kéo đến nhà lão Miệng. Đi qua nhà bác Tai, họ thấy bác ta đang ngồi im lặng như nghe ngóng điều gì. Cả ba cùng chạy vào nói :

– Bác Tai ơi, bác có đi với chúng cháu đến nhà lão Miệng không ? Chúng cháu đến nói cho lão biết từ nay chúng cháu không làm cho lão ăn nữa. Chúng cháu cũng như bác, lâu nay vất vả nhiều rồi, nay phải nghỉ ngơi mới được.

Bác Tai gật đầu lia lịa :

– Phải, phải ... Bác sẽ đi với các cháu !

Bốn người hăm hở⁽¹⁾ đến nhà lão Miệng. Đến nơi họ không chào hỏi gì cả, cậu Chân, cậu Tay nói thẳng⁽²⁾ với lão :

– Chúng tôi hôm nay đến không phải để thăm hỏi, trò chuyện gì với ông, mà để nói cho ông biết : Từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay, chúng tôi đã cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi.

Lão Miệng nghe nói, rất lấy làm ngạc nhiên. Lão nói :

– Có chuyện gì muốn bàn với nhau thì hãy vào nhà đã, làm gì mà nóng thế ?

Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay đều lắc đầu mà rằng :

– Không, không phải bàn bạc gì nữa, từ nay trở đi, ông phải lo lấy mà sống. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ không làm gì cả. Xưa nay, chúng tôi có biết cái gì ngọt bùi ngon lành mà làm cho cực !

Nói rồi, cả bọn kéo nhau về.

Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày, cả bọn thấy mệt mỏi, rã rời. Cậu Chân, cậu Tay không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy, vui đùa như trước nữa ; cô Mắt thì ngày cũng như đêm lúc nào cũng lơ đãng⁽³⁾, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ không được. Bác Tai trước kia hay đi nghe hò nghe hát, nghe tiếng gì cũng rõ, nay bỗng thấy lúc nào cũng ù ù như xay lúa ở trong. Cả bọn lừ đừ⁽⁴⁾ mệt mỏi như thế, cho đến ngày thứ bảy thì không thể chịu được nữa, đành họp nhau lại để bàn. Bác Tai nói với cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay :

– Chúng ta lầm rồi các cháu ạ. Chúng ta nếu không làm cho lão Miệng có cái ăn thì chúng ta sẽ bị tẻ liệt⁽⁵⁾ cả. Lão Miệng không đi làm, nhưng lão có công việc là nhai. Như vậy cũng là làm việc chứ không phải là ăn không ngồi rồi⁽⁶⁾. Trước kia sống với nhau thân thiết như thế, nay tự dưng chúng ta gây nên chuyện. Lão Miệng có ăn thì chúng ta mới khoẻ khoắn được. Chúng ta nên đến nói lại với lão, các cháu có đi không ?

Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cố gượng dậy đi theo bác Tai đến nhà lão Miệng. Đến nơi, họ thấy lão Miệng cũng nhợt nhạt cả hai môi, hai hàm thì khô như rang, không buồn nhếch mép. Bác Tai, cô Mắt vực lão Miệng dậy. Còn cậu Chân, cậu Tay thì đi tìm thức ăn. Lão Miệng ăn xong, dần dần tỉnh lại. Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay tự nhiên thấy đỡ mệt nhọc, rồi thấy trong mình khoan khoái⁽⁷⁾ như trước. Từ đó lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị⁽⁸⁾ ai cả.

(Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*)

Chú thích

- (1) *Hăm hở* : dáng bộ háng hái, muốn thực hiện nhanh ý định.
- (2) *Nói thẳng* : nói trực tiếp, không giấu giếm những điều muốn nói.
- (3) *Lơ đãng* : chậm chạp, thiếu tinh nhanh.

- (4) *Lừ đừ* : chậm chạp, mệt mỏi.
- (5) *Tê liệt* : mất cảm giác và khả năng cử động.
- (6) *Ăn không ngồi rồi* : chỉ ăn, không làm, sống hưởng thụ mà không lao động.
- (7) *Khoan khoái* : có cảm giác dễ chịu, thoải mái.
- (8) *Tị* : so tính, không bằng lòng trước những gì người khác được hưởng.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Vì sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai so bì với lão Miệng ?
2. Truyện mượn các bộ phận của cơ thể người để nói chuyện con người. Có thể ví cơ thể người như một tổ chức, một cộng đồng, v.v... mà Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng là những cá nhân trong tổ chức, cộng đồng đó. Từ mối quan hệ này, truyện nhằm khuyên nhủ, răn dạy con người điều gì ?

Ghi nhớ

*Từ câu chuyện của **Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng**, truyện nêu ra bài học : Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại ; do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.*

LUYỆN TẬP

Hãy nhắc lại định nghĩa truyện ngụ ngôn và tên gọi những truyện ngụ ngôn đã học.

CỤM DANH TỪ

I – CỤM DANH TỪ LÀ GÌ ?

1. Các từ ngữ được in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào?

Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão đánh cá ở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển.

(Ông lão đánh cá và con cá vàng)

2. So sánh các cách nói sau đây rồi rút ra nhận xét về nghĩa của cụm danh từ so với nghĩa của một danh từ :

- *túp lều / một túp lều ;*
- *một túp lều / một túp lều nát ;*
- *một túp lều nát / một túp lều nát trên bờ biển.*

3. Tìm một cụm danh từ. Đặt câu với cụm danh từ ấy rồi rút ra nhận xét về hoạt động trong câu của cụm danh từ so với một danh từ.

Ghi nhớ

- **Cụm danh từ** là loại tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.
- **Cụm danh từ** có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình danh từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một danh từ.

II – CẤU TẠO CỦA CỤM DANH TỪ

1. Tìm các cụm danh từ trong câu sau :

Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.

(Em bé thông minh)

2. Liệt kê những từ ngữ phụ thuộc đứng trước và đứng sau danh từ trong các cụm danh từ trên. Sắp xếp chúng thành loại.

3. Điền các cụm danh từ đã tìm được vào mô hình cụm danh từ :

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t 2	t 1	T 1	T 2	s 1	s 2

Ghi nhớ

- **Mô hình cụm danh từ :**

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t 2	t 1	T 1	T 2	s 1	s 2
tất cả	những	em	học sinh	chăm ngoan	ấy

- **Trong cụm danh từ :**
 - Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho danh từ các ý nghĩa về số và lượng.
 - Các phụ ngữ ở phần sau nêu lên đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian hay thời gian.

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm các cụm danh từ trong những câu sau :

a) *Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.*

(Theo Sơn Tinh, Thủy Tinh)

b) [...] *Gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại.*

(Thạch Sanh)

c) *Đại bàng nguyên là một con yêu tinh ở trên núi, có nhiều phép lạ.*

(Thạch Sanh)

2. Chép các cụm danh từ nói trên vào mô hình cụm danh từ.

3. Tìm phụ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong phần trích sau :

Khi kéo lưới lên, thấy nặng nặng, Lê Thận chắc mẩm được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt. Chàng vút luôn thanh sắt ... xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay, Thận không ngờ thanh sắt ... lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném nó xuống sông. Lần thứ ba, vẫn thanh sắt ... mắc vào lưới.

(Theo Sự tích Hồ Gươm)

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Hãy đối chiếu bài viết của em theo các yêu cầu sau :

1. Việc xảy ra đã được kể đủ rõ chưa ? (Ai làm, việc gì, thời gian, địa điểm, nguyên nhân, diễn biến, kết quả.)
2. Bài tập làm văn của em có đủ các phần *Mở bài*, *Thân bài* và *Kết bài* chưa ?
3. Trong bài em đã sử dụng ngôi kể nào và kể theo thứ tự nào ?
4. Em kể chuyện này nhằm đạt mục đích gì ? Bài văn đã đạt mục đích chưa ?
5. Hãy sửa lại các lỗi chính tả, các từ dùng sai.

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG BÀI TỰ SỰ – KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG

1. Cho các đề bài tự sự sau :

- a) Kể về một kỉ niệm đáng nhớ (được khen, bị chê, gặp may, gặp rủi, bị hiểu lầm, ...).
- b) Kể một chuyện vui sinh hoạt (như nhận lầm, nhát gan, ...).
- c) Kể về người bạn mới quen (do cùng hoạt động văn nghệ, thể thao mà quen, tính tình của bạn, ...).
- d) Kể về một cuộc gặp gỡ (đi thăm các chú bộ đội, gặp các thiếu niên vượt khó, ...).
- đ) Kể về những đổi mới ở quê em (có điện, có đường, có trường mới, cây trồng, ...).
- e) Kể về thầy giáo (cô giáo) của em (người quan tâm, lo lắng và động viên em học tập).
- g) Kể về một người thân của em (ông bà, bố mẹ, anh chị, ...).

Em hãy tìm thêm một, hai đề văn tự sự cùng loại và ghi vào vở.

2. Theo dõi quá trình thực hiện một đề tự sự sau đây :

Đề bài : "Kể chuyện về ông (hay bà) của em."

Tìm hiểu đề

Đề yêu cầu kể chuyện đời thường, người thật, việc thật. Yêu cầu kể về ông của em thì nên kể những sự việc thể hiện được tính tình, phẩm chất của ông, biểu lộ tình cảm yêu mến, kính trọng của em.

Phương hướng làm bài

Có thể kể những điều em quan sát hoặc nghe thấy. Thoạt đầu giới thiệu chung về ông, cho người đọc biết ông em là người thế nào. Tiếp đó là kể một số việc làm, tính nết, tình cảm của ông đối với mọi người trong nhà, hay với em. Không nhất thiết phải xây dựng thành truyện có tình tiết, diễn biến bất ngờ như truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, mà chỉ kể những việc làm, chi tiết cụ thể. Điều cốt yếu là các sự việc, chi tiết phải được lựa chọn để thể hiện tập trung cho một chủ đề nào đó gây ấn tượng, như yêu hoa, thương cháu, ... Không được gập đầu kể đó, nhớ gì ghi nấy làm cho bài văn rời rạc, manh mún, tản mạn.

Dàn bài

a) Mở bài

Giới thiệu chung về ông em.

b) Thân bài

– Ý thích của ông em :

+ Ông thích trồng cây xương rồng ;

+ Cháu thắc mắc, ông giải thích.

– Ông yêu các cháu :

+ Chăm sóc việc học ;

+ Kể chuyện cho các cháu ;

+ Ông chăm lo sự bình yên cho gia đình.

c) Kết bài

Nêu tình cảm, ý nghĩ của em đối với ông.

Bài làm tham khảo

Ông em là cán bộ về hưu, tuổi cao, tóc bạc và rất hiền.

Ông rất yêu thương những cây xương rồng nhỏ, đủ loại mà ông đã xin về và trồng trong những cái chậu xinh xinh. Ông có một cái xẻng nhỏ như cái thìa ; thỉnh thoảng ông xới cây này, tĩa cây nọ, tưới nước cho cây. Lâu lâu có những chồi non bụ bẫm đầy gai nhỏ mọc lên, rồi những đoá hoa tí xíu, đỏ hồng nở từng chùm trông rất thích mắt. Những lúc thư thả, ông em ngắm nghía không biết chán các chậu cây đặt thành dãy trên bậc cửa sổ hoặc trên giá.

Cái Lan, em gái của em, thắc mắc : "Ông ơi, người ta trồng hoa hồng, hoa thược dược, hoa cúc hoặc là trồng cây thế sang trọng, còn ông thì trồng xương rồng, toàn gai là gai, chán chết !".

Ông cười, nói : "Cái đẹp thì nhiều loại lắm cháu ạ, mỗi người thích một thứ. Ông thích xương rồng bởi vì nó dễ sống và sống dai. Xương rồng là giống cây sống ở sa mạc, bất kể trong cát sỏi, dù đất cằn cỗi thế nào nó cũng sống được. Thân xương rồng có dáng đẹp nhiều vẻ, một vẻ đẹp góc cạnh, xương xẩu, rất hiện đại đó cháu ạ. Lại còn hoa nó cũng đẹp nữa".

Em hay đùa, bảo : "Cháu biết rồi, nhà này thì ông chỉ yêu lũ xương rồng đấy thôi". Ông em cười hiền từ, bảo : "Cháu sai rồi, ông yêu nhất các cháu, ông mong các cháu đẹp và khoẻ như những chồi cây bụi bẫm này, chẳng sâu rầy nào xâm hại được".

Quả thật ông em rất yêu chúng em. Ông chăm sóc cái góc học tập của chúng em. Ông treo một cái giá để sách vở và phân tầng trên cho em, còn tầng dưới cho cái Lan. Ông theo dõi sự ngăn nắp, trật tự của chúng em. Hễ để sai chỗ là ông sửa lại. Lâu dần em quen với ngăn nắp, muốn tìm vật gì thì tìm ở chỗ nào là thấy ngay.

Ông thường kể chuyện cho chúng em nghe. Ông em đọc sách rất nhiều, ông biết rất nhiều chuyện. Ông thích nhất là sách nói về thế giới động vật và thực vật. Ông sưu tầm cho chúng em nhiều sách nói về cây cối và động vật xứ nóng ở châu Phi, Nam Mỹ hoặc các giống vật ở xứ lạnh, quanh năm tuyết phủ. Nhờ có ông mà chúng em biết nhiều, chân trời như rộng mở thêm ra, đầy thơ mộng.

Ông em rất ít ngủ. Người ta nói tuổi già thường như vậy, quả không sai. Trong nhà, ông thường là người ngủ muộn nhất. Ngày ngày ông là người cuối cùng kiểm tra lại các cửa đã đóng chưa, sắp xếp lại các đồ vật để sai chỗ, rồi mới lên giường đi ngủ. Ông đang giữ gìn cuộc sống và sự bình yên cho chúng em.

Nhìn cái dáng đi lại lạng lã, nhẹ nhàng, mái tóc bạc như cước, nụ cười hiền hậu của ông, em mong ông sống lâu, sống mãi như loài cây xương rồng mà ông yêu mến.

(Bài làm của học sinh)

Hãy nhận xét :

- Bài làm có sát với đề không ?
- Các sự việc nêu lên có xoay quanh chủ đề về người ông hiền từ, yêu hoa, yêu cháu không ?

3. Lập dàn bài cho một đề văn tự sự trong số các đề nêu trên, hoặc viết một bài về người ông của em.

Bài tham khảo 1

NU CƯỜI CỦA MẸ

Vào những buổi tối mùa đông, lúc hơi lạnh thấm qua cửa sổ khiến bàn tay tôi run lên vì buốt giá, tôi lại nhớ đến những mùa đông năm nào...

... Những buổi tối mùa đông ấy, gió bắc thổi len qua những bụi tre dày gai góc rì rào như muốn tâm tình với mái nhà lợp rạ đầy lá tre khô rơi. Mái nhà ấy đã ôm ấp mẹ con tôi, vì chiến tranh mà đã rời xa một phố cổ về với chốn thôn quê này.

Trên chiếc bàn tre, bên ngọn đèn dầu, mẹ tôi nghiêng mái đầu bên chồng vở học trò. Mẹ tôi là cô giáo, suốt đời chỉ biết làm một nghề : dạy trẻ con tập đọc, tập viết và tập làm tính.

Tối tối như thế, tôi thấy mẹ tôi ngồi nắn nót viết từng chữ mẫu đầu dòng bằng mực đỏ lên từng cuốn vở học trò. Ngày ấy, chưa có những sách tập viết in những hình chấm chấm để học trò tô theo như bây giờ. Mẹ tôi thường dùng bút chì viết mẫu để sớm mai học sinh sẽ tô lên đó bằng bút mực.

Những tối mùa đông như thế, ngồi học bài bên mẹ như một con mèo nhỏ, tôi lắng nghe tiếng bút mẹ tôi đưa nhẹ trên trang giấy trắng những nét thanh, nét đậm. Đôi khi tôi thấy gợn trong lòng một chút tê tê từ trên đầu ngón tay mẹ tôi.

Thuở ấy ở làng quê, mẹ tôi dạy những đứa trẻ vốn chỉ quen mò cua bắt ốc, chăn trâu cắt cỏ. Có những thằng cu nghịch ngợm và viết xấu quá, nhiều buổi tối mẹ tôi bảo cả mấy đứa đến ngồi bên. Mẹ tôi đặt bàn tay thon thả xanh xao cầm lấy bàn tay bé nhỏ nhưng đã sớm khô ráp chai sần của những thằng cu ấy. Mẹ tôi cầm tay học trò viết từng nét cong, nét thẳng. Rồi khi buông ra để học trò tự viết lấy, tôi thấy mẹ tôi khẽ mím môi, hơi thở nhẹ hẫng đi, mái đầu như đưa theo bàn tay của các em. Đến khi xem lại những chữ học trò tròn trịa ngay ngắn, mẹ tôi khẽ gật đầu. Rồi mẹ tôi cất tiếng đọc, một giọng thanh thoát nhẹ nhàng để trẻ con bắt chước theo. Nghe học trò đọc, không thấy ngọn nứa, mẹ tôi mỉm cười triu mến lắm.

Nụ cười ấy mẹ tôi đã giữ trọn vẹn cho đến lúc bà ra đi mãi mãi.

Sau này, nhiều khi viết xong được những dòng ngay ngắn, tôi lại thấy ở trên cao xanh xa xa, mẹ tôi đang nhìn tôi khẽ gật đầu và mỉm cười triu mến vô cùng.

(Lê Phương Liên)

Bài tham khảo 2

BÀN TAY YÊU THƯƠNG

Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp 1 vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô thầm nghĩ : "Chắc rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những li kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của em học sinh tên là Đắc-gờ-lớt : bức tranh vẽ một bàn tay.

Nhưng đây là bàn tay của ai ? Cả lớp bị lôi cuốn bởi hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em đoán : "Đó là bàn tay bác nông dân". Một em khác cự lại : "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật...". Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Đắc-gờ-lớt cười ngượng nghịu : "Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ !".

Cô giáo ngẩn người. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để đất Đắc-gờ-lớt bước ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như các trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra, tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác nhưng hoá ra đối với Đắc-gờ-lớt, bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.

(Theo *Quà tặng của cuộc sống*,
báo Tuổi trẻ – NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2001)

BÀI 12

Kết quả cần đạt

- Bước đầu nắm được định nghĩa **truyện cười**. Hiểu được nội dung, ý nghĩa của những truyện trong bài học. Hiểu được nghệ thuật gây cười và kể được những truyện này.
- Nắm được ý nghĩa và công dụng của **số từ** và **lượng từ**.
- Nắm được đặc điểm và cách thức **kể chuyện tưởng tượng**.

VĂN BẢN

TREO BIỂN

(Truyện cười (★))

Một cửa hàng bán cá làm cái biển đề mấy chữ to tướng :

"Ở ĐÂY CÓ BÁN CÁ TƯƠI"

Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo :

– Nhà này xưa quen bán cá ươn⁽¹⁾ hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá "tươi"?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ "tươi" đi.

Hôm sau, có người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo :

– Người ta chẳng nhẽ ra hàng hoa mua cá hay sao, mà phải đề là "ở đây"?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ "ở đây" đi.

Cách vài hôm, lại có một người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo :

– Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là "có bán"?

Nhà hàng nghe nói lại bỏ ngay hai chữ "có bán" đi. Thành ra biển chỉ còn có mỗi một chữ "cá". Anh ta nghĩ trong bụng chắc từ bây giờ không còn ai bắt bẻ⁽²⁾ gì nữa.

Vài hôm sau, người láng giềng sang chơi, nhìn cái biển, nói :

– Chưa đi đến đầu phố đã ngửi mùi tanh, đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá, còn đề biển làm gì nữa ?

Thế là nhà hàng cắt nốt cái biển !

(Theo Trương Chính)

Chú thích

(★) *Truyện cười* : loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội.

(1) *Cá ươn* : cá không còn tươi, đã có mùi hôi.

(2) *Bắt bẻ* : vặn hỏi, gây khó khăn cho người bị hỏi.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nội dung tấm biển đề treo ở cửa hàng ("Ở đây có bán cá tươi") có mấy yếu tố? Vai trò của từng yếu tố?
2. Có mấy người "góp ý" về cái biển đề ở cửa hàng bán cá? Em có nhận xét gì về từng ý kiến?
3. Đọc truyện này, những chi tiết nào làm em cười? Khi nào cái đáng cười bộc lộ rõ nhất? Vì sao?
4. Hãy nêu ý nghĩa của truyện.

Ghi nhớ

- Bước đầu nắm được định nghĩa **truyện cười** (như chú thích (★) trang 124).
- Mượn câu chuyện nhà hàng bán cá nghe ai "góp ý" về cái tên biển cũng làm theo, truyện tạo nên tiếng cười vui vẻ, có ý nghĩa phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét kĩ khi nghe những ý kiến khác.

LUYỆN TẬP

Nếu nhà hàng bán cá trong truyện nhờ em làm lại cái biển, em sẽ "tiếp thu" hoặc phản bác những "góp ý" của bốn người như thế nào hoặc sẽ làm lại cái biển ra sao? Qua truyện này, có thể rút ra bài học gì về cách dùng từ?

ĐỌC THÊM

ĐÈO CÂY GIỮA ĐƯỜNG

Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đeo cây. Cửa hàng anh ta ở ngay bên vệ đường. Người qua, kẻ lại thường ghé vào xem anh ta đeo bắt cây.

Một hôm, một ông cụ nói:

– Phải đeo cho cao, cho to thì cây mới dễ.

Anh ta cho là phải, đeo cái nào cũng vừa to, vừa cao.

Mấy hôm sau, một bác nông dân rẽ vào, nhìn đống cây, lắc đầu nói :

– Đẽo thế này thì cây sao được ! Phải đẽo nhỏ hơn, thấp hơn mới dễ cây.

Nghe cũng có lí, anh ta liền đẽo cây vừa nhỏ, vừa thấp. Nhưng hàng đầy ra ở cửa, chẳng ai mua. Chợt có người đến bảo :

– Ở miền núi, người ta vờ hoang, toàn cây bằng voi cả. Anh mau đẽo cây to gấp đôi, gấp ba như thế này thì bao nhiêu bán cũng hết, tha hồ mà lãi.

Nghe nói được nhiều lãi, anh ta đem tất cả số gỗ của nhà còn lại đẽo toàn loại cây để cho voi cày. Nhưng ngày qua, tháng lại, chẳng thấy ai đến mua cây voi của anh ta cả. Thế là bao nhiêu gỗ anh ta đẽo hỏng hết, cái thì bé quá, cái thì to quá. Vốn liếng đi đời nhà ma. Khi anh ta biết cả tin là dại thì đã quá muộn !

(Theo Trương Chính)

VĂN BẢN

LỢN CƯỜI, ÁO MỚI

(Truyện cười)

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe, tất tưởi⁽¹⁾ chạy đến hỏi to :

– Bác có thấy con lợn cười của tôi chạy qua đây không ?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo :

– Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả !

(Theo Truyện cười dân gian Việt Nam)

Chú thích

(1) Tất tưởi : đi với dáng bộ hớt hải, vội vã.



ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Em hiểu thế nào về tính khoe của ? Anh đi tìm lợn khoe của trong tình huống như thế nào ? Lẽ ra, anh phải hỏi người ta ra sao ? Từ *cười* (lợn cười) có phải là từ thích hợp để chỉ con lợn bị sống và là thông tin cần thiết cho người được hỏi không ?

2. Anh có áo mới thích khoe của đến mức nào ? Điều bộ của anh ta khi trả lời có phù hợp không ? Hãy phân tích yếu tố thừa trong câu trả lời của anh ta.

3. Đọc truyện *Lợn cười, áo mới* vì sao em lại cười ?

4. Hãy nêu ý nghĩa của truyện *Lợn cười, áo mới*.

Ghi nhớ

Truyện **Lợn cưới, áo mới** chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.

SỐ TỪ VÀ LƯỢNG TỪ

I – SỐ TỪ

1. Các từ được in đậm trong những câu sau bổ sung ý nghĩa cho từ nào trong câu ? Chúng đứng ở vị trí nào trong cụm từ và bổ sung ý nghĩa gì ?

a) Hai chàng tâu hỏi đồ sứ lễ cần sắm những gì, vua bảo : "**Một trăm** ván cơm nếp, **một trăm** nếp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ **một đôi**".

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

b) Tục truyền đời Hùng Vương thứ **sáu**, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức.

(Thánh Gióng)

2. Từ **đôi** trong câu a có phải là số từ không ? Vì sao ? (Gợi ý : cần xem xét vị trí và ý nghĩa của từ trong cụm từ.)

3. Tìm thêm các từ có ý nghĩa khái quát và công dụng như từ **đôi**, ví dụ : **tá**.

Ghi nhớ

- **Số từ** là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật. Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ. Khi biểu thị thứ tự, số từ đứng sau danh từ.
- Cần phân biệt **số từ** với những **danh từ chỉ đơn vị** gắn với ý nghĩa số lượng.

II – LƯỢNG TỪ

1. Nghĩa của các từ in đậm trong những câu dưới đây có gì giống và khác nghĩa của số từ ?

[...] Các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.

(Thạch Sanh)

2. Xếp các từ in đậm nói trên vào mô hình cụm danh từ. Tìm thêm những từ có ý nghĩa và công dụng tương tự.

Ghi nhớ

- **Lượng từ** là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.
- Dựa vào vị trí trong cụm danh từ, có thể chia lượng từ thành hai nhóm :
 - Nhóm chỉ ý nghĩa toàn thể ;
 - Nhóm chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối.

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm số từ trong bài thơ sau. Xác định ý nghĩa của các số từ ấy.

Không ngủ được

Một canh... hai canh... lại ba canh^(a),
Trần trọc bồn khoăn, giấc chẳng thành ;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

(Hồ Chí Minh)

2. Các từ in đậm trong hai dòng thơ sau được dùng với ý nghĩa như thế nào ?

Con đi **trăm** núi **ngàn** khe
Chưa bằng **muôn** nỗi tái tê lòng bầm.

(Tố Hữu)

3. Qua hai ví dụ sau, em thấy nghĩa của các từ *từng* và *mỗi* có gì khác nhau ?

a) *Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi [...].*

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

(a) Canh : đơn vị cổ đo thời gian, mỗi canh bằng 1/5 độ dài của đêm.

b) Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng rút lui mỗi người một ngả.

(Sự tích Hồ Gươm)

4. Chính tả (nghe – viết) : *Lợn cưới, áo mới* (cả bài).

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3 (làm tại lớp)

Chọn một trong bảy đề bài nêu ở mục 1 phần *Luyện tập* : Xây dựng bài tự sự – kể chuyện đời thường.

KỂ CHUYỆN TƯƠNG TƯỢNG

I – TÌM HIỂU CHUNG VỀ KỂ CHUYỆN TƯƠNG TƯỢNG

1. Kể tóm tắt truyện ngụ ngôn *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng* và cho biết trong truyện người ta đã tưởng tượng ra những gì ? Trong truyện tưởng tượng này, chi tiết nào dựa vào sự thật, chi tiết nào được tưởng tượng ra ?

2. Đọc các truyện sau và suy nghĩ về cách kể một câu chuyện tưởng tượng.

Truyện thứ nhất

TRUYỆN SÁU CON GIA SÚC SO BÌ CÔNG LAO

(*Lục súc tranh công*)

Trong cuộc sống của con người, từ xưa đến nay đều có sự tham gia đóng góp tích cực của các giống vật trâu, chó, ngựa, dê, gà, lợn, ... Các giống vật quây quần sớm tối với con người trong mọi việc, làm cho cuộc sống con người giàu có, phong lưu. Tuy vậy giữa các giống vật vẫn thường xảy ra sự suy bì, tị nạnh. Một hôm trâu gặp người than thở :

– Trong các giống vật, trâu là kẻ vất vả nhất. Sớm tinh mơ đã bị gọi dậy đi cày, đi bừa, ách^(a) khoác lên vai, dây chèo xâu đẳng mũi. Thôi thì tuy chủ, miệng quát, tay đánh, trâu chỉ một lòng chăm chỉ làm lụng, không kể ruộng cạn đồng sâu, ngày mưa ngày nắng, chỉ mong lúa ngô tươi tốt để đền ơn chủ. Nhưng vất vả như vậy vẫn chưa hết việc. Khi gặt lúa lại cũng phải do trâu kéo về, rồi lại trâu trục^(b) lúa. Hết mùa lúa lại phải đi kéo gỗ, chở phân. Ăn uống thì chỉ có rơm và

(a) Ách : dụng cụ mắc trên vai trâu bò để buộc dây kéo cày, kéo xe.

(b) Trục : kéo khối nặng hình trụ tròn để lăn cho rụng hạt lúa.

cỏ, vôi vàng cũng chẳng kịp nhai ! Chỉ khi về nhà mới đem ra nhai lại. Khi già yếu thì bắt làm thịt, lột da, nghĩ thật là tủi cực trăm đường ! Trong khi đó lũ chó chẳng thấy làm gì, ngày hong hóng ăn ba bữa, sữa cuội, sữa nhăng, lắm khi chủ không kịp treo cất thức ăn thì chó liền ăn vụng, thật là vô tích sự !

Chó nghe trâu nói, tức khí liền sữa vang nhà, mắt long sòng sọc :

– Trời sinh giống nào việc nấy, sao trâu lại dám suy bì ? Thử hỏi ai canh giữ cửa nhà, chống quân kẻ trộm ? Ai đuổi cáo, săn chồn, ai thức trắng đêm chờ nghe động tĩnh ? Thức ăn của chó có gì mà bì ? Chỉ cơm thừa canh cặn, xương xẩu bỏ ra mới đến phần chó. Nuôi trâu còn tốn kẻ chăn dắt chứ đâu như nuôi chó, chủ chẳng phải lo gì ?

Người an ủi bảo hai con đều giỏi, trước sau người đều yêu quý cả hai. Nhưng chó lại tị nạnh cùng lũ ngựa, sao chúng lại được ưu đãi quá nhiều. Ngựa được ăn thóc, ăn cháo đậu xanh, ở nhà lợp ngói ; người còn thường xuyên tắm tấp, chăm lo sữa vó, sữa bờm, sấn yên, sấn lạc ; dây cương thì làm bằng bạc, ra vẻ oai phong, mà thực ra chẳng biết cày bừa, giữ nhà giữ cửa !

Ngựa nghe nói hí vang sân trại, kêu to :

– Thử hỏi ai xứng đáng kéo xe, phò giá, phục vụ các đức ông ? Ai xông pha trận mạc, vượt hàng trăm dặm ? Các người chỉ quần quanh xó bếp, góc vườn, làm sao mà hiểu được ngựa, một kẻ mà chí hướng để ở phương xa !

Người vỗ về nói công lao của ngựa không nhỏ. Nhưng ngựa đâu chịu yên ? Ngựa chỉ trích lũ dê nhàn nhả, chỉ biết ăn và nhảy nhót mà thôi, hễ gặp ai thì cũng kêu be be một cách vô nghĩa.

Dê nghe ngựa nói liền vênh râu cãi lại :

– Tôi ham ăn cũng chỉ ăn lá, ăn cỏ, không hề phạm vào cây lúa, cây ngô, lá khoai, quả đậu. Nhưng khi cúng tế, xác ngựa tuy to, thử hỏi ai cần ? Còn như thiếu dê tôi thì không thành đồ lễ ! Anh ngựa thật chỉ biết nhìn đời một phía mà không biết suy nghĩ. Nếu biết suy nghĩ sao không trách lũ gà, ăn rồi chỉ biết bới rác, phá giậu, phá vườn, ai cho ăn gì, ăn xong thì quệt mỏ !

Gà nghe nói khinh bỉ nhìn nghiêng :

– Xin hỏi các anh, ai có đủ phẩm chất nhân, dũng, tín, văn, võ như tôi ? Đây đâu có mào là đáng quan văn, chân có cựa là thân tướng võ, có miếng ăn thì cục cục gọi đàn, như thế là nhân. Sáng sáng gáy đúng giờ, như thế là tín, thấy kẻ địch xông tới là đánh, như thế là dũng ! Đó là chưa kể chân gà giúp bói toán để biết

lành dữ. Gà không được ai chăn dắt thì phải bới rác chứ sao, nhưng gà ăn rất ít có tốn mấy mà kêu ? Có đâu ăn nhiều như lư lợn, ăn no lại nằm !

Lợn nghe nói đến mình liền ụt ịt phân bua :

– Các anh đừng có lảm lời, vì không hiểu lợn. Lợn phải béo mới cúng được thần. Các thứ việc làng, việc xã, cưới xin, tang ma, khao vọng không có lợn thì làm sao xong được ? Ở đời mỗi người mỗi việc, xin chớ lảm điều !

Người nghe lợn nói liền khen lợn, gà, dê đều giàu đức hi sinh, lại giàu khả năng sinh nở. Cả sáu giống vật nuôi trong nhà, giống nào cũng quý, xin đừng tị nạnh thiệt hơn, có thể nhà ta mới lảm phúc.

(Viết lại theo truyện ngụ ngôn *Lục súc tranh công*)

Truyện thứ hai

GIẤC MƠ TRÒ CHUYỆN VỚI LANG LIÊU

Tết năm nào nhà em cũng gói và nấu bánh chưng. Dù bận rộn đến đâu, nhà em cũng không đổi thay lệ đó, bởi nó đem lại một không khí rộn ràng, bận bịu của ngày Tết. Năm ấy, vào đêm 29 tháng chạp, em cùng mấy đứa bạn thức canh nồi bánh chưng. Đêm đã khuya, mọi người đã ngủ cả. Mọi vật đều chìm vào im lặng, chỉ còn nghe thấy tiếng nồi bánh chưng sôi đều, củi cháy đượm, thỉnh thoảng vang lên tiếng nổ nhỏ lép lép. Em ngồi nhìn bếp lửa đỏ hồng, thả hồn theo những đốm sao từ đó bay lên.

Bỗng một tiếng nói rất lạ vang lên sau lưng : "Chà, vất vả quá nhỉ ?". Em quay lại nhìn, một chàng trai trẻ trạc ngoài hai mươi tuổi, tóc búi củ hành, ăn mặc sang trọng nhưng xưa cũ, chân đi guốc tre, nhìn em mỉm cười. Em tỏ ý ngạc nhiên, định hỏi "Anh là ai ?", thì chàng đó đã tự giới thiệu : "Ta là Lang Liêu, người sáng tạo ra bánh chưng cổ truyền, đi tìm hiểu xem dân tình ngày nay còn nấu bánh chưng để cúng giỗ tổ tiên ngày Tết nữa không ?". Em chớp mắt hỏi : "Lang Liêu nào ? Lang Liêu thời vua Hùng phải không ?". Thấy em còn nhớ, chàng tươi cười đáp : "Đúng đó ! Chú em còn nhớ tên ta, giỏi quá !". Nói rồi, chàng thân mật ngồi xuống cạnh em, trên chiếc ghế con bằng nhựa. Em lấy làm lạ, thời vua Hùng cách đây đã mấy nghìn năm, sao Lang Liêu còn sống mà đến được nhỉ ? Em chưa suy nghĩ xong thì đã thấy chàng bảo : "Ta vừa ở chỗ các vua Hùng đến đây. Nghe nói dân tình ngày nay việc nhiều, thời gian ít, lại thêm có nhiều công nghệ mới làm ra các thức "ăn liền", ta sợ bánh chưng không có người làm, bàn thờ gia tiên vắng vẻ nên mới đi xem xét. Thấy nhà chú em đang nấu, ta vui quá mới ghé xuống

thăm. Thế nào, chú em vẫn thích bánh chưng chứ ?". Em bối rối quá. Đích thị là Lang Liêu thời Hùng Vương rồi, liền nói : "Thưa ngài, thích lắm ạ ! Em có thể ăn liền mấy ngày Tết không biết chán ạ !". "Đúng lắm – Lang Liêu tiếp lời – điều này ta đã nói từ mấy nghìn năm trước. Trên đời này không có gì quý bằng gạo nuôi sống người. Sơn hào hải vị dù có ngon mấy, ăn rồi cũng chán, duy chỉ có gạo là ăn mãi không chán mà thôi ! Có đúng thế không ?". Em nói : "Thưa ngài, đúng lắm. Nhân ngài đến, xin cho em hỏi : Làm sao mà ngài nghĩ ra được thứ bánh ngon thế ? Người ta bảo do ngài nghèo không có điều kiện nên mới nghĩ ra bánh chưng có phải không ?". Lang Liêu chau mày, nghĩ ngợi, rồi bảo : "Sự thực ta có nghèo hơn các anh ta, nhưng không phải chỉ vì nghèo đói. Ta nghèo tiền của thật, nhưng giàu lòng với thóc gạo. Nhiều người chuộng lạ bỏ quen, tham xa bỏ gần, mà không biết biến cái quen thành cái lạ, cái ngon, lại có ý nghĩa nữa". Thấy Lang Liêu tỏ ra cởi mở, dễ gần, em mới đánh bạo hỏi thêm : "Thấy sách chép rằng bánh này cũng không phải do ngài nghĩ ra, mà do thần mách bảo, có phải không ?". Lang Liêu hơi đỏ mặt, nhưng rồi chàng bình tĩnh trả lời : "Đúng là thần có mách bảo. Nhưng ta cũng phải suy nghĩ lao tâm khổ tứ quên ăn mất ngủ suốt nửa năm trời thì thần mới mách cho. Chứ như những kẻ lười biếng, động một tí là vung tiền ra mua, cho gia nhân đi tìm kiếm, thì thần có mách bảo cho gì đâu !". Đúng thật ! Em nghĩ thầm. Em đang định hỏi thêm câu nữa, thì bỗng có ai nói to : "Thêm nước vào đi, nước cạn hết rồi !". Em mở mắt. Thì ra là một giấc mơ, một giấc mơ thật thú vị quá.

Nhìn nồi bánh chưng sôi sùng sục, bốc hơi thơm phức, em lại nghĩ đến Lang Liêu. Tại em còn văng vẳng lời trò chuyện vừa rồi. Em nghĩ, Lang Liêu sâu sắc thật. Phải có tình cảm sâu nặng với sản vật nước nhà mới tạo ra được món ăn có giá trị lâu dài như thế chứ. Cả dân tộc Việt Nam sẽ mãi mãi biết ơn vua Hùng và những người con của ngài.

(Theo Hướng dẫn Tập làm văn 7, 1999)

Ghi nhớ

- **Truyện tưởng tượng** là những truyện do người kể nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của mình, không có sẵn trong sách vở hay trong thực tế, nhưng có một ý nghĩa nào đó.
- **Truyện tưởng tượng** được kể ra một phần dựa vào những điều có thật. có ý nghĩa, rồi tưởng tượng thêm cho thú vị và làm cho ý nghĩa thêm nổi bật.

II – LUYỆN TẬP

Tìm ý và lập dàn bài cho một trong các đề văn sau :

1. Hãy tưởng tượng cuộc dạo sức giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh trong điều kiện ngày nay với máy xúc, máy ủi, xi-măng cốt thép, máy bay trực thăng, điện thoại di động, xe lội nước, ...

2. Trẻ em vẫn mơ ước vươn vai một cái là trở thành tráng sĩ như Thánh Gióng. Em hãy tưởng tượng mình mơ thấy Thánh Gióng và hỏi ngài bí quyết, xem ngài khuyên em như thế nào.

3. Do một lỗi lầm nào đó mà em bị phạt buộc phải biến thành một con vật (con vật cụ thể do học sinh chọn) trong thời hạn ba ngày. Trong ba ngày đó, em đã gặp những điều thú vị gì và rắc rối gì ? Vì sao em mong chóng hết hạn để trở lại làm người ?

4. Trong nhà em có ba phương tiện giao thông : xe đạp, xe máy và ô tô. Chúng cãi nhau, so bì hơn thua kịch liệt. Hãy tưởng tượng em nghe thấy cuộc cãi nhau đó và sẽ dàn xếp như thế nào.

5. Kể chuyện mười năm sau em về thăm lại mái trường mà hiện nay em đang học. Hãy tưởng tượng những đổi thay có thể xảy ra.

BÀI 13

Kết quả cần đạt

- **Nắm được những đặc điểm của các thể loại truyện dân gian đã học. Kể và hiểu được nội dung, ý nghĩa của các truyện.**
- **Nắm được ý nghĩa và công dụng của chỉ từ.**
- **Biết vận dụng cách kể chuyện tưởng tượng vào thực hành luyện tập.**

ÔN TẬP TRUYỆN DÂN GIAN

1. Hãy đọc lại, ghi chép và học thuộc định nghĩa ở những phần chú thích có dấu sao (★) trong sách giáo khoa này về các thể loại : *truyện thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười*.

2. Đọc lại các truyện dân gian trong sách giáo khoa.

3. Viết lại tên những truyện dân gian (theo thể loại) mà em đã học và đã đọc (kể cả truyện dân gian của một số nước khác).

4. Trao đổi ý kiến ở lớp : Từ các định nghĩa và từ những tác phẩm đã học, hãy nêu và minh hoạ một số đặc điểm tiêu biểu của từng thể loại truyện dân gian.

5. Trao đổi ý kiến ở lớp : So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa *truyện thuyết* với *truyện cổ tích*, giữa *truyện ngụ ngôn* với *truyện cười*.

6. Tham gia hoạt động ngoại khoá của lớp, trường với các nội dung sau :

- Thi kể lại truyện dân gian (đã học hoặc đã đọc) ;
- Diễn kịch (kịch bản được chuyển thể từ truyện dân gian), nếu có thể ;
- Vẽ tranh, làm thơ, sáng tác truyện dựa vào truyện dân gian, nếu có thể.

ĐỌC THÊM

1. Về truyền thuyết

"Những truyền thuyết dân gian thường có cái cốt lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân ta, qua nhiều thế hệ, đã lí tưởng hoá, gửi gắm vào đó tâm tình thiết tha của mình, cùng với thơ và mộng, chấp đôi cánh của trí tưởng tượng dân gian, làm nên những tác phẩm văn hoá mà đời đời con người còn ưa thích."

(Phạm Văn Đồng, *Nhân ngày giỗ Tổ vua Hùng*,
báo *Nhân dân*, ngày 29 - 4 - 1969)

2. Về truyện cổ tích

"Trong các truyện cổ tích, người ta bay trên không trung, ngồi lên tấm thảm biết bay, đi hia bảy dặm, phục sinh những người đã chết bằng cách rắc nước thần lên họ, trong một đêm thôi cũng xây dựng được những lâu đài, và nói chung, truyện cổ tích đã mở ra trước mắt tôi cánh cửa sổ để trông vào một cuộc sống khác, trong đó có một lực lượng tự do nào đó không biết sợ đang tồn tại và hoạt động, mơ tưởng tới một cuộc đời tốt đẹp hơn."

(M. Go-rơ-ki, *Về truyện cổ tích*)

3. Về truyện ngụ ngôn

"Chỉ vì cái lòng vui thích khiến cho người ta muốn nghe, để nghe ấy mới sinh ra có truyện ngụ ngôn."

"Nói ngay hay trái tai". Cái trò đời, xưa nay vẫn thế ! Cứ đem một sự thực chần chần ra mà dạy người, có phần như hơi ép uống không được dễ dàng. Cách ngôn, huấn ngôn dạy nhời nào, ai chẳng quý hoá, chẳng khâm phục, song nó vẫn như còn treo cao, còn để xa, không được thiết tha gần gũi tâm cho lắm. Nên nghiêm trang chính đính mà dạy đạo đức là một cách khác, thì vui cười hỉ hả mà dạy đạo đức là một cách khác, và cách sau đem so với cách trước, có phần dễ được việc, chóng nên công hơn. Viên thuốc để chữa bệnh mà phải bọc vỏ ngoài cho đẹp như viên kẹo mới dễ khiến người nuốt, thì sự chân lí muốn cho dễ thấm thía vào tâm linh người ta, cũng phải lựa một con đường nào cho dễ đi, cho chóng lọt vào đến nơi được.

Nhiều khi cha không đủ làm gương cho con, anh không thể dạy nổi em, thầy không tận từ^(a) giáo hoá được học trò. Cách trực tiếp dùng đã không xong, người làm cha, làm anh, làm thầy mới phải dùng đến cách gián tiếp, nghĩa là đem cái ý này mà gửi vào nhời kia, đưa cái tư tưởng của mình mà mượn người khác, mượn loài vật, mượn cây cối, mượn thần, Phật, ... dẫn ra cho đắc lực. Bởi vậy mà ngụ ngôn mới hữu dụng, bởi vậy mà ngụ ngôn thành có thể. Mười câu ngụ ngôn thì được người thích đến chín câu ("ngụ ngôn thập, cửu"). Trang Tử^(b) đời xưa nói câu như thế là hiểu cái nhẽ đó ; Trang Tử làm sách, hơn mười vạn nhời, mà dùng toàn nhời ngụ ngôn, là thi hành cái nhẽ đó. La Phông-ten^(c) sau này tất cũng hiểu, cũng thi hành một cái nhẽ đó, nên mới cũng làm sách ngụ ngôn và cũng có câu rằng :

*Cứ nói thuần luân lí, thì dễ sinh lòng chán nản ;
Có mượn truyện kể ra, thì luân lí mới trôi chảy."*

(Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, *Đông Tây ngụ ngôn*,
Tủ sách Hoa tiên, Sài Gòn, 1970, tr. 5 – 6)

CHỈ TỪ

I – CHỈ TỪ LÀ GÌ ?

1. Các từ được in đậm trong những câu sau bổ sung ý nghĩa cho từ nào ?

(a) *Tận từ* : đem hết lời.

(b) *Trang Tử* : nhà triết học, nhà viết ngụ ngôn nổi tiếng của Trung Quốc thời Chiến quốc.

(c) *La Phông-ten* : nhà viết ngụ ngôn nổi tiếng của Pháp ở thế kỉ XVII.

Ngày xưa có ông vua nọ sai một viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người. Đã mất nhiều công tìm kiếm nhưng viên quan vẫn chưa thấy có người nào thật lỗi lạc.

Một hôm, viên quan đi qua một cánh đồng làng kia, chợt thấy bên vệ đường có hai cha con nhà nọ đang làm ruộng [...].

(Em bé thông minh)

2. So sánh các từ và cụm từ sau, từ đó rút ra ý nghĩa của những từ được in đậm.

- ông vua / ông vua **nọ** ;
- viên quan / viên quan **ấy** ;
- làng / làng **kia** ;
- nhà / nhà **nọ**.

3. Nghĩa của các từ ấy, nọ trong những câu sau có điểm nào giống và điểm nào khác với các trường hợp đã phân tích ?

Hồi ấy, ở Thanh Hoá có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm **nọ**, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ.

(Sự tích Hồ Gươm)

Ghi nhớ

Chỉ từ là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian hoặc thời gian.

II – HOẠT ĐỘNG CỦA CHỈ TỪ TRONG CÂU

1. Trong các câu đã dẫn ở phần I, chỉ từ đảm nhiệm chức vụ gì ?

2. Tìm chỉ từ trong những câu dưới đây. Xác định chức vụ của chúng trong câu.

a) Cuộc chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

(Hồ Chí Minh)

b) Từ đấy, nước ta chăm nghề trồng trọt, chăn nuôi và có tục ngày Tết làm bánh chưng, bánh giầy.

(Bánh chưng, bánh giầy)

Ghi nhớ

Chỉ từ thường làm phụ ngữ trong cụm danh từ. Ngoài ra, chỉ từ còn có thể làm chủ ngữ hoặc trạng ngữ trong câu.

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm chỉ từ trong những câu sau đây. Xác định ý nghĩa và chức vụ của các chỉ từ ấy.

a) Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chõng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên vương.

(Bánh chưng, bánh giầy)

b) Đáy vàng, đáy cũng đồng đen
Đáy hoa thiên lí, đáy sen Tây Hồ.

(Ca dao)

c) Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương.

(Con Rồng cháu Tiên)

d) Từ đó nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng.

(Sự tích Hồ Gươm)

2. Thay các cụm từ in đậm dưới đây bằng những chỉ từ thích hợp và giải thích vì sao cần thay như vậy.

a) Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến chân núi Sóc, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

(Theo Thánh Gióng)

b) Người ta còn nói khi ngựa thét ra lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng bị lửa thiêu cháy về sau gọi là làng Cháy.

(Theo Thánh Gióng)

3. Có thể thay các chỉ từ trong đoạn dưới đây bằng những từ hoặc cụm từ nào không ? Rút ra nhận xét về tác dụng của chỉ từ.

Năm ấy, đến lượt Lí Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lí Thông dọn một mâm rượu thịt để mời ăn, rồi bảo :

– Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.

(Thạch Sanh)

LUYỆN TẬP KỂ CHUYỆN TƯƠNG TƯỢNG

Có thể chọn một trong năm đề đã cho ở bài trước, chú ý tránh trùng lặp với đề đã thực hiện trong giờ luyện tập trước. Sau đây là một đề trong số đó.

1. Đề bài luyện tập : "Kể chuyện mười năm sau em về thăm lại mái trường mà hiện nay em đang học. Hãy tưởng tượng những đổi thay có thể xảy ra."

Gợi ý tìm hiểu đề và lập ý :

– Đây là đề tưởng tượng hoàn toàn, bởi học sinh không thể dựa vào tài liệu nào có sẵn.

– Nhưng tưởng tượng không phải là bịa đặt tùy tiện, mà phải dựa vào những điều có thật để tưởng tượng ra.

– Mười năm nữa là lúc em bao nhiêu tuổi ? Dự kiến lúc đó em đang học đại học hay đã đi làm ?

– Em về thăm lại trường vào dịp nào ? Có thể là vào ngày hội trường để có dịp thuận tiện gặp được nhiều thầy cô và bạn cũ.

– Mái trường thân yêu mười năm sau theo em sẽ có những thay đổi gì, có thêm gì, bớt đi cái gì ? Chẳng hạn, cây cối và vườn hoa có gì đổi thay, nhà trường có thêm ngôi nhà nào mới ?

– Các thầy (cô) giáo mười năm nữa sẽ có gì thay đổi ? Thầy (cô) có nhận ra em không ? Em và thầy (cô) sẽ nói gì với nhau ?

– Còn các bạn, lúc ấy hẳn đều đã học đại học hay đi làm. Cuộc hội ngộ chắc sẽ nhắc lại những kỉ niệm cũ, ...

– Em suy nghĩ gì khi chia tay với trường ?

2. Các đề bài bổ sung

Tìm ý cho các đề bài bổ sung sau đây :

a) Mượn lời một đồ vật hay con vật gần gũi với em để kể chuyện tình cảm giữa em và đồ vật hay con vật đó.

b) Thay ngôi kể để bộc lộ tâm tình của một nhân vật truyện cổ tích mà em yêu thích.

c) Tưởng tượng một đoạn kết mới cho một truyện cổ tích nào đó (chẳng hạn, truyện *Sọ Dừa*, *Cây bút thần*).

Bài tham khảo

CON CÒ VỚI TRUYỆN NGỤ NGÔN

Ngày xưa ngày xưa, có một câu chuyện ngụ ngôn như thế này : Cáo mời Cò đến ăn bữa trưa và bày ra một đĩa canh. Với cái mỏ dài Cò chẳng ăn được chút gì, thế là Cáo chén sạch. Cò tức, ngày hôm sau mời Cáo sang và dọn bữa ăn đựng trong một cái bình cổ cao. Cáo không cho mỏm vào được. Cò thì với chiếc mỏ dài đã thò mỏ vào và một mình ăn no.

Câu chuyện ấy được lan truyền từ đời này sang đời khác, trong những cánh rừng và trên các dòng sông.

Có một chú Cáo mới lớn nghĩ bụng, câu chuyện cũng hay nhưng đó chỉ là truyền miệng. Còn thực tế ở đời thì sao nhỉ ? Mình thử kiểm tra lại xem sao mới được. Và nó cũng bày một cái đĩa đầy thức ăn ngon rồi mời Cò đến.

Quả đúng như truyện, Cò mới mỏ được vài tí thì Cáo đã liếm sạch cả đĩa. Thế mà Cò không tỏ ra khó chịu, nó chỉ nhỏ nhẹ mời Cáo đến nhà nó ăn, rồi lặng lẽ ra về.

Còn một mình, Cáo mỉm cười nghĩ bụng : "Chắc sẽ diễn ra đúng như truyện đây. Ta đã chơi Cò một ván, thế nào mà Cò chẳng trả thù ta".

Tuy vậy, hôm sau Cáo vẫn đến nhà Cò. Chủ nhà vui vẻ ra tận cổng mời khách rồi nhanh chóng bày bữa ăn. Nó bê ra một cái bình cổ cao đặt lên bàn rồi đi vào. Cáo đang nghĩ bụng : "Đúng y như truyện rồi. Ta đành phải mang bụng đói về thôi..." thì Cò khẽ nệ bụng ra một đĩa tròn đầy thức ăn.

– Xin mời anh ăn phần ở đĩa này. Chiếc bình là phần tôi. Xin mời anh xơi !
Khi ăn đã no say, Cáo mới vui vẻ hỏi Cò :

– Sao chị không trả thù tôi, sao chị không làm theo truyện ?

Cò cười :

– Có cái làm theo truyện, có cái phải làm khác truyện. Trong trường hợp này mà làm theo truyện thì tôi sẽ trở thành kẻ thù của anh chứ đâu còn là bạn của anh nữa !

(Đồng Xuân Lan)

BÀI 14

Kết quả cần đạt

- Nhớ nội dung và hiểu ý nghĩa của truyện *Con hổ có nghĩa*, qua đó hiểu phần nào cách viết truyện thời trung đại.
- Củng cố và nâng cao một bước kiến thức về động từ đã học ở bậc Tiểu học.
- Hiểu cụm động từ là gì và nắm được cấu tạo của cụm động từ.

VĂN BẢN

CON HỔ CÓ NGHĨA⁽¹⁾

(Truyện trung đại Việt Nam^(★))

Bà đỡ⁽²⁾ Trần là người huyện Đông Triều⁽³⁾. Một đêm nọ nghe tiếng gõ cửa, bà mở cửa nhìn thì chẳng thấy ai, một lát, có con hổ chọt lao tới cổng bà đi. Ban đầu, bà sợ đến chết khiếp, khi tỉnh, thấy hổ dùng một chân ôm lấy bà chạy như bay, hễ gặp bụi rậm, gai góc thì dùng chân trước rẽ lối chạy vào rừng sâu. Tới nơi, hổ thả bà xuống. Thấy một con hổ cái đang lăn lộn, cào đất, bà cho là hổ định ăn



thịt mình, run sợ không dám nhúc nhích. Lúc sau hổ đực cầm tay bà nhìn hổ cái, nhỏ nước mắt. Bà nhìn kĩ bụng hổ cái như có cái gì động đậy, biết ngay là hổ sắp đẻ. Sẵn có thuốc mang theo trong túi, bà liền hoà với nước sôi cho uống, lại xoa bóp bụng hổ. Lát sau, hổ đẻ được. Hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con, còn hổ cái thì nằm phục xuống, dáng mỗi mệt lắm. Rồi hổ đực quỳ xuống bên một gốc cây, lấy chân đào lên một cục bạc. Bà đỡ biết hổ tặng mình, cầm lấy. Hổ đực đứng dậy đi, quay nhìn bà, bà theo hổ ra khỏi rừng. Được mấy bước, trời sắp sáng, bà giơ tay nói : "Xin chúa rừng⁽⁴⁾ quay về". Hổ vẫn cúi đầu vẫy đuôi, làm ra vẻ tiễn biệt⁽⁵⁾. Bà đi khá xa, hổ liền gầm lên một tiếng rồi bỏ đi. Bà về đến nhà, cân bạc được hơn mười lạng. Năm ấy mất mùa, đói kém, nhờ có số bạc ấy bà mới sống qua được.

Người kiếm củi tên mõ⁽⁶⁾ ở huyện Lạng Giang⁽⁷⁾, đang bỏ củi ở sườn núi, thấy dưới thung lũng⁽⁸⁾ phía xa, cây cỏ lay động không ngớt mới vác búa đến xem, thấy một con hổ trán trắng, cúi đầu cào bới đất, nhảy lên, vật xuống, thỉnh thoảng lấy chân móc họng, mở miệng nhe cái răng, máu me, nhớt dãi trào ra. Nhìn kĩ miệng hổ thấy có khúc xương mắc ngang họng, bàn chân hổ thì to, càng móc,

khúc xương càng vào sâu. Bác tiểu⁽⁹⁾ uống rượu say, mạnh bạo trèo lên cây kêu lên : "Cổ họng người đau phải không, đừng cần ta, ta sẽ lấy xương ra cho". Hổ nghe thấy, nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiểu ra dáng cầu cứu. Bác tiểu trèo xuống lấy tay thò vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò, to như cánh tay. Hổ liếm mép, nhìn bác tiểu rồi bỏ đi. Bác tiểu nói to : "Nhà ta ở thôn mỗ⁽¹⁰⁾, hễ được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé". Sau đó, bác tiểu ra về. Một đêm nọ, nghe cửa ngoài có tiếng gầm dài mà sắc. Sớm hôm sau, có một con nai chết ở đó. Hơn mười năm sau, bác tiểu già rồi chết. Khi chôn cất, hổ bỗng nhiên đến trước mộ nhảy nhót. Những người đưa đám bỏ chạy cả. Từ xa, nhìn thấy hổ dùng đầu dụi vào quan tài⁽¹¹⁾, gầm lên, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi. Từ đó về sau, mỗi dịp ngày giỗ bác tiểu, hổ lại đưa dê hoặc lợn đến để ở ngoài cửa nhà bác tiểu.

(Vũ Trinh, *Lan Trì kiến văn lục*, trong sách
Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập I,
Nguyễn Đăng Na tuyển chọn và giới thiệu,
Hoàng Hưng dịch, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997)

Chú thích

(★) Trong chương trình *Ngữ văn 6*, có hai truyện : *Con hổ có nghĩa*, *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* được gọi chung là *truyện trung đại Việt Nam*. Bởi lẽ, trong lịch sử văn học Việt Nam, thời trung đại (thường được tính từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX), thể loại truyện văn xuôi chữ Hán đã ra đời có nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn, có cách viết không giống hẳn với truyện hiện đại. Ở đây vừa có loại truyện hư cấu (tưởng tượng nghệ thuật) vừa có loại truyện gần với kí (ghi chép sự việc), với sử (ghi chép chuyện thật). Cốt truyện hầu hết còn đơn giản. Nhân vật thường được miêu tả chủ yếu qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể chuyện, qua hành động và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Riêng truyện *Mẹ hiền dạy con* (trích *Liệt nữ truyện*) của Trung Quốc ra đời sớm hơn nhưng cũng tạm xếp vào cụm bài gọi là *truyện trung đại*, vì cách viết giống nhau.

(1) *Nghĩa* : lẽ phải, làm khuôn phép cư xử trong quan hệ giữa con người với nhau ; theo từng hoàn cảnh, có thể mang nhiều nội dung cụ thể khác nhau như "tình cảm thủy chung", "tình thân hi sinh vì sự nghiệp chung", ... ; ở đây là "lòng biết ơn".

(2) *Bà đỡ* : người phụ nữ làm nghề đỡ đẻ (từ Hán : *nữ hộ sinh*).

(3) *Đông Triều* : một huyện thuộc tỉnh Quảng Ninh ở vùng Đông Bắc nước ta.

(4) *Chúa rừng* : con vật được coi là mạnh nhất ở rừng, có khi gọi là chúa sơn lâm ; ở đây chỉ loài hổ.

(5) *Tiến biệt* : tiễn người đi xa.

(6) *Mỗ* : từ phiếm chỉ, dùng trong trường hợp không muốn nêu tên thật. Nói "tên mỗ" giống như ngày nay nói tên A, B, ... nào đó.

(7) *Lạng Giang* : một huyện thuộc tỉnh Bắc Giang.

(8) *Thung lũng* : dải đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn núi.

(9) *Tiểu* : người đồn cùi.

(10) *Thôn mỗ* : cách dùng từ phiếm chỉ giống như "tên mỗ" ở chú thích (6).

(11) *Quan tài* : cái hòm để đặt người chết vào.

ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Văn bản này thuộc thể văn gì ? Có mấy đoạn ? Mỗi đoạn nói gì ?

2. Với văn bản này, biện pháp nghệ thuật cơ bản, bao trùm được sử dụng là biện pháp gì ? Tại sao lại dựng lên chuyện "Con hổ có nghĩa" mà không phải là "Con người có nghĩa"?

3. Chuyện gì đã xảy ra giữa bà đỡ Trần (người huyện Đông Triều) với con hổ thứ nhất và giữa bác tiểu (ở huyện Lạng Giang) với con hổ thứ hai ? Trong mỗi chuyện, chi tiết nào em cho là thú vị ? Chuyện con hổ với bác tiểu so với chuyện con hổ với bà đỡ Trần có thêm ý nghĩa gì ?

4. Truyện *Con hổ có nghĩa* đề cao, khuyến khích điều gì cần có trong cuộc sống con người ?

Ghi nhớ

Truyện *Con hổ có nghĩa* thuộc loại truyện hư cấu, trong đó dùng một biện pháp nghệ thuật quen thuộc là mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người nhằm đề cao ân nghĩa trong đạo làm người.

LUYỆN TẬP

Em hãy kể về một con chó có nghĩa với chủ. Nếu chưa biết để kể thì hãy nhờ bố mẹ hoặc ai đó kể cho nghe và từ đó viết vài lời cảm nghĩ.

ĐỌC THÊM

BIA CON VÁ

"Vì có dũng, nên liều chết phấn đấu ; vì có nghĩa, nên trung thành với chủ. Nói thời dễ, làm thật khó, người còn vậy hưởng gì chó. Ôi con Vá này, đủ hai đức đó. Há như ai kia, mặt người lòng thú. Nghĩ thế mà đau, dựng bia mộ chó."

(Phan Bội Châu^(a), 1934)

ĐỘNG TỪ

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘNG TỪ

1. Tìm động từ trong những câu dưới đây :

a) Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người.

(Em bé thông minh)

b) Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo. [...] Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương. .

(Bánh chưng, bánh giầy)

c) Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo :

– Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá "tươi"?

(Treo biển)

2. Ý nghĩa khái quát của các động từ vừa tìm được là gì ?

3. Động từ có đặc điểm gì khác danh từ :

– Về những từ đứng xung quanh nó trong cụm từ ?

– Về khả năng làm vị ngữ ?

(a) Nhà đại cách mạng Phan Bội Châu (1867 – 1940) khi bị thực dân Pháp bắt về giam lỏng ở Huế (1925 – 1940) có nuôi một con chó đặt tên là Vá. Con Vá bị chết, cụ chôn cất, đắp mộ và dựng bia cho nó. Bia vừa có lời chữ Hán, vừa có lời chữ Nôm.

Ghi nhớ

- **Động từ** là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.
- Động từ thường kết hợp với các từ **đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng, ...** để tạo thành cụm động từ.
- Chức vụ điển hình trong câu của động từ là vị ngữ. Khi làm chủ ngữ, động từ mất khả năng kết hợp với các từ **đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng, ...**

II – CÁC LOẠI ĐỘNG TỪ CHÍNH

1. Xếp các động từ sau vào bảng phân loại ở bên dưới : *buồn, chạy, cười, dăm, đau, đi, định, đọc, đứng, gãy, ghét, hỏi, ngồi, nhức, nứt, toan, vui, yêu.*

BẢNG PHÂN LOẠI

	Thường đòi hỏi động từ khác đi kèm phía sau	Không đòi hỏi động từ khác đi kèm phía sau
Trả lời câu hỏi <i>Làm gì ?</i>		
Trả lời các câu hỏi <i>Làm sao ?, Thế nào ?</i>		

2. Tìm thêm những từ có đặc điểm tương tự động từ thuộc mỗi nhóm trên.

Ghi nhớ

- Trong tiếng Việt, có hai loại động từ đáng chú ý là :
 - Động từ tình thái (thường đòi hỏi động từ khác đi kèm) ;
 - Động từ chỉ hoạt động, trạng thái (không đòi hỏi động từ khác đi kèm).
- Động từ chỉ hoạt động, trạng thái gồm hai loại nhỏ :
 - Động từ chỉ hoạt động (trả lời câu hỏi **Làm gì ?**) ;
 - Động từ chỉ trạng thái (trả lời các câu hỏi **Làm sao ?, Thế nào ?**).

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm động từ trong truyện *Lợn cưới, áo mới*. Cho biết các động từ ấy thuộc những loại nào.

2. Đọc truyện vui sau và cho biết câu chuyện buồn cười ở chỗ nào.

THÓI QUEN DÙNG TỪ

Có anh chàng nọ tính tình rất keo kiệt. Một hôm, đi đò qua sông, anh chàng khát nước bèn cúi xuống, lấy tay vục nước sông uống. Chẳng may quá đà, anh ta lộn cổ xuống sông. Một người ngồi cạnh thấy thế, vội giơ tay ra, hét lên :

– Đưa tay cho tôi mau !

Anh chàng sắp chìm ngấm nhưng vẫn không chịu nắm tay người kia. Bỗng một người có vẻ quen biết anh chàng chạy lại, nói :

– Cầm lấy tay tôi này !

Tức thì, anh ta cố ngoi lên, nắm chặt lấy tay người nọ và được cứu thoát. Trong lúc anh chàng còn mê mết, người nọ giải thích :

– Tôi nói thế vì biết tính anh này. Anh ấy chỉ muốn cầm của người khác, chứ không bao giờ chịu đưa cho ai cái gì.

3. Chính tả (nghe – viết) : *Con hổ có nghĩa (từ Hổ đực mừng rỡ đến làm ra vẻ tiến biệt)*.

CỤM ĐỘNG TỪ

I – CỤM ĐỘNG TỪ LÀ GÌ ?

1. Các từ ngữ được in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào ?

Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người.

(Em bé thông minh)

2. Thử lược bỏ các từ ngữ in đậm nói trên rồi rút ra nhận xét về vai trò của chúng.

3. Tìm một cụm động từ. Đặt câu với cụm động từ ấy rồi rút ra nhận xét về hoạt động trong câu của cụm động từ so với một động từ.

Ghi nhớ

- **Cụm động từ** là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Nhiều động từ phải có các từ ngữ phụ thuộc đi kèm, tạo thành cụm động từ mới trọn nghĩa.
- Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình động từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một động từ.

II – CẤU TẠO CỦA CỤM ĐỘNG TỪ

1. Vẽ mô hình cấu tạo của các cụm động từ trong câu đã dẫn ở phần I.
2. Tìm thêm những từ ngữ có thể làm phụ ngữ ở phần trước, phần sau cụm động từ. Cho biết những phụ ngữ ấy bổ sung cho động từ trung tâm những ý nghĩa gì.

Ghi nhớ

- **Mô hình cụm động từ :**

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
cũng/còn/đang/ chưa	tìm	được/ngay/câu trả lời

- **Trong cụm động từ :**

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho động từ các ý nghĩa: quan hệ thời gian ; sự tiếp diễn tương tự ; sự khuyến khích hoặc ngăn cản hành động ; sự khẳng định hoặc phủ định hoạt động, ...
- Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện và cách thức hoạt động, ...

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm các cụm động từ trong những câu sau :
 - a) Em bé còn đang đùa nghịch ở sau nhà.

(Theo Em bé thông minh)

b) Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

(Theo Sơn Tinh, Thủy Tinh)

c) Cuối cùng, triều đình đành tìm cách giữ sứ thần ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.

(Theo Em bé thông minh)

2. Chép các cụm động từ nói trên vào mô hình cụm động từ.

3. Nêu ý nghĩa của các phụ ngữ được in đậm trong đoạn dưới đây. Việc dùng các phụ ngữ này trước động từ miêu tả hành động của người cha và viên quan nói lên điều gì về trí thông minh của chú bé trong truyện *Em bé thông minh*?

Người cha đứng ngăn ra **chưa** biết trả lời thế nào thì đứa con chừng bảy, tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan [...]. Viên quan nghe cậu bé hỏi lại như thế thì há hốc mồm sững sốt, **không** biết đáp sao cho ổn. Quan **thăm** nghĩ, nhất định nhân tài ở đây rồi, **chả** phải tìm đâu mất công.

(Em bé thông minh)

4. Viết một câu trình bày ý nghĩa của truyện *Treo biển*. Chỉ ra các cụm động từ có trong đoạn văn đó.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

Đọc bài viết của em và chú ý đến các điểm sau đây :

1. Chuyện kể về ai ? Bài làm giới thiệu nhân vật đã đủ rõ chưa ?

2. Sự việc được lựa chọn có ý nghĩa thú vị như thế nào, có chứng tỏ là em đã chịu khó quan sát và suy nghĩ không, có gợi lên được không khí sinh hoạt và tính nết của con người hay không ?

3. Các phần của bài có cân đối không ? Phần Mở bài có gây được chú ý, phần Kết bài có làm cho ý nghĩa bài viết thêm nổi bật không ?

4. Sửa các lỗi chính tả và lỗi diễn đạt trong bài.

BÀI 15

Kết quả cần đạt

- Nhớ nội dung và hiểu được ý nghĩa của năm sự việc đã diễn ra giữa hai mẹ con thầy Mạnh Tử. Hiểu cách viết gần với cách viết kí của **truyện trung đại**.
- Củng cố và nâng cao một bước kiến thức về **tính từ** đã học ở bậc Tiểu học ; nắm được khái niệm **cụm tính từ**.
- Qua bài kiểm tra tổng hợp, chứng tỏ được những kiến thức, kĩ năng đã được cung cấp, rèn luyện theo yêu cầu của môn Ngữ văn trong học kì I.

VĂN BẢN

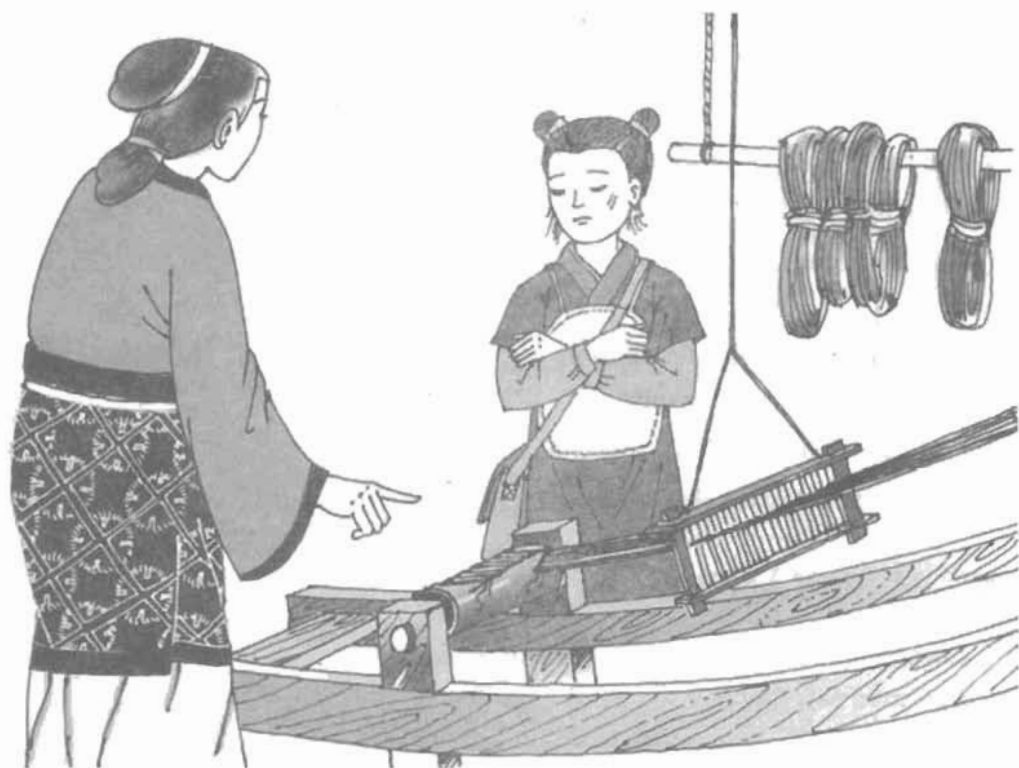
MẸ HIỀN DẠY CON⁽¹⁾

Thầy Mạnh Tử⁽²⁾, thuở nhỏ, nhà ở gần nghĩa địa⁽³⁾, thấy người đào, chôn, lấp, khóc, về nhà cũng bắt chước đào, chôn, lấp, khóc. Bà mẹ thấy thế, nói : "Chỗ này không phải chỗ con ta ở được". Rồi, dọn nhà ra gần chợ.

Thầy Mạnh Tử ở gần chợ, thấy người buôn bán điên đảo⁽⁴⁾, về nhà cũng bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo. Bà mẹ thấy thế, lại nói : "Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được". Bèn dọn nhà đến ở cạnh trường học.

Thầy Mạnh Tử ở gần trường học, thấy trẻ đua nhau học tập lễ phép, cắp sách vở, về nhà cũng bắt chước học tập lễ phép, cắp sách vở. Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng, nói : "Chỗ này là chỗ con ta ở được đây".

Một hôm, thầy Mạnh Tử thấy nhà hàng xóm giết lợn, về hỏi mẹ : "Người ta giết lợn làm gì thế ?" – Bà mẹ nói đùa : "Để cho con ăn đấy". Nói xong, bà nghĩ lại, hối rằng : "Ta nói lỡ mồm rồi ! Con ta thơ ấu⁽⁵⁾, tri thức⁽⁶⁾ mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng hoá ra ta dạy nó nói dối hay sao ?". Rồi bà đi mua thịt lợn, đem về cho con ăn thật.



Lại một hôm, thầy Mạnh Tử đang đi học, bỏ học về nhà chơi. Bà mẹ đang ngồi dệt vải, trông thấy, liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung, mà nói rằng: "Con đang đi học mà bỏ học, thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy".

Từ hôm đó, thầy Mạnh Tử học tập rất chuyên cần⁽⁷⁾. Rồi sau thành một bậc đại hiền⁽⁸⁾. Thế chẳng là nhờ có cái công giáo dục⁽⁹⁾ quý báu của bà mẹ hay sao ?

(Theo *Cổ học tinh hoa*, quyển nhất,
Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tử An Trần Lê Nhân biên dịch,
NXB Vĩnh Thịnh, Hà Nội, 1953)

Chú thích

(1) Truyện này được tuyển dịch từ sách *Liệt nữ truyện* của Trung Quốc.

(2) *Mạnh Tử*: tên là Mạnh Kha – một bậc hiền triết nổi tiếng của Trung Hoa thời Chiến quốc, được các nhà nho xưa suy tôn là Á thánh (vị thánh thứ hai) sau Khổng Tử.

(3) *Nghĩa địa* : khu đất chôn người chết , còn có cách gọi khác là *mộ địa* (mộ : mồ mả ; địa : đất).

(4) *Điên đảo* : ở đây có nghĩa là lừa đảo, lật lọng, gây ra sự đảo lộn trong trật tự và đạo đức xã hội (*điên* : nghiêng lệch ; *đảo* : lộn ngược).

(5) *Thơ ấu* : ngây thơ bé dại.

(6) *Tri thức* : những hiểu biết về sự vật nói chung (*tri* : biết ; *thức* : biết, nhận biết).

(7) *Chuyên cần* : chăm chỉ làm việc (*chuyên* : chỉ làm hoặc chủ yếu làm một việc gì ; *cần* : siêng năng, chăm chỉ).

(8) *Bác đại hiền* : người có đạo đức, hiểu biết rộng.

(9) *Giáo dục* : dạy dỗ cho nên người (*giáo* : dạy dỗ ; *dục* : dạy dỗ, bồi dưỡng).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Lập bảng tóm tắt năm sự việc đã diễn ra giữa mẹ con thầy Mạnh Tử (thuở nhỏ), theo mẫu sau đây :

Sự việc	Con	Mẹ
1		
2		
3		
4		
5		

2. Ý nghĩa của việc dạy con trong ba sự việc đầu là gì ? Trong hai sự việc sau là gì ? Ở hai sự việc sau, về ý nghĩa có gì khác so với ba sự việc đầu ? Hãy nêu lên tác dụng của cách dạy con của bà mẹ thầy Mạnh Tử.

3. Em hình dung bà mẹ thầy Mạnh Tử là người như thế nào ?

4. Hãy đọc lại chú thích dấu sao (★) ở bài *Con hổ có nghĩa* (tr. 143), đoạn nói về cách viết truyện trung đại, từ đó nêu nhận xét về cách viết truyện *Mẹ hiền dạy con*.

Ghi nhớ

- Bà mẹ thầy Mạnh Tử là tấm gương sáng về tình thương con và đặc biệt là về cách dạy con :
 - Tạo cho con một môi trường sống tốt đẹp ;
 - Dạy con vừa có đạo đức vừa có chí học hành ;
 - Thương con nhưng không nuông chiều, ngược lại rất kiên quyết.
- Truyện **Mẹ hiền dạy con** đơn giản nhưng gây được xúc động là nhờ có những chi tiết giàu ý nghĩa.
- Tục ngữ : "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng".

LUYỆN TẬP

1. Hãy phát biểu cảm nghĩ của em về sự việc : Bà mẹ thầy Mạnh Tử đang ngồi dệt vải trông thấy con bỏ học về nhà chơi, liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung.

2. Từ chuyện mẹ con thầy Mạnh Tử xưa, em có suy nghĩ gì về đạo làm con của mình ?

3. Có hai yếu tố Hán Việt đồng âm :

- tử : chết
- tử : con

Hãy cho biết các kết hợp dưới đây được sử dụng với nghĩa nào ?
công tử, tử trận, bát tử, hoàng tử, đệ tử, cảm tử.

TÍNH TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA TÍNH TỪ

1. Tìm tính từ trong các câu sau :

a) *Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.*

(Ếch ngồi đáy giếng)

b) *Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm [...]. Từng chiếc lá mít vàng ối. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi.*

(Tô Hoài)

2. Kể thêm một số tính từ em biết và nêu ý nghĩa khái quát của chúng.

3. So sánh tính từ với động từ :

- Về khả năng kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng, ...*
- Về khả năng làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu.

Ghi nhớ

- *Tính từ là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái.*
- *Tính từ có thể kết hợp với các từ **đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, ...** để tạo thành cụm tính từ. Khả năng kết hợp với các từ **hãy, chớ, đừng** của tính từ rất hạn chế.*
- *Tính từ có thể làm vị ngữ, chủ ngữ trong câu. Tuy vậy, khả năng làm vị ngữ của tính từ hạn chế hơn động từ.*

II – CÁC LOẠI TÍNH TỪ

1. Trong số các tính từ vừa tìm được ở phần I :

– Những từ nào có khả năng kết hợp với các từ chỉ mức độ (*rất, hơi, khá, lắm, quá, ...*) ?

– Những từ nào không có khả năng kết hợp với các từ chỉ mức độ ?

2. Hãy giải thích hiện tượng trên.

Ghi nhớ

Có hai loại tính từ đáng chú ý là :

- *Tính từ chỉ đặc điểm tương đối (có thể kết hợp với từ chỉ mức độ) ;*
- *Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối (không thể kết hợp với từ chỉ mức độ).*

III – CỤM TÍNH TỪ

1. Vẽ mô hình cấu tạo của những cụm tính từ in đậm trong các câu sau :

– Cuối buổi chiều, Huế thường trở về trong một vẻ yên tĩnh lạ lùng đến nỗi tôi cảm thấy hình như có một cái gì đang lắng xuống thêm một chút nữa trong thành phố vốn đã rất yên tĩnh này.

(Theo Hoàng Phủ Ngọc Tường)

– [...] Trời bây giờ trong vắt, thăm thẳm và cao, mặt trăng nhỏ lại, sáng vằng vặc ở trên không.

(Thạch Lam)

2. Tìm thêm những từ ngữ có thể làm phụ ngữ ở phần trước, phần sau cụm tính từ. Cho biết những phụ ngữ ấy bổ sung cho tính từ trung tâm những ý nghĩa gì.

Ghi nhớ

• Mô hình cụm tính từ :

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
vẫn/còn/đang	trẻ	như một thanh niên

• Trong cụm tính từ :

– Các phụ ngữ ở phần trước có thể biểu thị quan hệ thời gian ; sự tiếp diễn tương tự, mức độ của đặc điểm, tính chất ; sự khẳng định hay phủ định ; ...

– Các phụ ngữ ở phần sau có thể biểu thị vị trí ; sự so sánh ; mức độ, phạm vi hay nguyên nhân của đặc điểm, tính chất ; ...

IV – LUYỆN TẬP

1. Dưới đây là năm câu của năm ông thầy bói nhận xét về con voi (truyện *Thầy bói xem voi*). Tìm cụm tính từ trong các câu ấy.

- Nó sun sun như con đĩa.
- Nó chân chắn như cái đòn càn.
- Nó bè bè như cái quạt thóc.
- Nó sừng sừng như cái cột đình.
- Nó tun tun như cái chổi sể cùn.

2. Việc dùng các tính từ và phụ ngữ so sánh trong những câu trên có tác dụng phê bình và gây cười như thế nào ?

Gợi ý :

– Xét về mặt cấu tạo, tính từ trong những câu trên thuộc kiểu cấu tạo nào ? Từ có cấu tạo như vậy thường có tác dụng gì ?

– Hình ảnh mà các tính từ trên gợi ra có lớn lao, khoáng đạt không ?

– Các sự vật được đem so sánh với con voi là những sự vật như thế nào ? Điều đó nói lên đặc điểm gì của năm ông thầy bói ?

3. Trong truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng*, ông lão tội nghiệp phải ra biển năm lần để cầu xin con cá thỏa mãn lòng tham không đáy của vợ. Mỗi lần như vậy, biển xanh được tả một khác. Hãy so sánh cách dùng động từ và tính từ trong năm câu văn tả biển ấy và cho biết những khác biệt đó nói lên điều gì.

– Lần 1 (xin cái máng lợn mới) : *Biển gợn sóng êm ả.*

– Lần 2 (xin một ngôi nhà mới) : *Biển xanh đã nổi sóng.*

– Lần 3 (xin cho vợ làm nhất phẩm phu nhân) : *Biển xanh nổi sóng dữ dội.*

– Lần 4 (xin cho vợ làm nữ hoàng) : *Biển nổi sóng mù mịt.*

– Lần 5 (xin cho vợ làm Long Vương) : *Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*

4. Quá trình thay đổi từ không đến có, rồi từ có trở lại không trong đời sống của vợ chồng người đánh cá (truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng*) thể hiện qua cách dùng các tính từ trong những cụm danh từ sau đây như thế nào ?

a) *cái máng lợn đã sút mẻ* → *một cái máng lợn mới* → *cái máng lợn sút mẻ.*

b) *một túp lều nát* → *một ngôi nhà đẹp* → *một toà lâu đài to lớn* → *một cung điện nguy nga* → *túp lều nát ngày xưa.*

BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I

I – NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN CHÚ Ý

1. Về phần Văn (Đọc – hiểu văn bản)

Trọng tâm chương trình Ngữ văn lớp 6 là đọc – hiểu tác phẩm tự sự với các hình thức thể loại khác nhau. Học kì I tập trung đọc – hiểu truyện dân gian và truyện trung đại. Vì thế học sinh cần nắm được một số kiến thức cơ bản sau đây :

a) Bước đầu nắm được đặc điểm thể loại của từng truyện đã học, cụ thể là :

- Đặc điểm của *truyện thuyết* Việt Nam ;
- Đặc điểm *truyện cổ tích* Việt Nam ;
- Đặc điểm *truyện cười* và *truyện ngụ ngôn* Việt Nam ;
- Đặc điểm *truyện trung đại* Việt Nam.

Để nắm được các nội dung trên, học sinh chú ý đọc kỹ các chú thích có dấu sao (★) sau văn bản đầu tiên của mỗi thể loại truyện, cụ thể là :

- Chú thích về *truyện thuyết*, *Ngữ văn 6*, tập một, trang 7.
- Chú thích về *truyện cổ tích*, *Ngữ văn 6*, tập một, trang 53.
- Chú thích về *truyện ngụ ngôn*, *Ngữ văn 6*, tập một, trang 100.
- Chú thích về *truyện cười*, *Ngữ văn 6*, tập một, trang 124.
- Chú thích về *truyện trung đại*, *Ngữ văn 6*, tập một, trang 143.

b) Nắm được nội dung và hình thức cụ thể của mỗi truyện đã học trong chương trình : nhân vật, cốt truyện, một số chi tiết tiêu biểu và ý nghĩa của truyện.

c) Nắm được sự biểu hiện cụ thể của đặc điểm thể loại ở mỗi truyện đã học, tức là có thể trả lời các câu hỏi như : Tại sao *Thánh Gióng* lại được coi là *truyện thuyết* ? Tại sao *Treo biển* lại là *truyện cười* và tại sao *Đeo nhạc cho mèo* lại là *truyện ngụ ngôn* ? ... hoặc : Đặc điểm *truyện trung đại* đã được thể hiện cụ thể ở truyện *Con hổ có nghĩa* như thế nào ?

2. Về phần Tiếng Việt

Trong phần Tiếng Việt ở *Ngữ văn 6*, tập một, cần chú ý mấy nội dung chính sau :

a) Nắm được kiến thức về :

- Cấu tạo từ ;
- Từ mượn ;
- Nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ ;
- Các từ loại : danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, chỉ từ ;
- Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.

b) Biết vận dụng kiến thức về tiếng Việt khi viết và khi đọc – hiểu các văn bản chung học ở phần Văn (*Đọc – hiểu văn bản*), cũng như khi tạo lập các kiểu văn bản đã học ở phần Tập làm văn.

3. Về phần Tập làm văn

Chương trình Tập làm văn ở sách *Ngữ văn 6*, tập một, tập trung vào văn bản tự sự (văn kể chuyện). Học sinh cần chú ý để nắm được các nội dung chính sau đây :

a) Tìm hiểu chung về văn tự sự, cụ thể là :

- Thế nào là tự sự ? Mục đích của tự sự ?
- Dân bài của một bài văn tự sự ;
- Ngôi kể trong văn tự sự ;
- Thứ tự kể trong văn tự sự.

b) Biết cách làm một bài văn tự sự (bài văn kể chuyện)

- Kể lại một câu chuyện dân gian đã học ;
- Kể lại một chuyện trong đời sống hằng ngày ;
- Kể lại một câu chuyện tưởng tượng.

II – HƯỚNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Chương trình *Ngữ văn THCS* được xây dựng theo tinh thần tích hợp, vì thế ngay khi ôn tập học kì I, học sinh cần chú ý :

1. Các kiến thức về Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn đều dựa vào cùng một hệ thống văn bản chung để khai thác và hình thành. Khi học ôn cần liên hệ và gắn các kiến thức của mỗi phần môn với các văn bản chung có trong sách giáo khoa.

2. Do yêu cầu đổi mới cách đánh giá, bài kiểm tra áp dụng một phần hình thức thi trắc nghiệm kết hợp với tự luận. Phần trắc nghiệm sẽ kiểm tra một cách tổng hợp trên một diện khá rộng các kiến thức đã học, vì thế không nên học tủ, học lệch mà phải học ôn toàn diện, đầy đủ.

3. Cấu trúc một bài kiểm tra thường gồm hai phần : phần *trắc nghiệm* chiếm 50% số điểm nhằm kiểm tra các kiến thức về đọc – hiểu văn bản, về tiếng Việt ; phần *tự luận* - 50% điểm, nhằm kiểm tra kiến thức và kĩ năng tập làm văn qua một bài (đoạn) văn ngắn.

4. Học sinh có thể tham khảo đề kiểm tra sau đây :

ĐỀ KIỂM TRA NGŨ VĂN CUỐI HỌC KÌ I - LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề bài (gồm hai phần)

Phần I : Trắc nghiệm

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái của **câu trả lời đúng nhất** trong bốn câu trả lời sau mỗi câu hỏi.

Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đành đành nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên bềnh trên một biển nước.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

1. Đoạn văn trên được viết theo **phương thức biểu đạt chính** nào ?

A – Biểu cảm

B – Tự sự

C – Miêu tả

D – Nghị luận

2. Người kể trong đoạn văn trên ở **ngôi thứ mấy** ?

A – Ngôi thứ nhất

B – Ngôi thứ hai

C – Ngôi thứ ba

D – Ngôi thứ nhất số nhiều

3. Đoạn văn trên nhằm **mục đích** gì ?

A – Tả cảnh sông nước

B – Kể người và việc

C – Nêu cảm nghĩ về lụt lội

D – Bàn về tác hại của lụt lội

4. Đoạn văn trên được kể theo **thứ tự** nào ?

- A – Theo thứ tự thời gian (trước, sau)
- B – Theo kết quả trước, nguyên nhân sau
- C – Theo vị trí trên núi trước, dưới nước sau
- D – Không theo thứ tự nào

5. Trong câu "*Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi.*" có mấy **cụm động từ** ?

- A – Một cụm
- B – Hai cụm
- C – Ba cụm
- D – Bốn cụm

6. Trong câu "*Thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước.*" có mấy **cụm danh từ** ?

- A – Một cụm
- B – Hai cụm
- C – Ba cụm
- D – Bốn cụm

7. Trong đoạn văn trên có bao nhiêu **từ láy** ?

- A – Một từ
- B – Hai từ
- C – Ba từ
- D – Bốn từ

8. Trong các từ sau đây, từ nào là **từ mượn** ?

- A – *đông bão*
- B – *Thủy Tinh*
- C – *cuồn cuộn*
- D – *biển*

9. Nghĩa của từ *lênh bênh* được giải thích dưới đây theo cách nào ?

lênh bênh : ở trạng thái nổi hẫng lên trên bề mặt và trôi nhẹ nhàng theo làn sóng, làn gió.

(Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, 2000)

VĂN BẢN

THẦY THUỐC GIỎI CỐT NHẤT Ở TẤM LÒNG

Cụ tổ bên ngoại của Trùng⁽¹⁾, người họ Phạm, huý⁽²⁾ là Bân, có nghề y gia truyền⁽³⁾, giữ chức Thái y lệnh⁽⁴⁾ để phụng sự⁽⁵⁾ Trần Anh Vương⁽⁶⁾.

Ngài thường đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo. Gặp kẻ tật bệnh cơ khổ⁽⁷⁾, ngài cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa trị. Dẫu bệnh có đâm dề máu mủ, ngài cũng không hề né tránh. Bệnh nhân đến chữa tới khi khoẻ mạnh rồi đi. Cứ như vậy, trên giường không lúc nào vắng người.

Bỗng liên năm đói kém, dịch bệnh nổi lên, ngài lại dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở, cứu sống hơn ngàn người. Ngài được người đương thời trọng vọng⁽⁸⁾.

Một lần, có người đến gõ cửa, mời gấp :

– Nhà có người đàn bà, bỗng nhiên nguy kịch, máu chảy như xối, mặt mày xanh lét.

Nghe vậy, ngài theo người đó đi ngay. Nhưng ra tới cửa thì gặp sứ giả do vương sai tới, bảo rằng :

– Trong cung có bậc quý nhân⁽⁹⁾ bị sốt, vương triệu đến khám.

Ngài nói :

– Bệnh đó không gấp. Nay mệnh sống của người nhà người này chỉ ở trong khoảnh khắc. Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ⁽¹⁰⁾.

Quan Trung sứ⁽¹¹⁾ tức giận nói :

– Phận làm tôi, sao được như vậy ? Ông định cứu tính mạng người ta mà không cứu tính mạng mình chẳng ?

Ngài đáp :

– Tôi có mắc tội, cũng không biết làm thế nào. Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu. Tính mệnh của tiểu thần⁽¹²⁾ còn trông cậy vào chúa thượng⁽¹³⁾, may ra thoát. Tội tôi xin chịu.

Nói rồi, đi cứu người kia. Họ quả được cứu sống. Lát sau, ngài đến yết kiến⁽¹⁴⁾, vương quở trách. Ngài bỏ mũ ra, tạ tội, bày rõ lòng thành của mình. Vương mừng nói :



– Người thật là bậc lương y⁽¹⁵⁾ chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đỏ⁽¹⁶⁾ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi.

Về sau, con cháu của ngài làm quan lương y đến hàm ngũ phẩm, tứ phẩm⁽¹⁷⁾ có tới hai ba vị. Người đời đều khen ngợi họ không để sa sút nghiệp nhà.

(Hồ Nguyên Trừng^(★), *Nam Ông mộng lục*,
Ưu Đàm – La Sơn soạn dịch, chú giải,
Nguyễn Đăng Na giới thiệu, NXB Văn học, Hà Nội, 1999)

Chú thích

(★) Hồ Nguyên Trừng (1374 – 1446), con trưởng của Hồ Quý Ly, làm quan dưới triều vua cha, từng hăng hái chống giặc Minh xâm lược, bị giặc Minh bắt đem về Trung Quốc. Nhờ có tài chế tạo vũ khí, ông được làm quan trong triều nhà Minh tới chức Thượng thư (tương đương với chức Bộ trưởng ngày nay). Ông qua đời trên đất Trung Quốc. *Nam Ông mộng lục* là tác phẩm Hồ Nguyên Trừng viết trong thời gian ở đây.

- (1) *Trùng* : tức Hồ Nguyên Trùng.
- (2) *Huý* : ở đây là tên của người đã chết, thường kiêng không nói đến.
- (3) *Gia truyền* : truyền từ đời này sang đời khác trong phạm vi gia đình.
- (4) *Thái y lệnh* : chức quan trông coi việc chữa bệnh trong cung vua.
- (5) *Phụng sự* : phục vụ hết lòng.
- (6) *Trần Anh Vương* : tức Trần Anh Tông, làm vua từ năm 1293 đến năm 1314 (vương : vua ; tước cao nhất trong triều đình ngày xưa).
- (7) *Cơ khổ* : đói khổ (cơ : đói).
- (8) *Trọng vọng* : hết sức coi trọng và ngưỡng mộ.
- (9) *Quý nhân* : ở đây có nghĩa là người ở bậc cao sang và được tôn kính.
- (10) *Vương phủ* : nơi ở và làm việc của các bậc vua chúa, quý tộc phong kiến xưa.
- (11) *Trung sứ* : một chức quan phục vụ công việc của triều đình.
- (12) *Tiểu thần* : người bề tôi ở bậc nhỏ, thấp, theo cách nói nhún nhường.
- (13) *Chúa thượng* : từ dùng để gọi vua chúa một cách tôn kính (thời phong kiến).
- (14) *Yết kiến* : ra mắt người bề trên.
- (15) *Lương y* : thầy thuốc giỏi.
- (16) *Con đỏ* : dịch nghĩa hai từ *xích tử* mà ngày xưa vua chúa dùng để chỉ những người dân thường.
- (17) *Ngũ phẩm* : phẩm hàm bậc năm. *Tứ phẩm* : phẩm hàm bậc bốn (*phẩm* : một hình thức chỉ cấp bậc của quan lại ở thời phong kiến. Có chín bậc phẩm hàm. Cao nhất là nhất phẩm – phẩm hàm bậc nhất. Thấp nhất là cửu phẩm – phẩm hàm bậc chín. Trong mỗi phẩm hàm lại có hai loại : chính, tòng).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hãy kể ra những chi tiết nói về nhân vật Thái y lệnh họ Phạm. Từ đó :

a) Trả lời các câu hỏi sau :

- Vị Thái y lệnh là người thế nào ?
- Trong những hành động của ông, điều gì làm em cảm phục nhất và suy nghĩ nhiều nhất ?

b) Phân tích, bình luận lời đối thoại của vị Thái y với quan Trung sứ : "Ngài đáp : Tôi có mắc tội... tôi xin chịu tội".

2. Trước cách xử sự của vị Thái y lệnh, thái độ của Trần Anh Vương diễn biến như thế nào ? Qua đó, nhân cách của Trần Anh Vương được thể hiện ra sao ?

3. Qua câu chuyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* có thể rút ra cho những người làm nghề y hôm nay và mai sau bài học gì ?

4*. Hãy so sánh nội dung y đức^(a) được thể hiện ở văn bản *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* với văn bản kể về Tuệ Tĩnh (tr. 44).

Ghi nhớ

Với hình thức ghi chép chuyện thật, trong đó biết xoay vào một tình huống gay cấn để tính cách nhân vật được bộc lộ rõ nét, truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* ca ngợi phẩm chất cao quý của vị Thái y lệnh họ Phạm : không chỉ có tài chữa bệnh mà quan trọng hơn là có lòng thương yêu và quyết tâm cứu sống người bệnh tới mức không sợ quyền uy, không sợ mang vạ vào thân.

LUYỆN TẬP

1. Một bậc lương y chân chính theo mong mỏi của Trần Anh Vương phải như thế nào ? Hãy so sánh nội dung đó với nội dung trong lời thể của Hi-pô-cờ-rát được trích ở phần *Đọc thêm*.

2. Nhan đề văn bản này nguyên văn chữ Hán là *Y thiện dụng tâm* (y : chữa bệnh, thầy thuốc ; thiện : giỏi, tốt, lành ; dụng : dùng, đem dùng ; tâm : lòng, tấm lòng). Có sách dịch nhan đề trên là *Thầy thuốc giỏi ở tấm lòng*, ở đây dịch : *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*. Vậy có gì khác nhau ? Em tán thành cách nào ? Lí do ?

ĐỌC THÊM

*Thấy người đau giống mình đau,
Phương nào cứu đặng^(b) mau mau trị lành.
Đứa ăn mày cũng trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không.
[...] Hỡi ai có bụng như vậy,
Đạo y ngày sáng, tiếng thầy nào hư.*

(Nguyễn Đình Chiểu, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*)

(a) Y đức : đạo đức của người thầy thuốc.

(b) Đặng : được.

– "[...] Cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn."

(Hồ Chí Minh, *Thư gửi Hội nghị cán bộ y tế*, tháng 2 – 1955)

– "[...] Tôi không lấy tiền thù lao quá đáng và sẽ săn sóc miễn phí cho người nghèo. [...]"

(Lời thề Hi-pô-cờ-rát)^(a)

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tiếng Việt) RÈN LUYỆN CHÍNH TẢ

I – NỘI DUNG LUYỆN TẬP

1. Đối với các tỉnh miền Bắc

Đọc và viết đúng các cặp phụ âm đầu dễ mắc lỗi :

– Phụ âm đầu **tr / ch** : *tra xét, trầm tĩnh, trại giam, trơ trụi, trợ cấp, trách nhiệm, trật tự, ... / chặt chẽ, chắc chắn, chất lọc, chọn lựa, chuyển dịch, ...*

– Phụ âm đầu **s / x** : *sáng tạo, sản xuất, sang trọng, sỏi nổi, sỏi đá, sung sướng, sáo sậu, sắp ngửa, ... / xô đẩy, xì xào, xa cách, xương xẩu, xó xĩnh, ...*

– Phụ âm đầu **r / d / gi** : *rừng rục, rừng rợn, bìn rịn, bút rút, rầm rập, ... / do thám, dính dáng, dò la, đông dài, ... / giờ ra, giỗ tết, gương bướm, ...*

– Phụ âm đầu **l / n** : *la hét, lo liệu, lo sợ, lập nghiệp, luật pháp, luận điểm, lẫn lộn, lợi ích, ... / nêu lên, nương tựa, nảy sinh, nan giải, nô lệ, nóng bức, ...*

2. Đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam

Đọc và viết đúng :

– Vần **-ac, -at ; -ang, -an** : *lệch lạc, nhếch nhác, xệch xạc / ran rạt, man mát ; khang khác, thênh thang / lay van, phân tán, ...*

– Vần **-ước, -uot ; -ương, -ươn** : *được liệu, được thua, cá cược, mưu chước / lột thướt, xanh mướt ; thường dân, vương quốc, học đường, hướng dương / con lươn, lươn lờ, vay mượn, ...*

(a) *Hi-pô-cờ-rát* : bậc đại danh y của Hi Lạp ở thế kỉ V (tr. CN). Lời thề của Hi-pô-cờ-rát sau này đã được nhiều trường Đại học Y khoa trên thế giới lấy làm lời tuyên thệ hành nghề của sinh viên trong ngày làm lễ tốt nghiệp ra trường.

– Thanh **hỏi** / **ngã** : *thủ thi, phẩn khởi, đầy đủ, ngái ngủ, của cải / sợ hãi, lỗi lầm, dễ chịu, mồm mĩm, ...*

3. Riêng với các tỉnh miền Nam

Đọc và viết đúng :

– Phụ âm đầu **v / đ** : *vạm vỡ, vanh vách, vênh váo, vi vu, vụng về, vớ vẩn / dò hò, du thuyền, chu du, cơn dông, ...*

II – MỘT SỐ HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Điền **tr / ch, s / x, r / đ / gi, l / n** vào chỗ trống :

– ...ái cây, ...ờ đợi, ...uyên chỗ, ...ải qua, ...ôi chảy, ...ơ trụi, nói ...uyện, chương ...ình, ...ẻ tre.

– ...ấp ngựa, sản ...uất, ...ơ sài, bỏ ...ung, ...ung kích, ...ua đuổi, cái ...ẻng, ...uất hiện, chim ...áo, ...âu bộ.

– ...ũ rượu, ...ắc rổ, ...ảm giá, giáo ...ục, rung ...ình, rừng ...ợn, ...ang sơn, rau ...iếp, ...ao kéo, ... ao kéo, ...áo móc.

– ... ạc hậu, nói ...iều, gian ...an, ...ết na, ...ương thiện, ruộng ...ương, ...ỗ chỗ, lén ...út, bếp ...úc, ...ở làng.

2. Lựa chọn từ điền vào chỗ trống :

a) **vây, dây, giầy**

... cá, sợi ..., ... điện, ... cánh, ... đưa, ... phút, bao ...

b) **viết, diết, giết**

... giặc, da ..., ... văn, chữ ..., ... chết.

c) **vẻ, dễ, giẻ**

hạt ..., da ..., ... vang, văn ..., ... lau, mảnh ..., ... đẹp, ... rách.

3. Chọn **s** hoặc **x** để điền vào chỗ trống cho thích hợp :

Bầu trời ...ám xịt như sà xuống ...át mặt đất. ...ám rền vang, chớp loé ...áng rạch ...é cả không gian. Cây ...ung già trước cửa ...ổ trút lá theo trận lốc, trơ lại những cành ...ơ ...ác, khẳng khiu. Đột nhiên, trận mưa dông ...ầm ...ập đổ, gồ lên mái tôn loảng ...oảng.

4. Điền từ thích hợp có vần **-uôc** hoặc **-uôt** vào chỗ trống :

thất **lưng** ... bụng, ... miệng nói ra, cùng một ..., con bạch ..., thắng **đuôn** ..., quá **dưa** ..., bị ... rút, trắng ..., con **chấu** ...

5. Viết hỏi hay ngã ở những chữ in nghiêng :

ve tranh, biểu quyết, dè biu, bủn run, dai dẳng, hương thụ, tương tượng, ngày giờ, lô mang, cổ lô, ngâm nghi, ...

6. Chữa lỗi chính tả có trong những câu sau :

- *Tía đã nhiều lần căng dặng rắn không được kiêu căn.*
- *Một cây che chắng ngan đường chẵn cho ai vô dưng chặc cây, đốn gỗ.*
- *Có đau thì căng răng mà chịu nghen.*

7. Viết chính tả :

Các em yêu mến, hãy nghĩ xem, còn gì sung sướng hơn được làm lưng đổ mồ hôi trên đất nước của Tổ quốc liền một khối từ Lạng Sơn đến Cà Mau, đất nước mà hiện giờ ta đang phải lấy cả máu mình để bảo vệ ; còn gì sung sướng hơn được nói, viết, học tiếng Việt, tâm hồn ta gắn liền một với tình hoa tiếng nói Việt Nam yêu quý !

(Theo Xuân Diệu)

HOẠT ĐỘNG NGŨ VĂN : THI KỂ CHUYỆN

Hướng dẫn

1. Tất cả học sinh trong lớp đều phải tham gia.

2. Mỗi học sinh phải chuẩn bị kể lại một truyện mà mình tâm đắc nhất, bất cứ truyện đó thuộc thể loại nào (*truyện thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện trung đại, truyện đời thường, truyện tưởng tượng*).

3. Kể chứ không phải đọc thuộc lòng. Lời kể phải rõ ràng mạch lạc, biết ngừng đúng chỗ, biết kể diễn cảm, có ngữ điệu.

4. Khi kể phải phát âm đúng.

5. Tư thế kể đàng hoàng, tự tin, mắt nhìn thẳng vào mọi người, tiếng nói đủ nghe, không lí nhí trong cổ và cũng không gào khi không cần thiết.

6. Biết mở đầu trước khi kể và biết cảm ơn người nghe khi đã kể xong.

7. Người kể chuyện hay, hấp dẫn là người biết làm chủ câu chuyện, thể hiện ở những điểm : thuộc truyện, hiểu truyện, biết kể chuyện (kể tự nhiên, liền mạch, có ngữ điệu, biết nhấn mạnh, biết diễn cảm, biết ngừng đúng chỗ để gây chú ý, không kể thừa), gây được ấn tượng tốt đẹp cho người nghe.

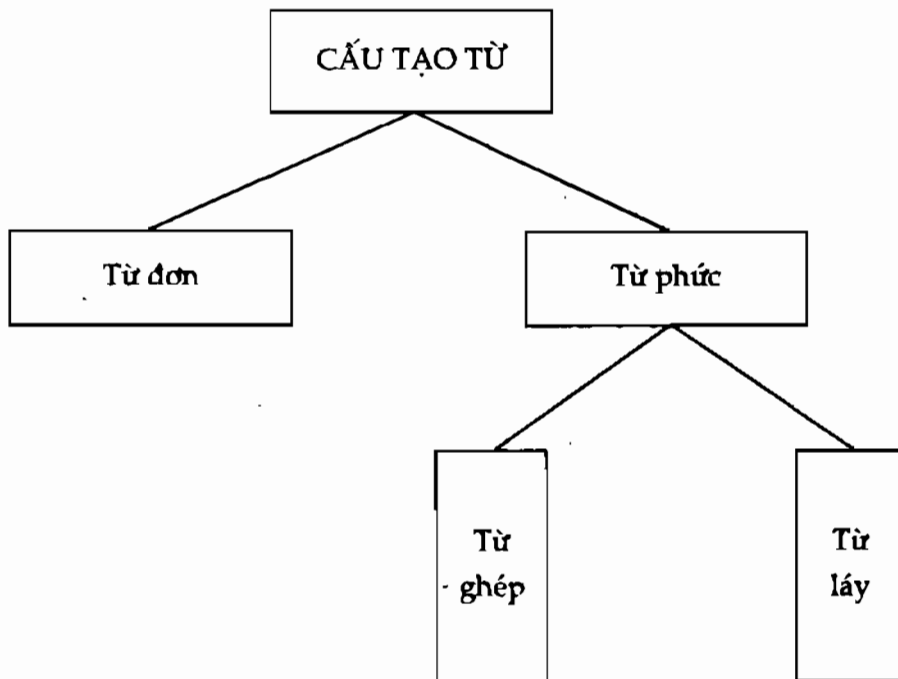
BÀI 17

Kết quả cần đạt

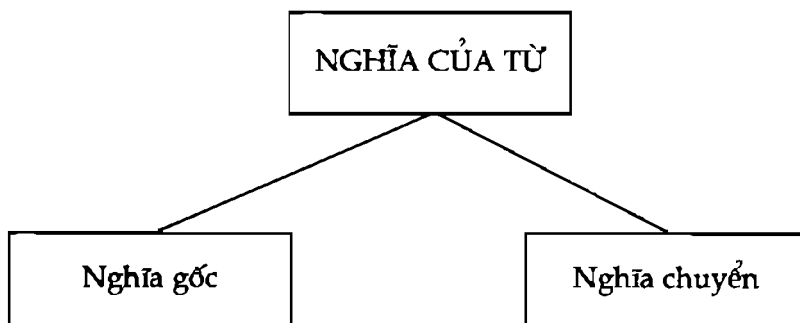
- **Củng cố những kiến thức về tiếng Việt** đã học trong học kì I của lớp 6.
- **Nắm được một số truyện kể dân gian hoặc sinh hoạt văn hoá dân gian địa phương**, nơi mình sinh sống ; **biết liên hệ và so sánh** với phần văn học dân gian đã học trong sách giáo khoa **Ngữ văn 6, tập một**, để thấy sự giống nhau và khác nhau của hai bộ phận văn học dân gian này.

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

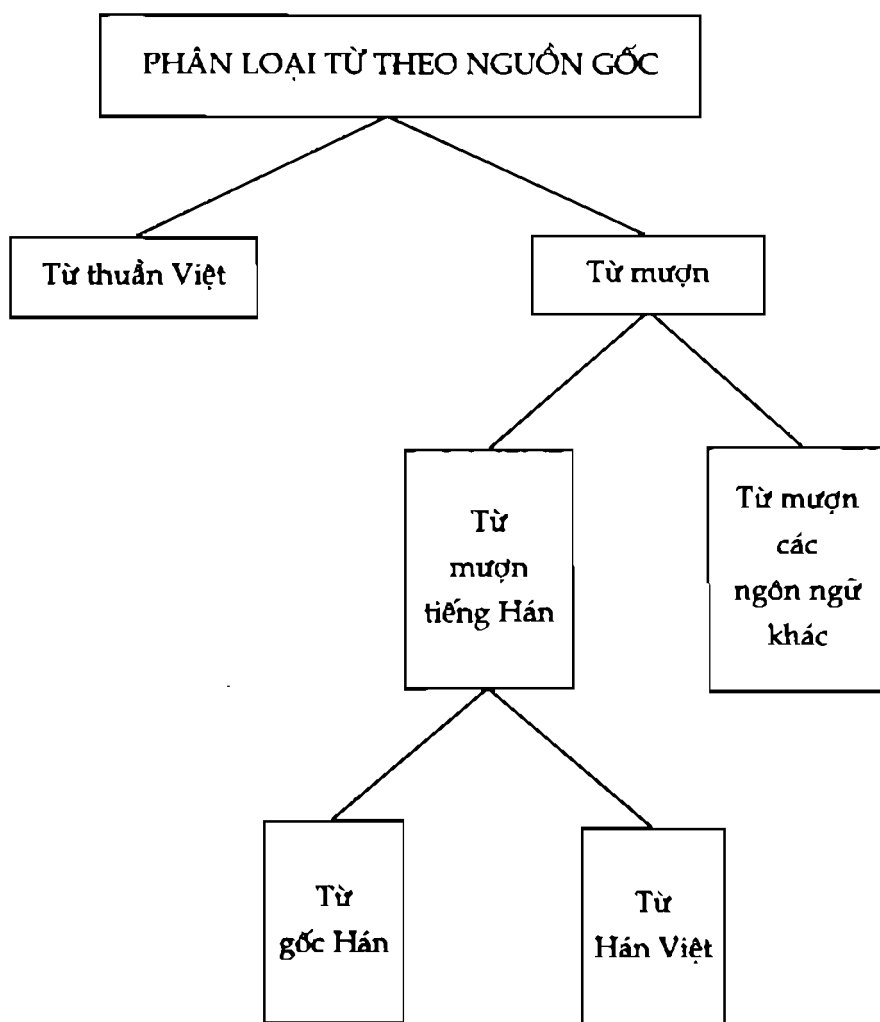
1.



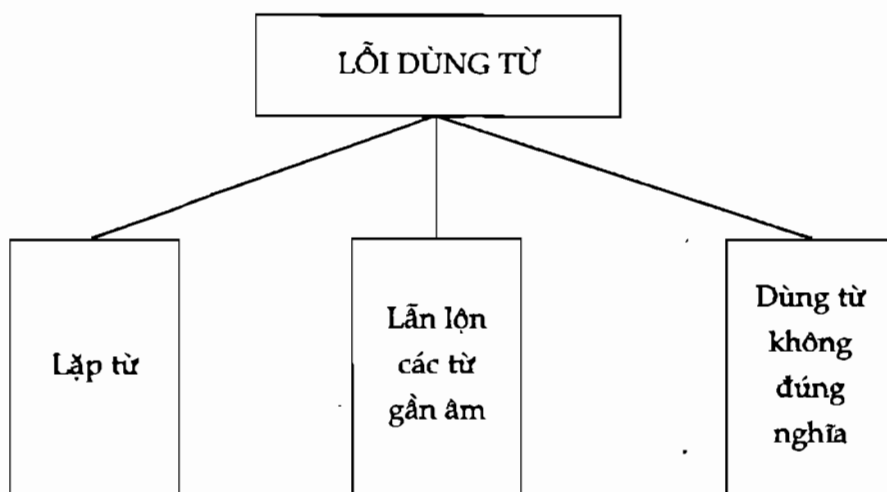
2.



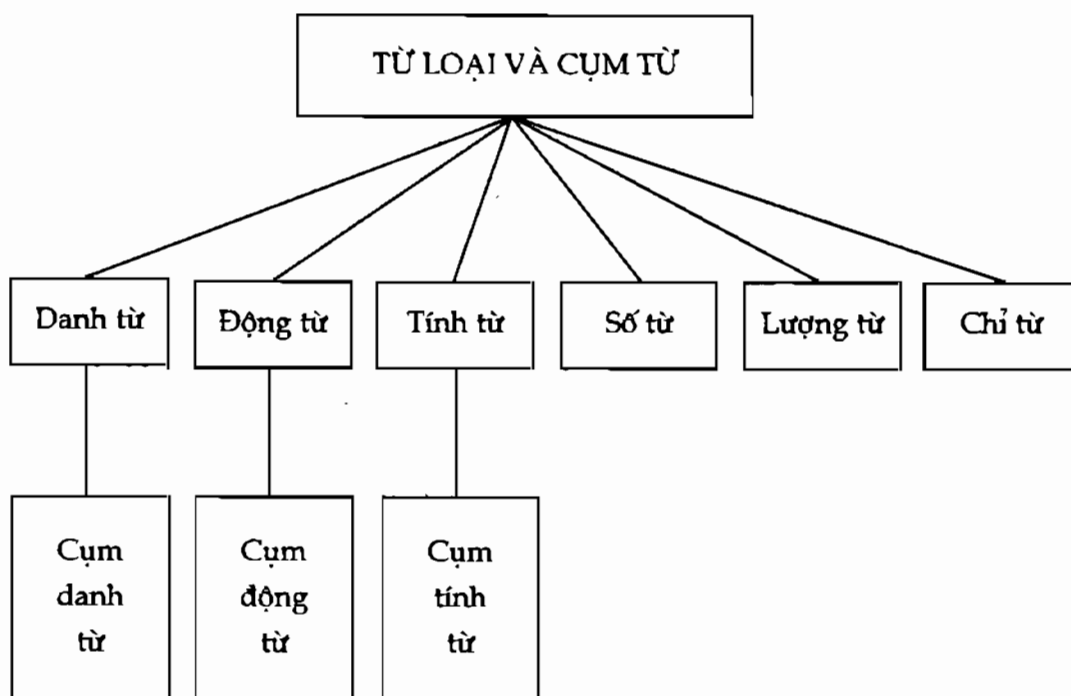
3.



4.



5.



KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Văn và Tập làm văn)

I – TÌM HIỂU Ở NHÀ

1. Em đã học những thể loại truyện dân gian nào trong chương trình Ngữ văn 6, tập một ?

2. Hãy tìm hiểu (qua sách báo hoặc hỏi cha mẹ, anh chị, ...) xem quê hương (thôn, xã, huyện, thị, tỉnh, thành phố) nơi mình đang sống có các thể loại truyện dân gian đã học ở trên không. Nếu có hãy ghi chép lại và nắm chắc nội dung của một vài truyện thể hiện rõ màu sắc địa phương nhất.

3. Những truyện dân gian của quê hương em có gì giống và có gì khác với các truyện dân gian đã học trong sách Ngữ văn 6, tập một ?

4. Ngoài các truyện dân gian, quê hương em còn có các sinh hoạt văn hoá dân gian (chơi gà, chơi trâu, chơi đu, đấu vật, hội thi bánh giầy, hội hát quan họ, v.v...) nào độc đáo ?

5. Tập kể lại một truyện dân gian hay giới thiệu một trò chơi dân gian địa phương mà em yêu thích.

II – HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Trao đổi trong nhóm về những nội dung đã chuẩn bị ở nhà.

2. Cùng các bạn trong nhóm trao đổi và lựa chọn nội dung độc đáo nhất sẽ trình bày trước lớp.

3. Trình bày trước lớp về nội dung đã được tổ, nhóm quyết định :

– Kể miệng ;

– Đọc văn bản truyện đã sưu tầm và chép lại được ;

– Giới thiệu hoặc biểu diễn luôn trò chơi dân gian mà em yêu thích.

4. Cùng thầy (cô) giáo tổng kết, đánh giá phần văn học dân gian địa phương.

MỤC LỤC

Bài	Nội dung	Trang
	Lời nói đầu	3
1	• Con Rồng cháu Tiên • Bánh chưng, bánh giầy (Tự học có hướng dẫn) • Từ và cấu tạo của từ tiếng Việt • Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt	5 9 13 15
2	• Thánh Gióng • Từ mượn • Tìm hiểu chung về văn tự sự	19 24 27
3	• Sơn Tinh, Thủy Tinh • Nghĩa của từ • Sự việc và nhân vật trong văn tự sự	31 35 37
4	• Sự tích Hồ Gươm • Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự • Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự • Viết bài tập làm văn số 1 – Văn kể chuyện (làm ở nhà)	39 44 47 49
5	• Sọ Dừa • Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ • Lời văn, đoạn văn tự sự	49 55 58
6	• Thạch Sanh • Chữa lỗi dùng từ • Trả bài tập làm văn số 1	61 68 69

7	• Em bé thông minh • Chữa lỗi dùng từ (tiếp theo) • Luyện nói kể chuyện	70 75 77
8	• Cây bút thần • Danh từ • Ngôi kể trong văn tự sự	80 86 87
9	• Ông lão đánh cá và con cá vàng • Thứ tự kể trong văn tự sự • Viết bài tập làm văn số 2 – Văn kể chuyện (làm tại lớp)	91 97 99
10	•Ếch ngồi đáy giếng • Thầy bói xem voi • Đeo nhạc cho mèo (Tự học có hướng dẫn) • Danh từ (tiếp theo) • Luyện nói kể chuyện	100 101 104 108 111
11	• Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng • Cụm danh từ • Trả bài tập làm văn số 2 • Luyện tập xây dựng bài tự sự – Kể chuyện đời thường	114 116 119 119
12	• Treo biển • Lợn cưới, áo mới • Số từ và lượng từ • Viết bài tập làm văn số 3 (làm tại lớp) • Kể chuyện tưởng tượng	124 126 128 130 130
13	• Ôn tập truyện dân gian • Chỉ từ • Luyện tập kể chuyện tưởng tượng	134 136 139

14	• <i>Con hổ có nghĩa</i>	141
	• Động từ	145
	• Cụm động từ	147
	• Trả bài tập làm văn số 3	149
15	• <i>Mẹ hiền dạy con</i>	150
	• Tính từ và cụm tính từ	153
	• Bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I	156
16	• <i>Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng</i>	162
	• Chương trình địa phương (phần <i>Tiếng Việt</i>) : Rèn luyện chính tả	166
	• Hoạt động ngữ văn : Thi kể chuyện	168
17	• Ôn tập Tiếng Việt	169
	• Kiểm tra Tiếng Việt	172
	• Chương trình địa phương (phần <i>Văn và Tập làm văn</i>)	172

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu : **VŨ THỊ THUYẾT ANH – VŨ THỊ KIM – TẠNG KIM NGÂN**

Biên tập tái bản : **VŨ THỊ THUYẾT ANH**

Biên tập kỹ thuật : **KIỀU NGUYỄN VIỆT**

Bìa và minh họa : **TRẦN TIỂU LÂM**

Sửa bản in : **NGUYỄN THỊ HOA DUNG**

Chế bản : **CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC**

NGŨ VĂN 6 – TẬP MỘT

Mã số : 2H608T1

In 30.000 bản (QĐ 09GK), khổ 17 x 24cm

In tại Công ty cổ phần in Sách giáo khoa tại TP - Hà Nội.

Số xuất bản: 01-2011/CXB/44-1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2011.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỀN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6

1. Ngữ văn 6 (tập một, tập hai)

2. Lịch sử 6

3. Địa lí 6

4. Giáo dục công dân 6

5. Âm nhạc và Mĩ thuật 6

6. Toán 6 (tập một, tập hai)

7. Vật lí 6

8. Sinh học 6

9. Công nghệ 6

10. Tiếng nước ngoài :

- Tiếng Anh 6

- Tiếng Nga 6

- Tiếng Pháp 6

- Tiếng Trung Quốc 6

- Tiếng Nhật 6

ISBN 978-604-0-00071-2



8 934994 019385



Giá: 8.500đ